BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
NGỮ VĂN 12

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH – NGUYỄN THỊ NGỌC MINH

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
NGỮ VĂN 12

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

CT	chương trình
CĐ	chuyên đề
CĐHT	Chuyên đề học tập
HS	học sinh
GV	giáo viên
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 – Sách giáo viên là tài liệu hướng dẫn dành cho GV dạy học *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách này được biên soạn theo định hướng nhất quán với sách giáo viên Chuyên đề học tập Ngữ văn lớp 10 và lớp 11. Tuy vậy, sách có nhiều nội dung mới, đáp ứng mục tiêu giáo dục theo định hướng nghề nghiệp cho HS lớp cuối cấp trong CT giáo dục phổ thông.

Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 – Sách giáo viên gồm hai phần: *Hướng dẫn chung* và *Hướng dẫn dạy học các chuyên đề cụ thể*. Phần *Hướng dẫn chung* nêu yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học các CĐ Ngữ văn lớp 12 theo quy định của CT, giới thiệu cấu trúc của các CĐ, lưu ý một số điểm khi sử dụng sách và tổ chức hoạt động dạy học các CĐ. Phần *Hướng dẫn dạy học các chuyên đề cụ thể* được biên soạn theo định hướng tương tự Ngữ văn lớp 12 – Sách giáo viên là vừa có những hướng dẫn cụ thể vừa tạo không gian sáng tạo cho GV trong tổ chức dạy học các CĐ.

Tuân thủ định hướng thực hành, ứng dụng trong biên soạn tài liệu CĐ Ngữ văn nói chung, các CĐ ở Ngữ văn lớp 12 chú trọng thiết kế các hoạt động học tập nhằm giúp HS hình thành và phát triển kĩ năng tìm tòi, nghiên cứu. Vì vậy, GV cần tổ chức dạy học theo nguyên tắc mở và linh hoạt, nhằm giúp HS hoàn thành việc học tập các CĐ, đạt được mục tiêu do CT quy định tuỳ theo khả năng và điều kiện học tập của các em.

Việc dạy học CĐ đặt ra cho các thầy cô và các em HS những thách thức lớn, nhất là ở lớp cuối cấp THPT. Tuy vậy, đây là hoạt động giáo dục cần được triển khai một cách nghiêm túc, khoa học vì nó phù hợp với tinh thần đổi mới của CT giáo dục phổ thông năm 2018 nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục theo định hướng nghề nghiệp, chuẩn bị cho HS thích ứng tốt hơn với bậc học sau cấp THPT. Tiếp nối SGV Chuyên đề học tập Ngữ văn ở các lớp trước, *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 – Sách giáo viên* sẽ giúp các thầy cô có công cụ hữu hiệu để tổ chức dạy học chuyên đề một cách thuận lợi và hiệu quả.

Chúc các thầy cô thành công!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG		TRANG
PHẦN MỘT	**HƯỚNG DẪN CHUNG**		6
	I. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học Chuyên đề học tập Ngữ văn lớp 12 – Sách giáo khoa		6
	II. Cấu trúc Chuyên đề học tập Ngữ văn lớp 12 – Sách giáo viên		8
	III. Một số vấn đề cần lưu ý khi sử dụng sách và dạy học các chuyên đề		12
PHẦN HAI	**HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ CỤ THỂ**		16
Chuyên đề 1	**Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại**		16
	I. Yêu cầu cần đạt		16
	II. Chuẩn bị		16
	III. Tổ chức hoạt động dạy học		18
	Phần 1. Tìm hiểu một số hướng nghiên cứu văn học hiện đại	1. Nghiên cứu cảm quan nghệ thuật trong văn học hiện đại	19
		Hoạt động 1. Đọc bài viết tham khảo	19
		Hoạt động 2. Thực hành nghiên cứu	22
		2. Nghiên cứu cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại	24
		Hoạt động 1. Đọc bài viết tham khảo	24
		Hoạt động 2. Thực hành nghiên cứu	29
	Phần 2. Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại	1. Chuẩn bị viết	31
		Hoạt động 1. Xác định các khái niệm, thuật ngữ then chốt	31
		Hoạt động 2. Chọn lọc, tổng hợp các thông tin đã thu thập	31
		2. Viết báo cáo nghiên cứu	31
		Hoạt động 1. Xây dựng đề cương nghiên cứu	31
		Hoạt động 2. Trình bày hệ thống luận điểm; chọn lọc, phân tích, bình luận các dẫn chứng, trích dẫn; sử dụng các thao tác nghiên cứu	32
		3. Chỉnh sửa, hoàn thiện	32
	Phần 3. Thuyết trình về kết quả của báo cáo nghiên cứu	1. Những lưu ý về việc thuyết trình	33
		2. Gợi ý tổ chức hoạt động thuyết trình	33
		Hoạt động 1.Thuyết trình trong nhóm học tập	33
		Hoạt động 2. Thuyết trình trong hoạt động ngoại khoá	34
Chuyên đề 2	**Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học**		35
	I. Yêu cầu cần đạt		35
	II. Chuẩn bị		35
	III. Tổ chức hoạt động dạy học		37
	Phần 1. Thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học	1. Xem một bộ phim được chuyển thể từ văn học	38
		Hoạt động 1. Khởi động	38
		Hoạt động 2. Chuẩn bị xem	38
		Hoạt động 3. Xem phim	39
		Hoạt động 4. Trả lời câu hỏi	40
		2. Xem một bức tranh được chuyển thể từ văn học	44
		Hoạt động 1. Khởi động	44
		Hoạt động 2. Chuẩn bị xem	44
		Hoạt động 3. Xem tranh	45

		Hoạt động 4. Trả lời câu hỏi	45
		3. Nghe một ca khúc được chuyển thể từ văn học	46
		Hoạt động 1. Khởi động	46
		Hoạt động 2. Chuẩn bị nghe	46
		Hoạt động 3. Nghe ca khúc	46
		Hoạt động 4. Trả lời câu hỏi	46
	Phần 2. Viết bài phân tích, giới thiệu và thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học	1. Viết bài phân tích, giới thiệu một tác phẩm điện ảnh được chuyển thể từ văn học	47
		Hoạt động 1. Đọc bài viết tham khảo	47
		Hoạt động 2. Thực hành viết	49
		2. Thuyết trình về một tác phẩm điện ảnh được chuyển thể từ văn học	50
	Phần 3. Thực hành chuyển thể tác phẩm văn học	1. Các bước tiến hành chuyển thể	50
		Hoạt động 1. Chuẩn bị	50
		Hoạt động 2. Chuyển thể	52
		2. Công bố tác phẩm	54
		3. Tổng kết, đánh giá	54
Chuyên đề 3	**Tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học: cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn**		55
	I. Yêu cầu cần đạt		55
	II. Chuẩn bị		55
	III. Tổ chức hoạt động dạy học		57
	Phần 1. Tìm hiểu cách nghiên cứu phong cách sáng tác của một trường phái văn học	1. Nhận biết cách nghiên cứu phong cách sáng tác của trường phái văn học qua một bài viết cụ thể	60
		Hoạt động 1. Đọc bài viết tham khảo	60
		Hoạt động 2. Phân tích một số thao tác nghiên cứu được vận dụng trong bài viết tham khảo	61
		2. Xác định hệ thống thao tác cần thực hiện khi nghiên cứu phong cách sáng tác của một trường phái văn học	62
		Hoạt động 1. Xác định hệ thống thao tác được sử dụng trong nghiên cứu tổng quan về phong cách sáng tác của một trường phái văn học	62
		Hoạt động 2. Xác định hệ thống thao tác được sử dụng trong nghiên cứu dấu ấn phong cách sáng tác của một trường phái văn học ở những tác phẩm cụ thể	63
	Phần 2. Viết bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học được thể hiện qua những tác phẩm cụ thể	1. Tìm hiểu yêu cầu, đặc điểm của kiểu bài viết	64
		Hoạt động 1. Đọc bài viết tham khảo	64
		Hoạt động 2. Xác định những đòi hỏi về nội dung và cách tổ chức của kiểu bài viết	65
		2. Thực hành viết	66
		Hoạt động 1. Chuẩn bị	66
		Hoạt động 2. Tìm ý, lập dàn ý	67
		Hoạt động 3. Viết bài	67
		Hoạt động 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện	67
	Phần 3. Thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học	Hoạt động 1. Chuẩn bị	67
		Hoạt động 2. Thuyết trình	68
		Hoạt động 3. Trao đổi, rút kinh nghiệm	68

PHẦN MỘT
HƯỚNG DẪN CHUNG

I MỤC TIÊU, YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN LỚP 12 – SÁCH GIÁO KHOA

1. Mục tiêu

– Hệ thống hoá những kiến thức Ngữ văn cụ thể đã được dạy học qua các bài trong CT bắt buộc (chủ yếu là kiến thức lí luận văn học và lịch sử văn học), tạo tiền đề cho việc khám phá, đánh giá các hiện tượng văn học ở độ sâu và tầm cao mới.

– Cho HS nhận thấy tiềm năng kết nối phong phú giữa những kiến thức Ngữ văn được dạy học trong CT với thực tiễn cuộc sống sôi động.

– Giúp HS biết chủ động tổ chức các dự án hay hoạt động phù hợp, có ý nghĩa, nhằm khám phá được thiên hướng và thế mạnh của bản thân khi theo đuổi định hướng nghề nghiệp gắn với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đồng thời phát huy ảnh hưởng tích cực của văn học trong đời sống, củng cố hiểu biết và bồi đắp tình yêu đối với nghệ thuật nói chung.

2. Yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học

Ba CĐ, mỗi CĐ có những yêu cầu cần đạt riêng do CT quy định và nội dung dạy học được thiết kế dựa trên cơ sở ấy (có tham khảo gợi ý của CT):

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG DẠY HỌC
Chuyên đề 1: Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại (10 tiết)	
– Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học hiện đại. – Biết viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại. – Vận dụng được một số hiểu biết từ CĐ để đọc và viết về văn học hiện đại. – Biết thuyết trình về một vấn đề văn học hiện đại đã tìm hiểu.	– Tìm hiểu một số hướng nghiên cứu văn học hiện đại. – Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại. – Thuyết trình về kết quả của báo cáo nghiên cứu.

Chuyên đề 2: Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học (15 tiết)	
– Hiểu thế nào là chuyển thể tác phẩm văn học. – Biết cách tìm hiểu, giới thiệu, thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học. – Nêu được ý tưởng và cách thức tiến hành chuyển thể một tác phẩm văn học.	– Thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học. – Viết bài phân tích, giới thiệu và thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học. – Thực hành chuyển thể tác phẩm văn học.
Chuyên đề 3: Tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học: cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn (10 tiết)	
– Nhận biết được phong cách sáng tác của một trường phái (trào lưu) văn học qua một số đặc điểm cơ bản. – Biết các yêu cầu và cách thức tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học. – Biết viết bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học. – Vận dụng được những hiểu biết từ CĐ để tìm hiểu về phong cách sáng tác của một số trường phái văn học khác. – Biết thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học.	– Tìm hiểu cách nghiên cứu phong cách sáng tác của một trường phái văn học. – Viết bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học được thể hiện qua những tác phẩm cụ thể. – Thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học.

Những yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học trên mang tính chất tiếp nối và nâng cao những gì đã có trong hệ thống CĐHT Ngữ văn lớp 10, lớp 11, phù hợp với những nội dung mà HS đã được tìm hiểu, thực hành vận dụng theo CT Ngữ văn lớp 12 bắt buộc, do đó, hoàn toàn có tính khả thi.

Có thể nhận thấy sự tương ứng rõ rệt giữa CĐ 1 của CĐHT Ngữ văn lớp 12 (*Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại*) với CĐ 1 của CĐHT Ngữ văn lớp 10 (*Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian*) và CĐ 1 của Ngữ văn lớp 11 (*Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam*). Ba CĐ học ở ba lớp tạo thành một hệ thống riêng, giúp HS có được cái nhìn xuyên suốt về lịch sử văn học với các bộ phận cấu thành chủ yếu và quá trình phát triển của nó. Bên cạnh đó, CĐ 3 của CĐHT Ngữ văn lớp 12 (*Tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học: cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn*) cũng có sự kết nối chặt chẽ với CĐ 3 của CĐHT Ngữ văn lớp 10 (*Đọc, viết, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết*) và CĐ 3 của CĐHT Ngữ văn lớp 11 (*Đọc, viết và giới thiệu về một tác giả văn học*) để tạo thành một hệ thống khác, đưa đến cho HS ý niệm

tổng quát về các đơn vị quan trọng cấu thành đời sống văn học theo cái nhìn đồng đại, gồm: tác phẩm, tác giả, trường phái (trào lưu). Còn CĐ 2 của CĐHT Ngữ văn lớp 12 (*Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học*) có thể xem là sự tiếp nối CĐ 2 của CĐHT Ngữ văn lớp 10 (*Sân khấu hoá tác phẩm văn học*). Cả hai CĐ đều hướng HS tới cái nhìn rộng mở về mối quan hệ giữa văn học với các loại hình nghệ thuật khác. Nhìn chung, mối liên kết chặt chẽ giữa các CĐ ở cấp THPT đã tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho HS củng cố, phát triển những kiến thức đã học (kiến thức về những vấn đề có tầm bao quát, mang tính chuyên sâu) và trau dồi thêm các kĩ năng từng được hình thành trước đó (kĩ năng đọc hiểu, nghiên cứu, viết báo cáo, thuyết trình).

II CẤU TRÚC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN LỚP 12 – SÁCH GIÁO VIÊN

1. Cấu trúc chung của cuốn sách

– *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 – SGV* gồm hai phần chính: Phần một – *Hướng dẫn chung* và Phần hai – *Hướng dẫn dạy học các chuyên đề cụ thể*.

– Trọng tâm của mỗi phần, mỗi CĐ trong *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 – SGV* là những gợi ý về các hoạt động mà GV sẽ hướng dẫn HS thực hiện trong quá trình học CĐ, dựa trên những kiến thức, câu hỏi, bài tập đã được SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12* đưa ra. Cần nhấn mạnh rằng đây chỉ là những gợi ý. GV hoàn toàn có thể chọn cho mình một cách tổ chức khác đối với các hoạt động, miễn sao đáp ứng được các yêu cầu của CĐ và phù hợp với điều kiện dạy học thực tế ở trường, địa bàn mình công tác.

2. Cấu trúc từng chuyên đề

Các bài đều có bố cục chung, gồm ba phần: *Yêu cầu cần đạt, Chuẩn bị, Tổ chức hoạt động dạy học*. Tuy nhiên, khi triển khai cụ thể, phần *Tổ chức hoạt động dạy học*, mỗi bài có một hệ thống đề mục riêng, tương thích với nội dung cụ thể của CĐ và phù hợp với định hướng dạy học hiện nay là chú trọng tổ chức hoạt động mà không phải chỉ cung cấp kiến thức.

Trong nội dung hướng dẫn dạy học CĐ 1, phần *Tổ chức hoạt động dạy học* được triển khai như sau:

- Tìm hiểu tri thức tổng quát
- Tìm hiểu hệ thống kiến thức cụ thể được trình bày trong SGK

Phần 1. Tìm hiểu một số hướng nghiên cứu văn học hiện đại

1. Nghiên cứu cảm quan nghệ thuật trong văn học hiện đại

Hoạt động 1. Đọc bài viết tham khảo

a. Mục đích của hoạt động

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Hoạt động 2. Thực hành nghiên cứu

a. Tìm hiểu khái niệm

b. Xác định đối tượng, phạm vi và mục đích nghiên cứu

c. Thu thập, phân tích và xử lí thông tin

2. Nghiên cứu cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại

Hoạt động 1. Đọc bài viết tham khảo

a. Mục đích của hoạt động

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Hoạt động 2. Thực hành nghiên cứu

a. Tìm hiểu khái niệm

b. Xác định đối tượng, phạm vi và mục đích nghiên cứu

c. Thu thập, phân tích và xử lí thông tin

Phần 2. Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại

1. Chuẩn bị viết

Hoạt động 1. Xác định các khái niệm, thuật ngữ then chốt

Hoạt động 2. Chọn lọc, tổng hợp các thông tin đã thu thập

2. Viết báo cáo nghiên cứu

Hoạt động 1. Xây dựng đề cương nghiên cứu

Hoạt động 2. Trình bày hệ thống luận điểm; chọn lọc, phân tích, bình luận các dẫn chứng, trích dẫn; sử dụng các thao tác nghiên cứu

3. Chỉnh sửa, hoàn thiện

Phần 3. Thuyết trình về kết quả của báo cáo nghiên cứu

1. Những lưu ý về việc thuyết trình

2. Gợi ý tổ chức hoạt động thuyết trình

Hoạt động 1. Thuyết trình trong nhóm học tập

a. Chuẩn bị

b. Thuyết trình

c. Trao đổi, rút kinh nghiệm

Hoạt động 2. Thuyết trình trong hoạt động ngoại khoá

a. Mục đích của hoạt động

b. Phối hợp hoạt động khi thuyết trình

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Trong nội dung hướng dẫn dạy học CĐ 2, phần *Tổ chức hoạt động dạy học* được triển khai như sau:

- Tìm hiểu tri thức tổng quát
- Tìm hiểu hệ thống kiến thức cụ thể được trình bày trong SGK

Phần 1. Thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học

1. Xem một bộ phim được chuyển thể từ văn học

Hoạt động 1. Khởi động

Hoạt động 2. Chuẩn bị xem

Hoạt động 3. Xem phim

Hoạt động 4. Trả lời câu hỏi

2. Xem một bức tranh được chuyển thể từ văn học

Hoạt động 1. Khởi động

Hoạt động 2. Chuẩn bị xem

Hoạt động 3. Xem tranh

Hoạt động 4. Trả lời câu hỏi

3. Nghe một ca khúc được chuyển thể từ văn học

Hoạt động 1. Khởi động

Hoạt động 2. Chuẩn bị nghe

Hoạt động 3. Nghe ca khúc

Hoạt động 4. Trả lời câu hỏi

Phần 2. Viết bài phân tích, giới thiệu và thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học

1. Viết bài phân tích, giới thiệu một tác phẩm điện ảnh được chuyển thể từ văn học

Hoạt động 1. Đọc bài viết tham khảo

a. Mục đích của hoạt động

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Hoạt động 2. Thực hành viết

a. Chuẩn bị

b. Tìm ý, lập dàn ý

c. Viết

d. Chỉnh sửa, hoàn thiện

2. Thuyết trình về một tác phẩm điện ảnh được chuyển thể từ văn học

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Phần 3. Thực hành chuyển thể tác phẩm văn học

1. Các bước tiến hành chuyển thể

Hoạt động 1. Chuẩn bị

Hoạt động 2. Chuyển thể

2. Công bố tác phẩm

3. Tổng kết, đánh giá

Trong nội dung hướng dẫn dạy học CĐ 3, phần *Tổ chức hoạt động dạy học* được triển khai như sau:

- Tìm hiểu tri thức tổng quát
- Tìm hiểu hệ thống kiến thức cụ thể được trình bày trong SGK

Phần 1. Tìm hiểu cách nghiên cứu phong cách sáng tác của một trường phái văn học

1. Nhận biết cách nghiên cứu phong cách sáng tác của trường phái văn học qua một bài viết cụ thể

Hoạt động 1. Đọc bài viết tham khảo

Hoạt động 2. Phân tích một số thao tác nghiên cứu được vận dụng trong bài viết tham khảo

2. Xác định hệ thống thao tác cần thực hiện khi nghiên cứu phong cách sáng tác của một trường phái văn học

Hoạt động 1. Xác định hệ thống thao tác được sử dụng trong nghiên cứu tổng quan về phong cách sáng tác của một trường phái văn học

Hoạt động 2. Xác định hệ thống thao tác được sử dụng trong nghiên cứu dấu ấn phong cách sáng tác của một trường phái văn học ở những tác phẩm cụ thể

Phần 2. Viết bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học được thể hiện qua những tác phẩm cụ thể

1. Tìm hiểu yêu cầu, đặc điểm của kiểu bài viết

Hoạt động 1. Đọc bài viết tham khảo

Hoạt động 2. Xác định những đòi hỏi về nội dung và cách tổ chức của kiểu bài viết

2. Thực hành viết

Hoạt động 1. Chuẩn bị

Hoạt động 2. Tìm ý, lập dàn ý

Hoạt động 3. Viết bài

Hoạt động 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Phần 3. Thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học

Hoạt động 1. Chuẩn bị

Hoạt động 2. Thuyết trình

Hoạt động 3. Trao đổi, rút kinh nghiệm

Nhìn vào cách tổ chức nội dung hướng dẫn dạy học ở cả ba CĐ, có thể thấy mỗi CĐ đều có hai phần chính: phần hướng dẫn cách hình thành, củng cố, hệ thống hoá các kiến thức lí thuyết cho HS và phần hướng dẫn thực hành. Đối với cả hai phần, việc tìm hiểu các bài viết tham khảo đều được xem là một hoạt động quan trọng, vừa giúp HS củng cố kiến thức, vừa để các em nhận ra mô hình tổ chức của văn bản cần tạo lập. Các bài soạn đã gợi ý nhiều khả năng tổ chức – thực hiện các hoạt động cụ thể để GV lựa chọn, sao cho việc thực hành đạt được hiệu quả tích cực, tận dụng được mọi lợi thế của điều kiện dạy học hiện có để hoàn thành các sản phẩm đáp ứng được yêu cầu cần đạt của từng CĐ.

III MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI SỬ DỤNG SÁCH VÀ DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ

1. Xác định trình tự dạy học các chuyên đề

– Vấn đề này từng được đề cập trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGV và CĐHT Ngữ văn lớp 11 – SGV, ở đây xin nhắc lại định hướng chung kèm theo một số đề xuất mới phù hợp với nội dung các CĐ trong CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK.

– Khi tổ chức dạy học hệ thống CĐ ở lớp 12, tuỳ theo tình hình cụ thể, GV có thể hoán đổi trật tự các CĐ, bởi mỗi CĐ có nội dung tương đối độc lập. Tất nhiên, việc hoán đổi này phải được thực hiện một cách có cân nhắc, dựa trên việc bao quát toàn diện các yếu tố sau:

+ Logic kết nối giữa ba CĐ bắt buộc phải học.

+ Các điều kiện phục vụ cho việc dạy học CĐ ở từng thời điểm cụ thể của năm học.

+ Khả năng tích hợp kiến thức và hoạt động của từng CĐ ở các thời điểm khác nhau trong năm học.

+ Tâm thế đón đợi của HS trước từng loại hình nội dung của các CĐ.

+ Mức độ chuẩn bị của GV cho việc dạy học từng CĐ.

– Trong việc xác định CĐ nào có thể hoặc cần dạy trước, CĐ nào có thể hoặc cần dạy sau, tập thể GV bộ môn phải có sự bàn định thống nhất. Mỗi GV không nên tự xây dựng cho mình một "lịch" dạy học riêng vì điều đó sẽ gây nhiều khó khăn cho việc quản lí hành chính về nề nếp và nội dung dạy học.

– Ngoài việc dạy học các CĐ theo đúng trình tự đã thể hiện trong CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK, GV có thể tuỳ tình hình thực tế mà lựa chọn các trình tự khác theo gợi ý dưới đây:

+ 1. *Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học*; 2. *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại*; 3. *Tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học: cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn.*

+ 1. *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại*; 2. *Tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học: cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn*; 3. *Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học.*

Nhìn vào các trình tự được gợi ý ở trên, cần nhận thấy chỉ CĐ 2 là có thể được dạy học tuỳ thời điểm, hai CĐ còn lại không thay đổi trình tự trong tương quan với nhau: CĐ 1 phải được dạy học trước CĐ 3, vì nội dung CĐ 1 để cập những vấn đề chung của văn học hiện đại, còn CĐ 3 thì đi sâu tìm hiểu một điểm đặc thù của văn học hiện đại gắn với sự xuất hiện của nhiều trường phái văn học.

2. Phân bổ thời gian thực hiện các hoạt động theo yêu cầu của từng chuyên đề

– CT chỉ quy định tổng số tiết dạy học cho từng CĐ, không quy định thời lượng cụ thể cho các hoạt động mà mỗi CĐ phải thực hiện (CĐ 1: 10 tiết; CĐ 2: 15 tiết; CĐ 3: 10 tiết). Do nội dung của các CĐ rất phong phú nên việc phân bổ thời gian cho từng hoạt động phải được cân nhắc kĩ. Dù kiến thức công cụ mà HS phải nắm khá nhiều và thực sự phức tạp, nhưng GV cũng chỉ nên dành khoảng 1/3 thời lượng dạy học CĐ để hướng dẫn các em tìm hiểu. Thời gian còn lại sẽ được dành cho HS làm ra các sản phẩm theo yêu cầu của CĐ và sau đó là báo cáo kết quả thực hành trước nhóm học tập hoặc trước cả lớp. Dĩ nhiên, để hoàn thành công việc mà CĐ đòi hỏi (như thu thập thông tin về vấn đề chọn nghiên cứu; viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình về một vấn đề văn học hiện đại; viết bài phân tích, giới thiệu và thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học; chuyển thể một tác phẩm văn học thành tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác; viết bài giới thiệu và thuyết trình về dấu ấn phong cách sáng tác của một trường phái văn học ở các tác phẩm cụ thể), GV và HS nhất thiết phải huy động thêm thời gian ở bên ngoài khung "cứng" của CĐ. Đây chính là điểm khác biệt của việc dạy học một CĐ với việc dạy học một bài học theo CT bắt buộc.

– GV cần lưu ý rằng việc dạy học một CĐ khó có thể diễn ra liên tục trong một thời gian ngắn. Khoảng cách giữa thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc CĐ phải được kéo giãn một cách hợp lí, đủ để HS có thời gian hoàn thành các nhiệm vụ thực hành của mình. Vì vậy, trong "kế hoạch bài dạy", GV phải hình dung được một cách khá cụ thể, chi tiết những hoạt động của cả GV lẫn HS ở giai đoạn sau "tiếp thu lí thuyết" và trước báo cáo kết quả học tập CĐ. Về phía GV, đó là các hoạt động: kiểm tra, đôn đốc, tư vấn, tham mưu,... Về phía HS, đó là các hoạt động: phân công công việc, triển khai công việc, phối hợp hoạt động, tham vấn GV và chuyên gia, lên kế hoạch báo cáo kết quả hoạt động và giới thiệu sản phẩm đã hoàn thiện,...

– Ở một số cơ sở giáo dục gặp điều kiện khó khăn, khó tổ chức được các hoạt động "đúng chuẩn" theo yêu cầu cần đạt của hệ thống CĐ, GV có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc hướng dẫn HS học các nội dung được biên soạn trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12*, từ việc đọc, phân tích các văn bản tham khảo đến việc hệ thống hoá kiến thức theo từng vấn đề đã được nêu. Tuy vậy, cần tranh thủ từng cơ hội thuận lợi để hướng HS vào hoạt động vận dụng, thực hành, bởi chính qua vận dụng, thực hành, HS mới thực sự thấy được ý nghĩa thiết thân của những kiến thức được học theo CT bắt buộc và theo hệ thống CĐ môn học mà các em đã lựa chọn.

3. Kết nối kiến thức, kĩ năng khi dạy học chuyên đề và điều chỉnh yêu cầu của chuyên đề cho phù hợp với thực tiễn

– Giữa dạy học CĐ và dạy học các nội dung thuộc CT bắt buộc có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Với HS, kiến thức, kĩ năng có được qua học tập theo CT bắt buộc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các CĐ. Ngược lại, những điều thu hoạch được qua học tập các CĐ luôn giúp các em đáp ứng tốt những yêu cầu của CT bắt buộc. Hơn nữa, kiến thức và kĩ năng được hình thành với hệ thống CĐ ở lớp 10, lớp 11 cũng tạo nền tảng tốt cho việc triển khai các hoạt động theo yêu cầu của hệ thống CĐ ở lớp 12. Nếu GV nhận thức được sâu sắc về điều này, việc xử lí tình trạng "quá tải" về kiến thức và kĩ năng trong hoạt động dạy học sẽ không còn quá phức tạp. Ví dụ, khi dạy học CĐ 1 – *Tập nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại*, GV không cần dành nhiều thời gian cho HS tìm hiểu các khái niệm như *đề tài, vấn đề, mục tiêu – nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu, đề cương nghiên cứu,…* bởi đó là các khái niệm mà CĐ 1 của lớp 10 và lớp 11 đã giới thuyết kĩ và các em cũng đã được tiếp xúc, thực hành khi học Bài 4, Bài 5 trong SGK *Ngữ văn 10*, tập một, Bài 5 trong SGK *Ngữ văn 11*, tập một. Việc GV cần làm là cho HS ôn lại và trao đổi với nhau về những điều đã học để nhanh chóng đi vào tìm hiểu những đơn vị kiến thức mới. Tương tự như vậy, khi dạy học CĐ 2 – *Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học*, GV cũng cần cho HS điểm lại những kinh nghiệm bổ ích đã rút ra qua học CĐ 2 ở lớp 10. Còn khi dạy học CĐ 3, không thể không nhắc HS ôn lại những kiến thức về tiểu thuyết hiện đại, về thơ được viết theo các phong cách như cổ điển, lãng mạn, tượng trưng, siêu thực,… đã được học theo CT bắt buộc của lớp 12.

– Dĩ nhiên, với HS, điều tiếp nhận được ở một CĐ không chỉ có kiến thức mà còn có kĩ năng hoạt động, bao gồm trong đó kĩ năng đọc, thu thập tài liệu, xử lí thông tin, tổ chức bài viết, xây dựng báo cáo nghiên cứu, thuyết trình,… Vì vậy, gợi cho các em nhớ lại các thao tác từng vận dụng để hoàn thành một sản phẩm hay cách huy động các phương tiện phù hợp khi viết báo cáo kết quả nghiên cứu và thuyết trình luôn là điều cần thiết.

– Trong ba CĐ Ngữ văn ở lớp 12, CĐ 1 và CĐ 3 đặt ra nhiều thử thách nhất đối với cả GV và HS, bởi ở đây có sự chồng chéo nhiều khái niệm, thuật ngữ văn học cần được luận giải tường minh. Trong nhiều ngữ cảnh, một số khái niệm như *văn học hiện đại, trào lưu, trường phái,…* vẫn thường được hiểu và giải thích khác nhau. Các bài soạn trong CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK, CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGV rất lưu ý vấn đề này và đã cố gắng tạo ra sự nhất quán trong việc giải thích, sử dụng các khái niệm, thuật ngữ đó. Vì vậy, cả GV và HS đều cần đọc và nghiên cứu cẩn thận mọi lưu ý trong SGK, SGV. Khi vốn đọc của HS còn mỏng, các bài tập CĐ nên hạn chế nêu các yêu cầu gắn với những tác phẩm mà các em chưa đọc hoặc khó tìm sách đọc, hơn nữa, khó "cảm thụ" vì chúng được viết bằng một thi pháp quá khác biệt với thi pháp của những tác phẩm các em từng quen. Do đó, nên tận dụng các tác phẩm đã học trong CT hoặc đã được gợi ý đọc thêm (ở phần *Củng cố, mở rộng* cuối mỗi bài học) làm "vật liệu" chính để xây dựng các báo cáo nghiên cứu, bài giới thiệu, nội dung thuyết trình,… Ví dụ, khi hướng dẫn HS viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại, GV có thể chấp nhận việc HS chỉ viết về những tác phẩm của văn học Việt Nam hiện đại đã từng được học hoặc được nhắc đến trong các bài học của CT bắt buộc. Theo CT, khi học CĐ 3, HS phải viết được bài giới thiệu

về phong cách sáng tác của một trường phái văn học. Những người biên soạn SGK đã cụ thể hoá yêu cầu này của CT, giới hạn vấn đề trong phạm vi "Viết bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học được thể hiện qua những tác phẩm cụ thể". Thậm chí, ở phần gợi ý để tài viết, SGK còn xác định phạm vi vấn đề hẹp hơn nữa: "Mỗi bài viết có thể chỉ cần làm sáng tỏ một phương diện nào đó trong phong cách sáng tác của trường phái mà người viết dự định giới thiệu." (tr. 76). Nếu việc thực hành ở các CĐ được triển khai theo hướng trình bày nói trên thì tính tích hợp của môn Ngữ văn được thể hiện rõ, các kiến thức đã tiếp nhận luôn được đào sâu, làm mới theo những tình huống học tập biến đổi đa dạng mà không quá tầm; sản phẩm của các CĐ hoàn toàn có thể được sử dụng lại ở các khoá học sau như những tài liệu tham khảo có giá trị, không chỉ cho việc dạy học các CĐ mà còn cho việc dạy học các bài khác trong CT bắt buộc.

4. Tổ chức hoạt động tập thể khi thực hiện các sản phẩm học tập theo yêu cầu của chuyên đề

– Hệ thống CĐ Ngữ văn lớp 12 hướng HS đến việc thực hành, vận dụng tri thức hơn là tích luỹ tri thức lí thuyết thuần tuý. Đã hướng đến thực hành thì phải quan tâm đến những sản phẩm được tạo ra qua các chuỗi hoạt động. Phần lớn sản phẩm mà các CĐ đòi hỏi đều mang tính tập thể, thể hiện nỗ lực hoạt động chung của cả nhóm học tập. Thậm chí, đối với việc viết báo cáo nghiên cứu (về một vấn đề văn học hiện đại) hay viết bài giới thiệu (về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học, về phong cách sáng tác của một trường phái văn học) – một việc vốn quen được nghĩ là chuyện của từng cá nhân – sự cộng tác giữa mọi thành viên trong nhóm học tập vẫn cần được xem là điều kiện thiết yếu. Từ nhận thức trên đây, khi gợi ý công việc và giao nhiệm vụ học tập cho HS trong quá trình dạy học CĐ, GV cần phải nghĩ tới việc giúp các em dựng kế hoạch hoạt động cho từng nhóm. Theo đó, việc đánh giá kết quả học tập CĐ sẽ được thực hiện qua việc đánh giá những sản phẩm chung mà từng nhóm HS đã thực hiện và báo cáo (vì thời gian học một CĐ khá ngắn, từng HS khó tự mình độc lập tạo được một sản phẩm riêng).

– Ở những trường học có điều kiện học tập tốt, HS có thể bỏ nhiều công sức để thực hiện những dự án đầy tham vọng theo gợi ý của các CĐ. Căn cứ vào tình hình thực tế, GV có thể điều chỉnh thời khoá biểu, chuyển việc "báo cáo kết quả" hoạt động của HS vào một thời điểm thích hợp hơn, sao cho việc báo cáo ấy có thể cộng hưởng được với các hoạt động giáo dục khác của nhà trường để tạo thành một sự kiện đáng nhớ.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ CỤ THỂ

CHUYÊN ĐỀ 1

TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học hiện đại.
- Biết viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ CĐ để đọc và viết về văn học hiện đại.
- Biết thuyết trình về một vấn đề văn học hiện đại đã tìm hiểu.

II CHUẨN BỊ

1. Giới thiệu chung

CĐ *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại* là sự tiếp nối và phát triển các CĐ đã được học trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10* (*Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian*), *Chuyên đề học tập Ngữ văn 11* (*Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam*). Mặc dù cũng nhằm mục tiêu hướng dẫn HS thực hiện các phương pháp, thao tác, quy trình nghiên cứu văn học, nhưng do văn học hiện đại có những đặc trưng riêng so với các loại hình văn học dân gian, văn học trung đại, nên CĐ *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại* cũng đòi hỏi những cách tiếp cận, các phương pháp và thao tác riêng. Theo đó, nội dung CĐ này vừa có sự lặp lại, củng cố các kiến thức, kĩ năng đã học trước đó, vừa có sự phát triển, nâng cao, đào sâu hơn theo mô hình vòng tròn đồng tâm khuếch tán.

CĐ này giúp HS:

– Hiểu được khái niệm văn học hiện đại, đặc trưng của văn học hiện đại, một số hướng nghiên cứu văn học hiện đại.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Hiểu được cấu trúc của một bài nghiên cứu văn học hiện đại, các thao tác, quy trình nghiên cứu văn học hiện đại.

– Vận dụng một cách hiệu quả các thao tác nghiên cứu văn học hiện đại để xác định đề tài; tìm kiếm, thu thập, phân tích và xử lí thông tin; xây dựng đề cương nghiên cứu; viết báo cáo nghiên cứu.

– Thuyết trình một cách mạch lạc và thuyết phục về những kết quả nghiên cứu đã đạt được.

Hướng tới các mục tiêu trên, CĐ được trình bày thành các phần:

– Phần *Tri thức tổng quát* trình bày một số quan niệm khác nhau về khái niệm văn học hiện đại; các đặc trưng của văn học hiện đại (như ý thức về cá tính và phong cách cá nhân, sự phá vỡ điển phạm, sự cách tân về nghệ thuật, cảm quan cô đơn, bất an, hoài nghi trước thực tại).

– Phần 1. *Tìm hiểu một số hướng nghiên cứu văn học hiện đại,* tập trung vào hai hướng nghiên cứu chính: nghiên cứu cảm quan nghệ thuật trong văn học hiện đại và nghiên cứu cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại. Ở phần này, HS có cơ hội được tham khảo các bài viết điển hình cho từng hướng nghiên cứu, từ đó nắm được cách bố cục, cấu trúc bài báo cáo nghiên cứu, hiểu rõ các thao tác mà người viết sử dụng, khái niệm chính cũng như các quy trình, thao tác đặc thù cần được sử dụng ở mỗi hướng nghiên cứu.

– Phần 2. *Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại* hướng dẫn HS kĩ năng viết báo cáo nghiên cứu, bao gồm các thao tác: chuẩn bị viết, viết báo cáo nghiên cứu, chỉnh sửa, hoàn thiện với những ví dụ cụ thể, trực quan. Khác với các nội dung hướng dẫn kĩ năng viết báo cáo nghiên cứu đã học trong SGK CĐHT Ngữ văn lớp 10, lớp 11, phần này đi sâu hướng dẫn những thao tác viết, ví dụ: Làm thế nào để viết được phần đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận? Làm thế nào để sử dụng một cách thuần thục các thao tác diễn giải, so sánh, bình luận, đánh giá, tổng hợp,... khi triển khai bài viết?

– Phần 3. *Thuyết trình về kết quả của báo cáo nghiên cứu* đưa ra những hướng dẫn về kĩ năng thuyết trình theo phạm vi và quy mô của hoạt động: cách thuyết trình trong một nhóm học tập, cách thuyết trình trong hoạt động ngoại khoá.

Trong năm học lớp 12, HS được học nhiều tác phẩm văn học hiện đại, đồng thời cũng đã có một cái nhìn toàn cảnh về văn học dân gian, văn học trung đại, vì thế, CĐ này giúp HS tổng kết lại nhiều kiến thức văn học mà các em đã học trước đây, đồng thời tạo tiền để thuận lợi cho việc tiếp nhận, đánh giá các hiện tượng văn học. Điều quan trọng nhất là sau khi học CĐ này, HS nắm được cách học sâu, cách nhìn nhận các hiện tượng văn học từ một góc nhìn mới mẻ, cách theo đuổi, phát triển một đề tài nghiên cứu trong khoảng thời gian dài với nhiều thách thức. Đây sẽ là những kĩ năng nền tảng cho các bậc học tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

Để bổ sung tư liệu và kiến thức cần thiết cho việc tổ chức dạy học CĐ này, GV có thể đọc thêm các tài liệu:

1. Đặng Anh Đào – Hoàng Nhân – Lương Duy Trung – Nguyễn Đức Nam – Nguyễn Thị Hoàng – Nguyễn Văn Chính – Phùng Văn Tửu (1999), *Văn học phương Tây*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

2. Đỗ Đức Hiểu (1999), *Đổi mới đọc và bình văn*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

3. Nguyễn Đăng Mạnh (2001), *Nhà văn – Tư tưởng và phong cách*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

4. Trần Thị Mai Nhi (1994), *Văn học hiện đại – Văn học Việt Nam giao lưu, gặp gỡ*, NXB Văn học, Hà Nội.

5. Trần Đình Sử (1995), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

6. Hoài Thanh – Hoài Chân (2006), *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941*, NXB Văn học, Hà Nội.

7. Phùng Văn Tửu (2010), *Tiểu thuyết trên đường đổi mới nghệ thuật*, NXB Tri thức, Hà Nội.

2. Phương tiện dạy học

– Về phía HS: CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK, hồ sơ tài liệu, bảng biểu,... liên quan đến bài học.

– Về phía GV:

+ Chuẩn bị một số phương tiện dạy học như các tác phẩm hội hoạ hiện đại (dùng làm tài liệu so sánh với các tác phẩm văn học hiện đại hoặc để minh hoạ cho sự chi phối về một số nguyên tắc mĩ học chung trong đời sống văn học nghệ thuật).

+ Phiếu học tập cho HS.

+ Slide bài giảng (nếu có).

III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tìm hiểu tri thức tổng quát

Nội dung kiến thức được trình bày ở phần *Tri thức tổng quát* của CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK khá phức tạp, đòi hỏi HS phải có tư duy logic tốt, cũng như vốn hiểu biết nhất định về văn học hiện đại. Ngoài việc giúp HS củng cố lại kiến thức về tất cả những tác phẩm văn học hiện đại đã học theo CT Ngữ văn cấp THCS và cấp THPT, phần *Tri thức tổng quát* còn nhắc đến những tác phẩm, tác giả mới, có thể chưa từng đề cập trước đó song đóng vai trò quan trọng trong tiến trình văn học hiện đại thế giới, nhằm khuyến khích các em đọc rộng hơn (đặc biệt là những HS muốn theo đuổi ngành học có liên quan đến môn Ngữ văn ở bậc Đại học).

Có nhiều cách khác nhau để hướng dẫn HS tìm hiểu phần *Tri thức tổng quát:*

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ phần *Tri thức tổng quát*, tóm tắt các thông tin quan trọng, đánh dấu hoặc ghi lại những tác phẩm, tác giả mới được nhắc tới, phân tích các tác phẩm,

hiện tượng văn học đã biết để làm rõ những đặc trưng của văn học hiện đại. Đây là phương pháp diễn dịch, đi từ lí thuyết đến thực tiễn, trong đó, GV hướng dẫn HS kĩ năng đọc lí thuyết, sử dụng các hiểu biết về thực tiễn văn học để làm sáng tỏ các vấn đề lí thuyết.

– GV có thể hướng dẫn HS tự rút ra những đặc trưng của văn học hiện đại bằng cách đặt ra các câu hỏi: *Hãy liệt kê những tác phẩm văn học hiện đại mà em đã học. Tại sao em cho đó là tác phẩm văn học hiện đại? Vậy khái niệm văn học hiện đại có thể hiểu như thế nào? Đâu là điểm khác biệt giữa văn học hiện đại và văn học trung đại?* Đây là phương pháp quy nạp, đi từ thực tiễn đến lí thuyết, giúp cho HS có khả năng khái quát, tổng hợp, đồng thời giúp ôn tập lại tất cả những kiến thức văn học đã học trước đó.

– GV đưa ra một tác phẩm văn học hiện đại và một tác phẩm văn học trung đại có cùng chủ đề để HS phân tích, rút ra những đặc trưng của văn học hiện đại (ví dụ bài thơ *Cáo tật thị chúng* của Mãn Giác thiền sư và *Vội vàng* của Xuân Diệu) và giải thích tại sao văn học hiện đại lại có những đặc trưng đó.

– GV sử dụng một số bức tranh tiêu biểu của nghệ thuật hiện đại để trực quan hoá một số đặc trưng của văn học hiện đại, đồng thời cho HS thấy mối quan hệ song hành, gắn bó mật thiết, sự tương ứng và xuyên thấm lẫn nhau giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, có thể sử dụng các hình ảnh minh hoạ được sử dụng trong SGK, ví dụ bức tranh *Kẻ lãng du trên biển sương mù* của Cát-xpa Đa-vít Phri-ê-đrích (Caspar David Friedrich), *Tiếng thét* của Ét-vát Mun (Edvard Munch),...

PHẦN 1

TÌM HIỂU MỘT SỐ HƯỚNG NGHIÊN CỨU VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

1. Nghiên cứu cảm quan nghệ thuật trong văn học hiện đại

Hoạt động 1 Đọc bài viết tham khảo

a. Mục đích của hoạt động

GV nói rõ mục đích của việc đọc bài viết tham khảo: bổ sung tri thức văn học, học hỏi cách viết của tác giả, qua đó nhận ra cấu trúc, cách thức trình bày một bài nghiên cứu văn học nói chung, bài nghiên cứu về cảm quan nghệ thuật trong văn học hiện đại nói riêng.

b. Cách thức tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS trước khi đọc. HS đọc văn bản, chú ý đến các thẻ chỉ dẫn phía bên phải. GV hướng dẫn HS thảo luận để trả lời các câu hỏi sau khi đọc. Qua việc trả lời các câu hỏi, GV giúp HS nhận ra bố cục, cấu trúc của bài viết, các thao tác mà tác giả sử dụng, cách trình bày các luận điểm chính và các thao tác nghiên cứu chính.

– Tên đề tài cần thể hiện rõ đối tượng nghiên cứu (vấn đề mà người nghiên cứu quan tâm, muốn làm rõ) và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

– Phần *Đặt vấn đề* phải trình bày khái quát lí do nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, phạm vi khảo sát, cách tiếp cận của tác giả và có thể giới thiệu khái quát những kết quả nghiên cứu chính.

– Phần *Giải quyết vấn đề* thường có các nội dung: làm rõ cơ sở lí thuyết, trình bày những kết luận chính của đề tài. Để diễn giải cơ sở lí thuyết, người viết cần làm rõ các khái niệm chính, hướng tiếp cận riêng của đề tài để làm cơ sở cho toàn bộ nghiên cứu. Các kết luận chính cần được làm rõ bằng các luận điểm thuyết phục, cách lập luận chặt chẽ, bằng chứng xác đáng, những phân tích sắc bén và nên trình bày dưới dạng các đề mục, được đánh số hoặc in đậm.

– Phần *Kết luận* tóm tắt những kết luận chính và nâng cao, mở rộng vấn đề.

– Bài viết tham khảo tập trung vào tìm hiểu sự cảm nhận, quan niệm, lí giải về thế giới và con người của chủ thể sáng tạo, được thể hiện qua các yếu tố nghệ thuật. Các kết luận chính của đề tài đều tập trung vào định hướng này (khủng hoảng hiện sinh, trải nghiệm sám hối và ý thức chuộc tội). Những phân tích về các yếu tố nghệ thuật như nhân vật, sự kiện, cốt truyện đều nhằm mục đích giúp làm rõ cảm quan nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu.

Dưới đây là gợi ý trả lời các câu hỏi sau khi đọc:

Câu hỏi 1

– GV yêu cầu HS đọc kĩ nhan đề, phần đặt vấn đề và trả lời các câu hỏi: *Vấn đề mà tác giả muốn tìm hiểu là gì? Để tìm hiểu vấn đề đó, tác giả đã chọn khảo sát hiện tượng văn học nào? Tác giả đã tiếp cận vấn đề đó từ lí thuyết nào?*

– GV giải thích cho HS các khái niệm "đối tượng nghiên cứu", "phạm vi nghiên cứu", "phương pháp tiếp cận" hay "cách tiếp cận" (tham khảo mục *Thực hành nghiên cứu* trong CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK, tr. 15 – 18) và tổng kết về đối tượng, phạm vi nghiên cứu, cách tiếp cận của tác giả trong bài viết tham khảo. (*Gợi ý*: Đối tượng nghiên cứu của bài viết là thế giới tuổi già, phạm vi khảo sát là những truyện ngắn sau năm 1975 của Nguyễn Minh Châu, cách tiếp cận được sử dụng là nghiên cứu diễn ngôn.)

Câu hỏi 2

– GV yêu cầu HS đọc mục 1. *Khái niệm tuổi già* của bài viết, xác định khái niệm chính và cách diễn giải khái niệm của tác giả. (*Gợi ý*: Khái niệm chính được sử dụng trong bài viết là *tuổi già*. Tác giả đã chỉ ra tuổi già là một ý niệm mang tính giao cắt, vừa là một hiện tượng mang tính chất sinh lí, vừa là một kiến tạo văn hoá, được biểu hiện ở những đặc điểm và triệu chứng thể chất và gắn với những trải nghiệm tinh thần đặc thù.)

– GV đặt thêm câu hỏi: *Khi nào cần diễn giải khái niệm? Làm thế nào để diễn giải khái niệm?* (*Gợi ý*: Phần diễn giải các khái niệm là nội dung quan trọng trong các bài nghiên cứu văn học nói chung cũng như văn học hiện đại nói riêng, đặc biệt khi tác giả sử dụng những khái niệm trừu tượng có nhiều cách hiểu, những khái niệm mới hoặc muốn bổ sung những nét nghĩa mới cho những khái niệm đã quen thuộc. Để diễn giải một khái niệm, ta có thể trình bày những cách diễn giải khác nhau của các học giả, sau đó nêu lên cách hiểu của mình hoặc cũng có thể cắt nghĩa các nét nghĩa, những nội hàm của khái niệm.)

Câu hỏi 3

– Với ý thứ nhất, có thể trả lời, trong bài viết, tác giả đã trình bày những kết luận chính: Thứ nhất, tuổi già là một kiến tạo văn hoá, gắn với những trải nghiệm tinh thần đặc thù mà không đơn thuần là một hiện tượng sinh lí với những biểu hiện về mặt thể chất. Thứ hai, khủng hoảng hiện sinh là cảm quan bao trùm tất cả các truyện ngắn viết về tuổi già của Nguyễn Minh Châu sau năm 1975. Cảm quan hiện sinh đó được biểu hiện cụ thể ở cảm giác bơ vơ, xa lạ với chính mình, trạng thái trống rỗng, thất bại, không mục đích, trải nghiệm sám hối và ý thức chuộc tội. Cảm quan đặc biệt này đã tạo nên một màu sắc riêng trong bức tranh thế giới của Nguyễn Minh Châu so với các nhà văn cùng thời như Nguyễn Huy Thiệp, Lưu Quang Vũ.

– Với ý hỏi thứ hai, GV gợi ý: Tác giả đã rút ra những kết luận đó trên cơ sở quan sát, khái quát hoá đặc điểm của thế giới nhân vật người già trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau năm 1975; đồng thời chọn lọc và phân tích những dẫn chứng tiêu biểu, sát hợp, đắt giá để làm nổi bật luận điểm của mình rồi so sánh với sáng tác của các nhà văn khác để làm nổi bật cảm quan riêng về thế giới trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu.

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: *Các kết luận đó được trình bày dưới hình thức nào?* (*Gợi ý*: Thông thường, trong một báo cáo nghiên cứu văn học, các kết luận chính thường được thể hiện rõ ngay ở các đề mục, được in đậm, in nghiêng hoặc được trình bày một cách ngắn gọn trong phần đầu hoặc cuối của mỗi mục. Cách trình bày này giúp bài viết trở nên mạch lạc và khiến người đọc dễ dàng nắm bắt được những thông tin quan trọng nhất của bài viết.)

Câu hỏi 4

GV có thể yêu cầu HS lập sơ đồ tóm tắt văn bản, chỉ ra các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng được triển khai trong văn bản. Thông qua sơ đồ đó, GV hướng dẫn HS nhận diện những thao tác nghiên cứu đã được tác giả sử dụng nhằm làm sáng tỏ các luận điểm như diễn giải, bình luận, đánh giá, phân tích dẫn chứng, so sánh, tổng hợp,...

Câu hỏi 5

GV yêu cầu HS đọc phần trích dẫn, tài liệu tham khảo và rút ra nhận xét về cách thức trình bày, vai trò của các yếu tố này trong bài nghiên cứu. (*Gợi ý*: Việc trích dẫn và trình bày mục tài liệu tham khảo đúng quy cách là những yêu cầu quan trọng, thể hiện ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của người viết, đồng thời cung cấp thêm thông tin cho người đọc. Những kiến thức này HS đã được học qua các bài hướng dẫn viết báo cáo nghiên cứu ở lớp 10 và lớp 11, trong CĐ lớp 12, GV có thể củng cố thêm cho các em.)

Sau khi giải quyết lần lượt hết năm câu hỏi trong SGK, GV giải thích cho HS đây là một bài nghiên cứu theo hướng tìm hiểu cảm quan nghệ thuật trong văn học hiện đại và đặt ra các câu hỏi nhỏ để HS dễ dàng trả lời: *Theo em, cảm quan nghệ thuật là gì? Cảm quan nghệ thuật được tác giả khám phá ra khi nghiên cứu các tác phẩm sau 1975 của Nguyễn Minh Châu là gì? Tác giả đã làm thế nào để người đọc nhận ra cảm quan đó? Qua bài viết, em học được những thao tác gì khi nghiên cứu cảm quan nghệ thuật trong văn học hiện đại?* GV ghi nhận ý kiến của HS, sau đó hướng dẫn các em trả lời những câu hỏi này bằng cách đọc mục *Thực hành nghiên cứu* trong CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK (tr. 15 – 18).

Hoạt động 2 Thực hành nghiên cứu

a. Tìm hiểu khái niệm

GV yêu cầu HS đọc mục *Tìm hiểu khái niệm* trong SGK (tr. 15 – 17), trả lời các câu hỏi: *Cảm quan nghệ thuật là gì? Cảm quan nghệ thuật trong văn học hiện đại khác gì với cảm quan nghệ thuật trong văn học trung đại?*

GV có thể làm mẫu, phân tích một ví dụ cụ thể để làm rõ cảm quan nghệ thuật đặc trưng của văn học hiện đại (ví dụ: bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu thể hiện rõ nỗi âu lo, khắc khoải của nhà thơ trước sự phôi pha của thời gian, sự ngắn ngủi của kiếp người). Sau đó, GV yêu cầu HS phân tích các tác phẩm văn học khác để làm sáng tỏ cảm quan nghệ thuật đặc trưng của văn học hiện đại. Từ những ý kiến phát biểu của HS, GV có thể gợi mở những đề tài, đối tượng nghiên cứu mới mẻ, thú vị.

b. Xác định đối tượng, phạm vi và mục đích nghiên cứu

Ở hoạt động này, GV sẽ cùng HS xây dựng một đề tài nghiên cứu cụ thể theo hướng nghiên cứu cảm quan nghệ thuật trong văn học hiện đại, tuân thủ các quy trình và thao tác nghiên cứu được trình bày trong mục *Xác định đối tượng, phạm vi và mục đích nghiên cứu* (CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK, tr. 17).

GV hướng dẫn HS cách xây dựng một đề tài nghiên cứu và gợi ý một số đề tài mà HS có thể thực hiện, ví dụ: *Quan niệm về con người tự nhiên trong "Chí Phèo" của Nam Cao; Hoài niệm về thời thơ ấu trong truyện ngắn của Thạch Lam; Không gian thành phố trong thơ Nguyễn Bính; Ánh sáng trong tập "Thơ Điên" của Hàn Mặc Tử;...*

GV có thể chia HS thành các nhóm, mỗi nhóm cùng thảo luận để tìm ra một đối tượng nghiên cứu mà mình cảm thấy hứng thú, xác định phạm vi khảo sát, mục đích nghiên cứu, đặt ra các câu hỏi nghiên cứu, dự kiến những kết quả nghiên cứu chính. Ngoài ra, GV nên sử dụng phiếu học tập để hỗ trợ HS trong quá trình làm việc.

GV hướng dẫn HS thảo luận về đề tài nghiên cứu của các nhóm; nhận xét, tư vấn và định hướng cho HS điều chỉnh, phát triển đề tài. GV cần lưu ý HS một số vấn đề để xác định đề tài nghiên cứu theo hướng tiếp cận này:

– Đề tài có ý nghĩa mới mẻ, mang tính chất phát hiện, chưa hoặc ít được nghiên cứu trước đó. Vì thế, sau khi tìm ra đề tài phù hợp, có khả năng thực hiện, cần đọc kĩ các tài liệu tham khảo để tránh lặp lại những gì người khác đã thực hiện. Nếu phát hiện có sự tương đồng giữa đề tài của mình với những nghiên cứu đã có thì phải điều chỉnh đề tài bằng cách: thu hẹp hoặc mở rộng vấn đề nghiên cứu, thay đổi phạm vi đề tài (chọn một nhóm các tác phẩm khác, thu hẹp hoặc mở rộng diện khảo sát), chọn một góc tiếp cận khác, sử dụng các khái niệm nghiên cứu khác hoặc thay đổi mục đích nghiên cứu, tập trung vào những gì chưa hay ít được quan tâm.

– Đề tài cần có tính khả thi, phù hợp với năng lực của cá nhân, điều kiện thời gian, nguồn tài liệu mà HS có thể tiếp cận. Vì vậy, HS nên thu hẹp phạm vi đề tài trong một hoặc một vài tác phẩm, chọn một vấn đề nghiên cứu dung dị, nhưng vẫn thể hiện được những phát hiện riêng của mình.

– Mọi ý tưởng nghiên cứu tốt chỉ có thể bắt nguồn từ việc đọc sâu, đọc rộng các tác phẩm văn học, vì thế, để có một đề tài tốt, cần mở rộng việc đọc ngoài các tác phẩm trong SGK.

– Hướng nghiên cứu cảm quan nghệ thuật khác với hướng nghiên cứu cách tân nghệ thuật ở chỗ tập trung vào chủ thể sáng tạo, làm nổi bật cái nhìn, cách nghĩ, tư tưởng, quan niệm của chủ thể. Trong khi đó, hướng nghiên cứu cách tân nghệ thuật đòi hỏi sự phân tích cụ thể những tìm tòi, sáng tạo mới về hình thức (theo sự chi phối của một cái nhìn, cách nghĩ, tư tưởng, quan niệm riêng nào đó).

Sau khi đã xác định được đề tài, GV giao nhiệm vụ cho HS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, dựa trên những kĩ năng đã được học trước đó.

c. Thu thập, phân tích và xử lí thông tin

Khi đã xác định đối tượng, phạm vi và mục đích nghiên cứu, GV có thể chọn một đề tài cụ thể, hướng dẫn HS đặt ra những câu hỏi nghiên cứu, liệt kê tất cả những điều muốn biết và cần tìm hiểu xung quanh đề tài.

Ví dụ, nếu nghiên cứu đề tài *Không gian thành phố trong thơ Nguyễn Bính*, có thể đặt ra các câu hỏi:

– Không gian nghệ thuật là gì? Vai trò của không gian nghệ thuật trong văn học?

– Không gian thành phố được miêu tả như thế nào trong thơ Nguyễn Bính? Không gian đó có mối quan hệ gì với con người?

– Nguyễn Bính miêu tả không gian thành phố qua điểm nhìn, lập trường, thái độ ra sao? Qua cách miêu tả đó, ta nhận ra quan niệm gì của Nguyễn Bính về thành phố?

– Có những dữ liệu lịch sử, địa lí, văn hoá nào về các thành phố Việt Nam thời thuộc Pháp đã được xuất bản mà bạn biết? Có mối liên hệ nào giữa các dữ liệu đó với quan niệm về thành phố trong thơ Nguyễn Bính?

– Quan niệm về thành phố trong thơ Nguyễn Bính có gì khác với quan niệm về thành phố của các nhà thơ cùng thời?

– Đã có những nghiên cứu nào về thành phố trong thơ Nguyễn Bính? Vấn đề nào đã được đề cập, vấn đề nào còn mở ngỏ hay còn đang tranh cãi trong những nghiên cứu đó?

Từ những câu hỏi nghiên cứu trên, GV hướng dẫn HS cách thu thập, phân tích và xử lí thông tin. Ví dụ, với đề tài *Không gian thành phố trong thơ Nguyễn Bính*, cần định hướng cho HS thực hiện các công việc sau:

STT	Câu hỏi nghiên cứu	Xác định nhiệm vụ	Xác định tài liệu cần đọc
1	Không gian thành phố được miêu tả như thế nào trong văn học lãng mạn?	Khái quát cách miêu tả không gian thành phố trong văn học lãng mạn, tìm ra quan niệm nghệ thuật của các nhà văn lãng mạn viết về thành phố.	1. Hoài Thanh – Hoài Chân (2006), *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941*, NXB Văn học, Hà Nội. 2. Nhiều tác giả (2004), *Thơ mới 1932 – 1945: Tác giả và tác phẩm*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

2	Không gian thành phố được miêu tả như thế nào trong thơ Nguyễn Bính?	Khái quát cách miêu tả không gian thành phố trong thơ Nguyễn Bính (các chiều kích không gian, cách cấu trúc không gian, mối quan hệ giữa không gian với con người,...).	3. Nhiều tác giả (1999), *Tuyển tập Tự lực văn đoàn* (3 tập), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội. 4. Nguyễn Bính (1986), *Tuyển tập Nguyễn Bính*, NXB Văn học, Hà Nội.
3	Đằng sau cách miêu tả không gian đó, ta nhận ra quan niệm gì của Nguyễn Bính về thành phố?	Chỉ ra quan niệm, tư tưởng của nhà thơ về cuộc sống và con người ẩn sau cách miêu tả không gian thành phố.	
4			

2. Nghiên cứu cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại

Hoạt động 1 Đọc bài viết tham khảo

a. Mục đích của hoạt động

Việc đọc bài viết tham khảo giúp HS:

– Nắm được các khái niệm về cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại trên các phương diện thể loại, ngôn từ và thủ pháp nghệ thuật thông qua một trường hợp nghiên cứu cụ thể.

– Nắm được cách viết một bài nghiên cứu cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại (các bước xác định đối tượng, phạm vi và mục đích nghiên cứu; thu thập, phân tích và xử lí thông tin).

– Hình thành và phát triển sự quan tâm, hứng thú với văn học hiện đại nói chung với vấn đề cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại nói riêng.

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Trước khi lựa chọn phương pháp thực hiện hoạt động này, GV nên lưu ý, đây là một bài viết tham khảo không dễ đọc vì các lí do sau:

– Bài viết trình bày một số cách tân nghệ thuật của một trong những tác phẩm gây nhiều tranh cãi trong các tác giả khó đọc và khó lí giải nhất ở văn học hiện đại thế giới.

– Bài viết sử dụng nhiều kiến thức nền tảng trong lí luận văn học và văn học hiện đại, dẫn chiếu nhiều thông tin về tác giả Hê-minh-uê (Hemingway).

– Bài viết sử dụng nhiều trích dẫn từ các công trình nghiên cứu khác.

– Tác giả lựa chọn văn phong vừa mang tính khoa học vừa mang tính văn chương. Trong bài viết, bên cạnh hệ thống thuật ngữ khoa học, người đọc có thể nhận ra cách sử dụng từ ngữ và diễn đạt mang màu sắc văn chương, thể hiện phong cách ngôn ngữ riêng của tác giả.

GV yêu cầu HS đọc bài viết trước khi đến lớp và có thể tóm tắt trong vài câu, ghi chép lại những điểm còn băn khoăn hoặc muốn tìm hiểu thêm. HS đã được tiếp xúc với tác giả và tác phẩm qua đoạn trích *Trở về* trong SGK *Ngữ văn 12*, tập hai (Bài 9 – *Văn học và cuộc đời*). Một số điểm cần lưu ý về tác giả như "thế hệ lạc lối", "nguyên lí tảng băng trôi" và về tác phẩm như cốt truyện, chủ đề, tư tưởng, nhân vật, giọng điệu,... đã ít nhiều được nhắc đến trong bài học đó. Đây là những điểm mà GV nên gợi ý HS sử dụng để đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi đặt sau văn bản.

Ở trên lớp, GV cho HS đọc lướt, cùng trao đổi về nội dung các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản. Các thẻ chỉ dẫn đã bao quát hầu hết các điểm cần lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu nói chung: cách đặt vấn đề và kết luận, cách triển khai các luận điểm ở phần Giải quyết vấn đề, cách sắp xếp lí lẽ, dẫn chứng và sử dụng các thao tác nghiên cứu. Việc trao đổi có thể được tiến hành theo cặp hoặc nhóm.

Thông qua việc đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi, GV nên giúp HS bồi đắp thái độ tự tin, dám thể hiện bản thân qua việc viết báo cáo nghiên cứu. Bài báo cáo nghiên cứu có các quy chuẩn nghiêm ngặt cần tuân thủ, song người viết vẫn có thể nêu quan điểm, trải nghiệm và bộc lộ phong cách cá nhân. Điều này được thể hiện khá rõ trong bài viết tham khảo.

Để hoạt động này được tiến hành một cách tốt nhất, GV có thể cung cấp tài liệu, đồng thời khuyến khích HS tự tìm thêm tư liệu về các vấn đề: tác giả Hê-minh-uê và vị trí của ông trong nền văn học hiện đại thế giới, tác phẩm *Ông già và biển cả* và vai trò của nó trong quá trình cách tân nghệ thuật văn học hiện đại, dấu ấn của tác phẩm trong nền văn hoá hiện đại.

Dưới đây là gợi ý trả lời các câu hỏi sau khi đọc:

Câu hỏi 1

GV hướng dẫn HS dựa trên các kiến thức đã được học về cách tân nghệ thuật trong mục *Đặc trưng của văn học hiện đại* (SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12*, tr. 5 – 7) để xác định phạm vi nghiên cứu của bài viết là một số phương diện cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết *Ông già và biển cả* của Hê-minh-uê.

Câu hỏi 2

Phần mở đầu của bài viết rất ngắn gọn, chỉ có ba câu, nhưng câu nào cũng chứa đựng nhiều thông tin và thể hiện rõ định hướng của người viết. GV có thể cho HS làm việc nhóm, trao đổi trong nhóm, sau đó mời đại diện các nhóm phát biểu ý kiến, bổ sung cho nhau để trả lời câu hỏi này. GV tổng kết, nhấn mạnh mục đích của bài viết: các phương diện cách tân nghệ thuật của tiểu thuyết *Ông già và biển cả* được trình bày trong bài viết là sự khẳng định phong cách sáng tác độc đáo và vị trí của Hê-minh-uê trong nền văn học hiện đại thế giới.

Câu hỏi 3

Với câu hỏi này, GV nên gợi ý HS lập bảng hoặc vẽ sơ đồ và làm việc theo cặp, nhóm để tìm ra câu trả lời. Trước hết, HS cần nhận biết và gọi tên chính xác các yếu tố nghệ thuật bao gồm cốt truyện, điểm nhìn, nhân vật, ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ độc thoại, không gian và thời gian nghệ thuật, biểu tượng. Sau đó, HS cần chỉ ra được các kết luận tương ứng với mỗi yếu tố nghệ thuật và kết luận chung. Các kết luận này có thể nằm ở đầu, cuối hoặc giữa các đoạn phân tích. HS có thể lập bảng như sau:

Các yếu tố nghệ thuật	Nhận định (trích từ văn bản)	Kết luận
Cốt truyện		
Điểm nhìn		
Nhân vật		
Ngôn ngữ đối thoại		
Ngôn ngữ độc thoại		
Không gian và thời gian		
Biểu tượng		
Kết luận chung:		

Câu hỏi 4

Đây là câu hỏi khó. HS vừa phải huy động các kiến thức chung, đã học về văn học hiện đại, vừa phải đọc kĩ và nắm rõ bài viết để hiểu ý nghĩa của nhận định, lại vừa phải trình bày quan điểm của mình về nhận định đó. GV dành thời gian thích đáng cho HS suy nghĩ và làm việc cá nhân với câu hỏi này, sau đó mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp, các HS khác trao đổi, phản biện. GV có thể liên hệ: đoạn kết của tiểu thuyết *Ông già và biển cả* có tính mở, phần kết của bài nghiên cứu này cũng có tính mở, mời gọi các bình luận và suy tưởng khác nhau, đó cũng là tinh thần của văn học hiện đại.

Câu hỏi 5

GV khuyến khích HS bày tỏ suy nghĩ thật của mình ở câu hỏi mở rộng và giải thích được lí do. Với câu hỏi này, GV gợi ý HS nên đặt mình vào vị trí "người đọc" của bài viết nghiên cứu về tác phẩm *Ông già và biển cả*, từ đó có tâm thế luôn nghĩ đến người đọc khi thực hiện tập nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại.

Bên cạnh bài viết tham khảo trong SGK, GV có thể cho HS tham khảo bài viết dưới đây. Giữa hai bài viết có những điểm tương đồng về định hướng và cách viết. Cả hai bài viết đều nghiên cứu về cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại, phân tích tác phẩm trên nền tảng các kiến thức lí luận văn học, đặt cách tân nghệ thuật của những tác phẩm cụ thể trong mối tương quan với phong cách sáng tác của cá nhân tác giả, văn phong kết hợp giữa tính khoa học và tính văn chương. Tuy nhiên, nếu bài viết trong SGK phân tích một tiểu thuyết nước ngoài thì bài viết trong sách này phân tích một tập truyện ngắn Việt Nam; bài viết trong SGK đề cập tới nhiều phương diện của cách tân nghệ thuật như thể loại, ngôn từ, thủ pháp nghệ thuật, thì bài viết trong sách này chỉ đề cập tới một phương diện là người kể chuyện xưng "tôi". GV có thể lựa chọn sử dụng một trong hai hoặc cả hai bài viết một cách chủ động và linh hoạt trong việc dạy CĐ này.

Bài viết tham khảo

Người kể chuyện xưng "tôi" trong văn chương hiện đại

(Phùng Văn Tửu)

Kể chuyện ở ngôi thứ ba và ngôi thứ nhất là hai phương thức tự sự chủ yếu trong văn chương. Phương thức tự sự ở ngôi thứ ba xuất hiện từ xa xưa, khi bắt đầu có văn chương truyền miệng và tồn tại trong văn học viết cho đến tận ngày nay. Trong trường hợp này, người kể chuyện như đứng khuất đâu đó, biết hết ngọn ngành mọi chuyện xảy ra; đây là "người kể chuyện toàn tri", là người trần thuật theo thuật ngữ thường dùng trong giới nghiên cứu văn học nước ta. Phương thức tự sự ở ngôi thứ nhất với người kể chuyện xưng "tôi" xuất hiện muộn hơn nhiều. Có ý kiến cho rằng phương thức này ra đời khi cái tôi cá nhân được khẳng định trong xã hội và đánh dấu bước chuyển từ tiểu thuyết truyền thống sang tiểu thuyết hiện đại.

Người kể chuyện xưng "tôi" ngày càng có nhiều biến hoá dưới ngòi bút sáng tạo của các nhà văn hiện đại. Mối quan hệ giữa chủ thể "tôi" với các nhân vật trong tác phẩm, với người trần thuật, với tác giả? Tư cách nhân vật văn học của chủ thể "tôi"? Bao điều lí thú khiến chúng ta phải suy nghĩ khi chỉ cần lật giở vài cuốn sách thu hút sự chú ý của độc giả những năm gần đây như tập truyện *Lan man trong lúc kẹt xe*[1] của nhà văn Việt Nam Bảo Ninh, tiểu thuyết *Rừng xanh lá đỏ* của nhà văn Trung Quốc Mạc Ngôn, tiểu thuyết đoạt Giải thưởng Gông-cua (Goncourt) năm 2005 *Ba ngày tại nhà mẹ tôi* của nhà văn Bỉ F. Vây-ơ-ghen (F. Weyergans), tiểu thuyết *Chạy trốn*, Giải Mê-đi-xít (Médicis) năm 2005 của J. P. Tu-xăng (J. P. Toussaint) cũng là nhà văn Bỉ, tập truyện *Trái tim cháy bỏng* của J. M. G. Lơ Clê-di-ô (J. M. G. Le Clézio), nhà văn Pháp đoạt giải Nô-ben (Nobel) năm 2008, tiểu thuyết *Sự mê hoặc của điều tệ hại*, Giải Anh-tê-ra-li-ê (Interallié) năm 2004 của nhà văn Pháp F. De-lơ (F. Zeller),...

Mấy tiểu thuyết kể trên đều xuất hiện người kể chuyện xưng "tôi". Tập *Lan man trong lúc kẹt xe* gồm 24 truyện thì chỉ mấy truyện *Bên lề cuộc tấn công*, *Cũ xưa*, *Gọi con*, *Hữu khuynh* sử dụng phương thức tự sự ở ngôi thứ ba. Tập *Trái tim cháy bỏng* có 7 truyện thì phương thức tự sự ở ngôi thứ ba được vận dụng ở 3 truyện đầu tiên là *Trái tim cháy bỏng*, *Tìm cơ may* và *Khách sạn hiu quạnh*; 3 truyện xuất hiện người kể chuyện xưng "tôi" là *Ba cô gái mạo hiểm*, *Gió Nam* và *Kho báu*. Riêng truyện *Kalima* dường như không có người trần thuật (tự sự ở ngôi thứ ba) mà cũng chẳng thấy xuất hiện người kể chuyện xưng "tôi". Phương thức tự sự ở ngôi thứ nhất trong các tác phẩm ấy rõ ràng là được ưu ái dù ta chưa thể khái quát cho văn học hiện đại nói chung, vì chỉ là lựa chọn ngẫu nhiên.

* * *

Tính chất hư cấu của tiểu thuyết cũng như truyện ngắn không chỉ liên quan đến nội dung được kể mà cả ở người kể. Ngày nay, bạn đọc mấy ai vội tin vào sự thật trăm phần trăm của tác phẩm nghệ thuật, mấy ai lẫn lộn tiểu thuyết với kí sự.

---

[1] Bảo Ninh, *Lan man trong lúc kẹt xe*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005 (các chú thích căn cứ vào sách này).

Nhưng không phải ai cũng phân biệt người trần thuật với tác giả. Kể cả người cầm bút chẳng phải ai cũng có ý thức phân biệt người trần thuật trong tác phẩm của mình với bản thân mình.

Bạn đọc thời nay cũng ít người nghĩ rằng truyện được kể ở ngôi thứ nhất thì đáng tin hơn vì người kể chuyện kể về sự việc chính anh ta đã tham gia hoặc chứng kiến, hoặc nghe kể lại. Bản thân người kể chuyện xưng "tôi" cũng chỉ là một sản phẩm của hư cấu. Trường hợp dễ thấy nhất khi "tôi" trùng với một nhân vật chủ yếu, có tên hoặc không có tên, trong tác phẩm do nhà văn dựng lên. Trường hợp phức tạp hơn khi phải khu biệt quyền năng của người kể chuyện xưng "tôi" với người trần thuật khi "tôi" không kể về bản thân mình mà kể về những gì mình chứng kiến. Càng rắc rối và dễ gây lúng túng hơn khi lầm lẫn "tôi" với tác giả.

Xưa nay, những trải nghiệm của cá nhân nhà văn luôn góp phần không nhỏ vào kho tư liệu sáng tác và bằng những con đường khác nhau – chủ tâm hoặc vô thức – để lại dấu ấn nhiều ít trong tác phẩm, đó là điều không còn phải bàn cãi. Ngoài bìa tập *Lan man trong lúc kẹt xe* của Bảo Ninh ghi dòng chữ "Những truyện ngắn hay nhất và mới nhất". Trang bìa trong ghi thêm là do Lê Minh Khuê và nhóm Văn mới tuyển chọn. Chúng tôi chưa có điều kiện kiểm tra ở tài liệu gốc Bảo Ninh có ghi rõ hay không thể loại các truyện của ông. Vậy cứ xem như các truyện trong tập này là sản phẩm của hư cấu nghệ thuật và người kể chuyện xưng "tôi" ở đây trước hết là cái tôi hư cấu trong cảm thụ nghệ thuật của bạn đọc.

Bảo Ninh, [...] là bút danh của Hoàng Ấu Phương, sinh năm 1952, quê xã Bảo Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình[1]. Ai quan tâm nghiên cứu đối sánh cái tôi hư cấu trong tác phẩm với cái tôi nhân thân của các nhà văn khi đọc tập sách này của Bảo Ninh chắc sẽ dễ dàng tìm ra nhiều dấu vết trùng khớp còn giữ nguyên vẹn. Trong truyện *Thời của xe máy*[2] kết thúc tập *Lan man trong lúc kẹt xe*, tác giả viết là vào mùa đông năm 1963 ở Hà Nội "mọi người tham gia giao thông chủ yếu bằng cặp giò", "dọc một phố lớn như phố Hàng Đẫy[3] chúng tôi mà nhà ai xe đạp mác gì mọi người đều tỏ", "cha tôi mở cổng vào nhà dắt theo một chiếc bình bịch! Xe nhãn hiệu Riga, màu hồng nhạt, mới cứng. Xin nói là cả Hà Nội chỉ có hai chiếc Riga đó. Một chiếc của cha tôi, một chiếc nữa màu da trời của giáo sư Nguyễn Tài Cẩn..."; đến nỗi người kể dám cả quyết rằng "nền văn minh xe máy của Hà Nội hôm nay đã manh nha từ bốn chục năm về trước, do hai nhà ngôn ngữ học mở màn" (*Lan man trong lúc kẹt xe*, tr. 331 – 333). Nhưng dù sao, vì đây là truyện ngắn nên ta vẫn phải cảm thụ người kể xưng "tôi" ấy là chủ thể hư cấu. Chủ thể xưng "tôi" trong *Hà Nội lúc không giờ* (*Lan man trong lúc kẹt xe*, tr. 113 – 143) dường như vẫn trùng với Bảo Ninh – ta nhìn vào năm sinh của tác giả – khi ấy là "một thằng bé mới mười ba tuổi đầu như tôi"[4] cùng bạn bè nhà số 4 đến gò Đống Đa tiễn biệt anh Trung lên đường nhập ngũ "làm nghĩa vụ quân sự trong thời bình, và vào những ngày đầu năm 1964"; và rồi "bản thân tôi năm năm sau cũng đến

---

[1] *Tỉnh Quảng Bình*: thuộc tỉnh Quảng Trị ngày nay.

[2] *Việt Nam thư quán* – thư viện online ghi tác phẩm này là "truyện ngắn".

[3] Nay là phố Nguyễn Thái Học, thành phố Hà Nội, nơi ở trong nhiều năm của gia đình giáo sư ngôn ngữ học Hoàng Tuệ, ông thân sinh của Bảo Ninh.

[4] Tính theo tuổi âm lịch.

lượt lên đường chiến đấu [...]. Phái đi bộ đội cùng năm 69 với tôi, nhưng không sung vào bộ binh như tôi mà được điều sang cao xạ" (*Lan man trong lúc kẹt xe*, tr. 133, 138). Ta biết Bảo Ninh nhập ngũ năm 1969. "Năm ấy – tác giả mở đầu truyện *Giang* – tôi mười bảy tuổi, binh nhì, chiến sĩ của tiểu đoàn 5 tân binh" (*Lan man trong lúc kẹt xe*, tr. 66). Người kể chuyện xưng "tôi" hiện diện song hành với tác giả ở nhiều truyện về đề tài chiến tranh. Bao nhiêu sự kiện, bao nhiêu kí ức về thời tham gia bộ đội chiến đấu ở mặt trận B3 Tây Nguyên cho đến ngày giải ngũ năm 1975 in đậm ở tập *Lan man trong lúc kẹt xe* [...].

Rồi sau đó là "rửa tay gác kiếm" – nhan đề một truyện trong tập *Lan man trong lúc kẹt xe* – "Tôi lặn lội kiếm sống, trải nhiều nghề, rốt cuộc thành nhà văn, song văn chương gì tôi" (*Lan man trong lúc kẹt xe*, tr. 194). Nhưng ông khiêm tốn thế thôi. Đến truyện *Tiếng vĩ cầm của quân xâm lăng*, người kể chuyện xưng "tôi" tới sứ quán Pháp dự chiêu đãi nhân ngày Quốc khánh Pháp 14 tháng Bảy. Ra về sớm, tới gần cổng sứ quán, "do hấp tấp tôi xô phải một ông già đang bước đi chậm rãi. Luýnh quýnh tôi xin lỗi/ – Không sao. Tôi không làm sao cả đâu ạ, thưa ông! Ông già nói. Cũng là bởi tại tôi tối nay có hơi ngà ngà. Mà làm sao ông cũng về sớm vậy, nhà văn?/ Tôi nhìn, giấu nỗi sửng sốt" (*Lan man trong lúc kẹt xe*, tr. 239).

Dấu ấn chân thực của nhà văn ghi lại đậm nhạt khác nhau ở từng truyện. Nhưng nhìn chung, sự thật trải nghiệm của cá nhân chẳng bao giờ còn giữ nguyên vẹn khi nhập vào người kể chuyện xưng "tôi" trong tác phẩm hư cấu. Xét về góc độ tiếp nhận, phương thức tự sự ở ngôi thứ nhất trong tiểu thuyết hoặc truyện ngắn, khác với kí sự, vừa lôi kéo độc giả vào trường nhìn của người kể chuyện vừa dãn cách họ ra. [...]

Người trần thuật dường như không có mặt trong thế giới các sự kiện và nhân vật, nhưng thực ra lại thâm nhập rất sâu vào thế giới ấy đến mức "toàn tri". Người kể chuyện xưng "tôi" về danh nghĩa được chứng kiến, kể cả tham gia vào các sự kiện, kể vai sát cánh với các nhân vật, nhưng quyền năng tự sự lại bị hạn chế nhiều. Nếu "tôi" đơn thuần là người chứng kiến sự việc, "tôi" chỉ có thể kể những gì mắt thấy tai nghe; trong trường hợp này, tác phẩm hư cấu về mặt hình thức gần với thể loại kí sự. Nếu "tôi" tham gia vào hành động của truyện, quen biết nhân vật này khác trong truyện, "tôi" được kể tự do hơn, nhưng sự hiểu biết của "tôi" về mọi sự kiện, mọi đối tượng phải có cơ sở, như vậy mới đáng tin. Độc giả có thể nghi ngờ: "Sao anh biết chuyện đó? Sao anh biết được tâm trạng nhân vật này nọ?".

(Phùng Văn Tửu, *Tiểu thuyết trên đường đổi mới nghệ thuật*,
NXB Tri thức, Hà Nội, 2010, tr. 229 – 236)

Hoạt động 2 Thực hành nghiên cứu

a. Tìm hiểu khái niệm

Nội dung này tương đối khó với HS, vì đề cập rất nhiều thuật ngữ lí thuyết như kĩ thuật dòng ý thức, kịch tự sự, kịch phi lí, tượng trưng, siêu thực, đa đa,... đồng thời nhắc tới tên một số tác giả mà HS chưa từng được học trong SGK. Để hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung kiến thức này, GV cho HS thực hiện các hoạt động sau:

– Tóm tắt các luận điểm chính trong mục *Tìm hiểu khái niệm.*

– Đánh dấu những thuật ngữ mới và khó được nhắc tới trong văn bản.

– Tra cứu, tìm hiểu thông tin để diễn giải các thuật ngữ.

– Chia sẻ các thông tin mà mình đã tra cứu và tìm hiểu được với bạn trong lớp.

Sau đó, GV có thể cung cấp thông tin để giúp HS có hiểu biết ban đầu về các trào lưu văn học, các thể loại văn học hiện đại qua các ví dụ cụ thể. Chẳng hạn, có thể chiếu cho HS xem một đoạn kịch tự sự của Béc-tôn Brếch (Bertolt Brecht) hoặc giới thiệu cho HS đọc một bài thơ siêu thực, đa đa,... để có hình dung cụ thể, sống động về những cách tân của văn học hiện đại.

b. Xác định đối tượng, phạm vi và mục đích nghiên cứu

GV hướng dẫn HS tìm hiểu theo ba bước: xác định đối tượng nghiên cứu, xác định phạm vi và mục đích nghiên cứu. Với phần này, HS có thể làm việc cá nhân, đọc nội dung kiến thức, đối chiếu với sơ đồ trong SGK, phát biểu ý kiến trước lớp. GV nhận xét và tổng kết sau khi HS trình bày cách hiểu của mình.

Nếu thời gian cho phép, GV có thể hướng dẫn HS áp dụng những gì vừa học, lựa chọn một đề tài nghiên cứu cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại, thử lập bảng hoặc sơ đồ để xác định đối tượng nghiên cứu, phạm vi và mục đích nghiên cứu cho bài viết đó.

c. Thu thập, phân tích và xử lí thông tin

Trong CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK, mục này đã chỉ ra các điểm cần lưu ý, cung cấp các gợi ý cụ thể đối với bài nghiên cứu cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại và phân tích các ví dụ từ việc đọc bài viết tham khảo.

Tuỳ vào điều kiện cụ thể, GV có thể cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm. Nếu HS làm việc độc lập, GV nên gợi ý các em lập bảng, sơ đồ tư duy để tự hệ thống hoá các kiến thức và chỉ dẫn được cung cấp trong phần này, sau đó có thể trình chiếu và trình bày kết quả trước lớp. Nếu HS làm việc theo nhóm, GV tổ chức cho các nhóm thảo luận, tranh luận với nhau, đặc biệt là phần trả lời câu hỏi ở bảng trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12* (tr. 25 – 26) về các phương diện cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết *Ông già và biển cả*.

Mục đích của các lưu ý trong SGK (tr. 26) là giúp HS trên cơ sở những điều đã được học về báo cáo nghiên cứu nói chung và báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại nói riêng, có thể đọc hiểu một bài nghiên cứu về cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại (và chuẩn bị viết báo cáo nghiên cứu ở Phần 2) với ý thức rõ ràng về đặc thù của hướng nghiên cứu này. GV lựa chọn phương thức phù hợp (chuyển thành bảng ghi nhớ ngắn gọn, tổ chức thảo luận nhóm,...) để lưu ý HS ba điểm khi đọc và viết bài nghiên cứu về cách tân nghệ thuật trong văn học hiện đại:

– Do chấp nhận nhiều góc độ nghiên cứu và cách triển khai khác nhau nên không có bài nghiên cứu kiểu mẫu. Các bài nghiên cứu chỉ được coi như các ví dụ để tham khảo.

– Luôn có ý thức là mình đang đọc hoặc viết về *cách tân*, tức là sự đổi mới. Thao tác liên hệ, so sánh cả trực tiếp và gián tiếp là điều tất yếu trong bài nghiên cứu.

– Tôn trọng các ý tưởng có tính gợi mở, các câu hỏi chưa có câu trả lời chắc chắn, các quan điểm khác biệt hay thậm chí trái ngược với quan điểm của mình.

PHẦN 2

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

1. Chuẩn bị viết

Sau các hoạt động học tập được triển khai ở Phần 1, HS đã xác định được ý tưởng, đối tượng, phạm vi, mục đích nghiên cứu, thu thập được một số thông tin về đề tài,... Phần 2 sẽ tập trung hướng dẫn HS các thao tác viết báo cáo nghiên cứu như: xây dựng đề cương nghiên cứu; trình bày hệ thống luận điểm; chọn lọc, phân tích, bình luận các dẫn chứng, trích dẫn; sử dụng các thao tác nghiên cứu; chỉnh sửa, hoàn thiện. Toàn bộ các hoạt động này nhằm chuyển tất cả các ý tưởng, suy nghĩ, kết quả nghiên cứu của HS thành một báo cáo nghiên cứu hoàn chỉnh, đúng quy cách.

Hoạt động 1 Xác định các khái niệm, thuật ngữ then chốt

GV có thể sử dụng một số đề tài nghiên cứu mà HS đã tìm được trong Phần 1 để hướng dẫn cách xác định các khái niệm, thuật ngữ then chốt. Ví dụ, nếu nghiên cứu về đề tài *Nỗi buồn hiện sinh trong bài thơ "Vội vàng" của Xuân Diệu*, HS cần làm rõ khái niệm "nỗi buồn hiện sinh". Để làm rõ khái niệm, HS cần đọc và ghi chép lại các thông tin:

– Những quan niệm của các nhà nghiên cứu trước đó về nỗi buồn, khuynh hướng hiện sinh, nỗi buồn hiện sinh. Nên sắp xếp các thông tin này theo trật tự thời gian, ghi rõ tên tác giả, công trình nghiên cứu và nguồn gốc, xuất xứ của tài liệu.

– Những điểm tương đồng, khác biệt trong quan niệm của các nhà nghiên cứu trước đó.

– Quan niệm, cách diễn giải riêng của mình về khái niệm.

Đây sẽ là những tư liệu quan trọng để chuẩn bị cho hoạt động viết báo cáo nghiên cứu.

Hoạt động 2 Chọn lọc, tổng hợp các thông tin đã thu thập

Những thao tác này HS đã được học ở lớp 10 và lớp 11, vì thế, GV có thể yêu cầu HS thực hành và phân tích một số sản phẩm ghi chép để cùng rút kinh nghiệm, điều chỉnh cách sắp xếp, ghi chép thông tin sao cho khoa học.

2. Viết báo cáo nghiên cứu

Hoạt động 1 Xây dựng đề cương nghiên cứu

Với đối tượng HS khá, giỏi, GV có thể giao các nhóm HS tự xây dựng đề cương nghiên cứu, sau đó nhận xét, góp ý để giúp HS hoàn thiện, chỉnh sửa. Với đối tượng HS chưa thuần thục kĩ năng này, GV có thể hướng dẫn HS cùng thảo luận để xây dựng một đề cương nghiên cứu cụ thể, dựa trên một đề tài HS đã xác định được ở Phần 1 của CĐ, từ đó trực quan hoá cách thức xây dựng đề cương. GV cho HS tham khảo sơ đồ tư duy hệ thống hoá các ý chính với đề tài *Cái hoang dã trong "Muối của rừng" của Nguyễn Huy Thiệp* trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12*, tr. 29.

Hoạt động 2 Trình bày hệ thống luận điểm; chọn lọc, phân tích, bình luận các dẫn chứng, trích dẫn; sử dụng các thao tác nghiên cứu

Từ đề cương nghiên cứu ở hoạt động 1, GV yêu cầu các nhóm hoặc cá nhân HS tự viết ra những luận điểm chính và chọn lọc ít nhất ba dẫn chứng xác đáng nhất, sau đó ghi lại một cách ngắn gọn những phân tích, bình luận của mình. Ví dụ cách triển khai một luận điểm trong đề tài *Cái hoang dã trong "Muối của rừng" của Nguyễn Huy Thiệp*:

Luận điểm	Dẫn chứng	Phân tích, bình luận
Rừng là biểu tượng của một thế giới nguyên sơ, trong lành, nơi con người trở nên tĩnh lặng và trở về với bản thể của mình.	*Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân giẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú. Tất cả những trò nhố nhăng đê tiện vấp phải hằng ngày hoàn toàn có thể rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc nhỏ trên cành dâu da.*	Rừng xuân được miêu tả như một thế giới trong lành, tinh khôi, đánh thức những cảm giác vô cùng tinh tế trong con người, đối lập với thế giới hiện đại "nhố nhăng đê tiện". Đi vào rừng chính là một cách để trốn chạy, rũ bỏ những bụi bặm của cuộc sống.
	Mưa xuân mỏng và mịn. Thời tiết ấm. Dễ đến rất lâu ông Diểu mới lại có dịp ngồi yên thế này, không nghĩ gì, không buồn không vui, không lo lắng, cũng không tính toán. Sự tĩnh lặng bình thản của rừng xuyên suốt qua ông.	Rừng được miêu tả như một không gian tĩnh lặng, có khả năng thanh lọc, nơi con người trở nên tĩnh tại và có thể giao hoà với tự nhiên.

Trên cơ sở những ghi chép, HS có thể dễ dàng chọn lựa những dẫn chứng đắt giá nhất, những phân tích sắc sảo mà mình tâm đắc để triển khai trong bài viết. Sau khi thực hiện thao tác này, việc viết sẽ trở nên dễ dàng.

Thực hiện viết một báo cáo nghiên cứu đòi hỏi nhiều thời gian. Vì thế, ở trên lớp, GV chủ yếu làm mẫu và hướng dẫn HS một số thao tác, quy trình, kĩ năng cần thiết và có thể yêu cầu HS viết những đoạn ngắn, ví dụ đoạn mở đầu, đoạn kết luận, đoạn phân tích dẫn chứng, đoạn diễn giải khái niệm,... Việc viết báo cáo nghiên cứu nên được tiến hành ở nhà, HS có thể thực hiện cá nhân hoặc làm việc theo nhóm.

3. Chỉnh sửa, hoàn thiện

Sau khi HS hoàn thành bài viết, GV có thể hướng dẫn HS tự rà soát, chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm trong SGK hay chuyển bài viết cho những HS hoặc nhóm HS khác để góp ý, sửa chữa chéo cho nhau. GV cũng có thể hướng dẫn HS công bố tất cả các bài nghiên cứu dưới dạng một tập san, tạp chí nội bộ hoặc trên các phương tiện truyền thông khác và thu lại phản hồi của các HS trong lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN 3

THUYẾT TRÌNH VỀ KẾT QUẢ CỦA BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

1. Những lưu ý về việc thuyết trình

Trong SGK CĐHT Ngữ văn lớp 10 và lớp 11, HS đã được học cách thuyết trình về kết quả nghiên cứu ở các CĐ: *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian*, *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam*. Như vậy, ở CĐ *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại*, GV có thể lựa chọn cách thức phù hợp với điều kiện cụ thể của trường, lớp, hướng dẫn HS tận dụng những kiến thức và kĩ năng đã được học vào việc học và thực hành Phần 3 của CĐ này.

Nội dung Phần 3 trong SGK CĐHT Ngữ văn lớp 12 trình bày cả hai hình thức thuyết trình: thuyết trình trong nhóm học tập và thuyết trình trong hoạt động ngoại khoá. Tuỳ vào điều kiện vật chất và thời gian của trường, lớp, GV và HS chủ động lựa chọn thực hiện một trong hai hình thức, hoặc cả hai hình thức. GV và HS cần sắp xếp kế hoạch kĩ lưỡng nếu lựa chọn thực hiện cả hai hình thức thuyết trình.

GV lưu ý mục đích cụ thể của từng hình thức thuyết trình để HS nắm được trong từng quá trình thực hiện. Với hình thức thuyết trình trong nhóm học tập, mục đích chính là giúp HS rút ra được các điểm cần lưu ý để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của mình. Với hình thức thuyết trình trong hoạt động ngoại khoá, mục đích chính là làm cho bài thuyết trình trở thành một phần phù hợp của hoạt động.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động thuyết trình

Hoạt động 1 Thuyết trình trong nhóm học tập

a. Chuẩn bị

– Tuỳ vào sự lựa chọn thuyết trình từng phần hoặc toàn bộ kết quả của báo cáo nghiên cứu, GV yêu cầu HS chuẩn bị theo các nội dung đã trình bày trong SGK. HS tự xây dựng đề cương bài thuyết trình, chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ (nếu có).

– Với hoạt động thuyết trình từng phần kết quả của báo cáo nghiên cứu, GV nên đọc duyệt trước và góp ý kịp thời phần HS chọn để trình bày, giúp HS thêm tự tin vào bản thân.

b. Thuyết trình

– GV hướng dẫn HS tiến hành thuyết trình theo các nội dung đã nêu trong SGK.

– GV lưu ý HS phân bổ thời gian phù hợp với từng kiểu trình bày: thuyết trình từng phần kết quả của báo cáo nghiên cứu cần ngắn gọn, tập trung; thuyết trình toàn bộ kết quả của báo cáo nghiên cứu cần đầy đủ, rõ ràng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

c. Trao đổi, rút kinh nghiệm

– GV định hướng các em tiến hành phần trao đổi, rút kinh nghiệm: HS tiếp nhận các góp ý, câu hỏi, thực hiện trao đổi lại nếu cần thiết để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu.

– GV hướng dẫn HS có thể làm phiếu đánh giá cụ thể dựa trên đặc điểm và cấu trúc báo cáo nghiên cứu của mình để đưa cho các bạn trong lớp góp ý. HS cần làm bản tổng kết sau khi trao đổi để xác định những điểm cần hoàn thiện. HS nên đọc chéo báo cáo nghiên cứu của nhau sau khi sửa chữa,...

Hoạt động 2 Thuyết trình trong hoạt động ngoại khoá

a. Mục đích của hoạt động

– Dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của GV, HS có thể tự tổ chức hoặc tham gia vào một hoạt động ngoại khoá phù hợp để thuyết trình về kết quả của báo cáo nghiên cứu.

– HS biết cách điều chỉnh bài thuyết trình cả về nội dung và hình thức sao cho phù hợp với quy mô và tính chất của hoạt động ngoại khoá.

– HS có điều kiện phát triển kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng hợp tác,...

b. Phối hợp hoạt động khi thuyết trình

Bên cạnh việc hướng dẫn HS phối hợp hoạt động khi thuyết trình theo các chỉ dẫn và gợi ý trong CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK, GV nên lưu ý HS về một số đặc điểm riêng của việc thuyết trình trong hoạt động ngoại khoá (về hình thức, mục đích, đối tượng người nghe,...) đã được nêu ra và phân tích trong mục 1 và mục 2 của SGK (tr. 32 – 33). Từ đó, GV giúp HS điều chỉnh bài trình bày và sử dụng các phương tiện hỗ trợ sao cho phù hợp nhất với hoạt động ngoại khoá.

Lưu ý: Hoạt động ngoại khoá có thể rất đa dạng do điều kiện tổ chức của lớp học, nhà trường và địa phương. Một số hoạt động được nêu ra trong SGK như câu lạc bộ văn học, ngày hội văn hoá nghệ thuật, hội thảo khoa học của trường,... là những ví dụ mang tính tham khảo. GV và HS có thể lựa chọn phương pháp tổ chức hoạt động một cách chủ động và linh hoạt, tuỳ tình hình thực tế.

CHUYÊN ĐỀ 2

TÌM HIỂU VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT CHUYỂN THỂ TỪ VĂN HỌC

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hiểu thế nào là chuyển thể tác phẩm văn học.
- Biết cách tìm hiểu, giới thiệu, thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học.
- Nêu được ý tưởng và cách thức tiến hành chuyển thể một tác phẩm văn học.

II CHUẨN BỊ

1. Giới thiệu chung

Chuyển thể tác phẩm văn học là một hoạt động nghệ thuật có lịch sử lâu đời và ngày càng trở nên phổ biến trong các bối cảnh văn hoá khác nhau. Chuyên đề *Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học* sẽ giúp HS:

– Hiểu được mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật khác.

– Hiểu được bản chất của quá trình chuyển thể tác phẩm văn học sang một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác và các phương thức chuyển thể.

– Hiểu được các yếu tố tạo nên một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học.

– Thực hành viết bài phân tích, giới thiệu và thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học.

– Thực hành chuyển thể một tác phẩm văn học.

– Phát triển năng lực nghiên cứu và sáng tạo, kĩ năng kết hợp làm việc độc lập và làm việc nhóm.

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt đã được xác định trong CT, CĐ được thiết kế thành ba phần chính:

– Phần 1. *Thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học*: GV hướng dẫn HS hiểu được mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật khác, cụ thể là điện ảnh, hội hoạ và âm nhạc; nắm bắt được đặc trưng của các loại hình nghệ thuật này trong mối tương quan với đặc trưng của văn học; biết cách thưởng thức và đánh giá một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ tác phẩm văn học.

– Phần 2. *Viết bài phân tích, giới thiệu và thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học*: GV hướng dẫn HS cách đọc bài viết tham khảo phân tích, giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học; qua đây phân tích được cách chuyển thể tác phẩm văn học, nhận biết, lí giải và đánh giá đặc điểm, vị thế của tác phẩm nghệ thuật

chuyển thể từ văn học trong sự so sánh với tác phẩm gốc. Từ đó, HS có thể tự viết được bài phân tích, giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học và thuyết trình về tác phẩm đó.

– Phần 3. *Thực hành chuyển thể tác phẩm văn học*: GV hướng dẫn HS lựa chọn được tác phẩm văn học, loại hình nghệ thuật và phương thức thích hợp để chuyển thể. Từ đó, HS có thể tự tiến hành chuyển thể và công bố tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học.

Để hướng dẫn HS hiểu một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học, ngoài các điểm đã được trình bày trong phần *Tri thức tổng quát*, nên lưu ý rằng có những cách hiểu đa dạng về chuyển thể. Các nghiên cứu và tranh luận về chuyển thể vẫn luôn diễn ra, song hành với sự xuất hiện của các tác phẩm chuyển thể mới. Có quan niệm coi tác phẩm chuyển thể chỉ là bản sao hạ cấp, thứ yếu, không thể so sánh được với tác phẩm gốc. Có quan niệm lại coi tác phẩm chuyển thể là sáng tạo độc lập, ngang hàng, thậm chí trong nhiều trường hợp còn có giá trị cao hơn tác phẩm gốc. Cũng có quan niệm cho rằng không nên đặt ra vấn đề so sánh hơn kém giữa tác phẩm gốc và tác phẩm chuyển thể vì chúng thuộc các loại hình nghệ thuật khác nhau với hệ giá trị riêng.

Do vậy, các tri thức và nội dung được cung cấp trong CĐ này, GV nên hướng dẫn HS tiếp cận như những gợi ý, nhằm giúp HS có nền tảng và hứng thú tìm hiểu thêm về lĩnh vực chuyển thể. Các hoạt động dạy và học trong CĐ cần được tổ chức với tinh thần khuyến khích các ý tưởng mới mẻ, tôn trọng sự khác biệt của HS. Bên cạnh đó, cũng nên lưu ý việc đề cao tính sáng tạo của cá nhân không đồng nghĩa với việc đánh giá thấp vai trò của tập thể. Số phận của tác phẩm chuyển thể là một hành trình độc đáo, với sự tham gia của nhiều người. Chẳng hạn, với tác phẩm điện ảnh chuyển thể thì đó là người viết kịch bản, dựng phim, phát hành phim, khán giả,... Nội dung thực hành trong CĐ này có thể được coi là những cơ hội để HS rèn luyện kĩ năng làm việc cá nhân kết hợp hài hoà với kĩ năng làm việc nhóm.

Tài liệu tham khảo

Để bổ sung kiến thức cần thiết cho việc tổ chức dạy học CĐ, ngoài các tài liệu đã được nêu trong SGK, GV có thể đọc thêm các tài liệu sau:

1. Gian-nét-ta Ri-bâu Ben-tơn (Janetta Rebold Benton, 2023), *Để hiểu nghệ thuật*, Hương Mi Lê dịch, NXB Thế giới – Công ti cổ phần sách Omega, Hà Nội.

2. Ua-ren Bắc-cơ-len (Warren Buckland, 2011), *Nghiên cứu phim*, Phạm Ninh Giang dịch, Phạm Xuân Thạch hiệu đính, NXB Tri thức – Công ti cổ phần Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội.

3. Nguyễn Bách (2022), *Từ điển giải thích thuật ngữ âm nhạc*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh – Công ti Nghệ thuật Đồng hành, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phương tiện dạy học

– Về phía HS: CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK, tài liệu, tranh ảnh, video clip,... có liên quan đến bài học.

– Về phía GV:

+ Phiếu học tập dành cho HS, tài liệu tham khảo.

+ File audio (bài hát, bức tranh hoặc bộ phim được chuyển thể từ tác phẩm văn học); công cụ hỗ trợ như máy tính, điện thoại kết nối mạng (nếu có).

III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tìm hiểu tri thức tổng quát

Phần *Tri thức tổng quát* trong SGK bao gồm ba nội dung lớn: *Chuyển thể và chuyển thể tác phẩm văn học, Các phương thức chuyển thể tác phẩm văn học, Tác phẩm văn học và tác phẩm nghệ thuật chuyển thể*. Có thể thấy, đây đều là các kiến thức khá mới mẻ với HS. Ở lớp 10, HS đã được làm quen với vấn đề *Sân khấu hoá tác phẩm văn học* (trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*). GV có thể nhắc lại nội dung này như một cách gợi dẫn tới tri thức về tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học, đồng thời cũng lưu ý HS với CĐ 2 của lớp 12, chuyển thể tác phẩm văn học là vấn đề có tính khái quát và mở rộng hơn.

Nội dung thứ nhất trong *Tri thức tổng quát* trình bày ngắn gọn khái niệm "chuyển thể" và "chuyển thể tác phẩm văn học". Để giúp HS nắm bắt được các khái niệm mới mẻ và có độ khó tương đối cao, GV có thể yêu cầu HS đọc, tóm tắt, làm sơ đồ tư duy,... trước khi đến lớp, sau đó cho HS thảo luận nhóm, GV nhận xét và tổng kết tại lớp. Mặc dù mục này thiên về lí thuyết, nhưng GV có thể tham khảo một số cách thức sau để tổ chức hoạt động dạy học cho sinh động:

– Căn cứ vào tên các tác phẩm và tác giả đã được nhắc đến trong SGK, GV yêu cầu HS tìm thêm hoặc GV chủ động chuẩn bị thông tin về các tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học để minh hoạ cho các vấn đề lí thuyết.

– Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, tìm các ví dụ về hiện tượng chuyển thể tác phẩm văn học theo các lĩnh vực: điện ảnh, hội hoạ, âm nhạc, nhiếp ảnh, nghệ thuật thị giác, nghệ thuật sắp đặt, trò chơi điện tử, công viên chủ đề,... *Lưu ý*: Về mảng này, hiểu biết của HS có thể rất đa dạng, đòi hỏi sự tiếp nhận một cách tôn trọng và cởi mở từ phía GV.

Nội dung thứ hai trong *Tri thức tổng quát* đưa ra hai phương thức chuyển thể phổ biến dựa trên mức độ bám sát của tác phẩm chuyển thể với tác phẩm gốc. Ngoài ra, nội dung này cũng đề cập các yếu tố mà người tìm hiểu tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học cần chú ý. GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, tìm và trao đổi xung quanh các ví dụ minh hoạ cho nội dung này.

Nội dung cuối cùng của *Tri thức tổng quát* đề cập mối quan hệ giữa tác phẩm văn học và tác phẩm chuyển thể thuộc các loại hình nghệ thuật: điện ảnh, hội hoạ, âm nhạc và sân khấu. Do vấn đề *Tác phẩm văn học và kịch bản sân khấu chuyển thể* đã được học trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10* nên mục này chỉ cung cấp tri thức cụ thể về ba vấn đề: *Tác phẩm văn học và tác phẩm điện ảnh chuyển thể, Tác phẩm văn học và tác phẩm hội hoạ chuyển thể, Tác phẩm văn học và tác phẩm âm nhạc chuyển thể*. Lượng tri thức cần nắm bắt ở đây tương đối nhiều và có tính chất liên ngành. GV nên phân công mỗi nhóm HS chuẩn bị một phần

nhất định và tổ chức thuyết trình, trao đổi ngắn trên lớp. GV có thể gợi ý HS sử dụng các hình thức bảng biểu và sơ đồ tư duy để tóm tắt và hệ thống hoá nội dung theo các ý sau:

– Các khái niệm cần nắm bắt của điện ảnh, hội hoạ và âm nhạc.

– Sự tương đồng, khác biệt giữa tác phẩm văn học và tác phẩm điện ảnh, hội hoạ, âm nhạc.

– Khả năng chuyển thể tác phẩm văn học thành tác phẩm điện ảnh, hội hoạ và âm nhạc.

GV nhận xét và tổng kết sau phần trình bày và trao đổi của các nhóm HS. Các bảng biểu, sơ đồ tư duy, bản ghi chép,... có thể được HS sử dụng như một tư liệu hữu ích khi học các phần tiếp theo của CĐ này.

PHẦN 1

THƯỞNG THỨC MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT ĐƯỢC CHUYỂN THỂ TỪ VĂN HỌC

1. Xem một bộ phim được chuyển thể từ văn học

Mục đích của phần này là giúp HS hiểu được mối quan hệ giữa văn học và điện ảnh, hiểu được ngôn ngữ của điện ảnh và biết cách thưởng thức, đánh giá một bộ phim được chuyển thể từ tác phẩm văn học. Ngoài gợi ý của SGK, GV cũng có thể chọn xem một bộ phim khác phù hợp với sở thích của HS và điều kiện của nhà trường.

Hoạt động 1 Khởi động

GV cho HS kể tên các tác phẩm điện ảnh được chuyển thể từ văn học, sau đó chia sẻ ngắn gọn về một tác phẩm mà mình thích. GV có thể đặt các câu hỏi mang tính gợi mở, ví dụ: *So sánh bộ phim với tác phẩm văn học, em thấy có điểm gì khác biệt? Em thích tác phẩm nào hơn? Vì sao?*

GV giới thiệu thêm một số bộ phim hay được chuyển thể từ các tác phẩm văn học để HS xem phim khi có điều kiện.

Hoạt động 2 Chuẩn bị xem

Để thưởng thức và phân tích được tác phẩm điện ảnh chuyển thể từ văn học, GV cần cho HS làm quen với một số khái niệm được sử dụng trong ngôn ngữ phê bình điện ảnh. Có những khái niệm như: đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, điểm nhìn,... được sử dụng chung trong văn học, điện ảnh và nhiều loại hình nghệ thuật khác. Ngoài ra, còn có những khái niệm riêng của điện ảnh. *Dàn cảnh* là tất cả những đối tượng được đặt vào và tổ chức trong cảnh quay như: bối cảnh (khung cảnh), diễn xuất của diễn viên, phục trang, ánh sáng, âm thanh, màu sắc,... Các nhà làm phim sắp xếp các yếu tố của dàn cảnh trước máy quay theo một bố cục nào đó để thể hiện câu chuyện và truyền tải chủ đề của bộ phim. *Cảnh quay* là một hình ảnh đơn lẻ mà người xem nhìn thấy trên màn ảnh. Các cảnh quay được phân biệt với nhau qua hành động *cắt cảnh* để chuyển từ cảnh quay này sang cảnh quay khác. Khi quan sát

một cảnh quay, chúng ta có thể thấy được *toàn cảnh* (ví dụ, toàn thân nhân vật được thể hiện trên màn hình,...); *cận cảnh* (ví dụ, chỉ thể hiện đầu của nhân vật,...); *trung cảnh* (giữa cận cảnh và toàn cảnh); hay *đặc tả* (chỉ thể hiện một chi tiết, ví dụ đôi mắt của nhân vật,...). Với mỗi cảnh quay, ta có thể phân tích nhiều yếu tố như *tốc độ* (tốc độ tại đó bộ phim được quay, nhanh hay chậm); *sắc độ* (gam màu chủ đạo, sự thay đổi của màu sắc); *thuật phối cảnh viễn cận* (tiêu điểm của cảnh quay là gì, tiêu cự sâu hay tiêu cự ngắn); *khuôn hình* (cỡ nhỏ hay to, cao hay thấp, cố định hay di động). Với *góc quay*, có thể thấy đó là cảnh *lia máy* (điểm nhìn xoay trái – phải nhưng giữ nguyên trục); *đảo hướng* (thể hiện nhân vật quan sát một đối tượng, rồi sau đó thể hiện đối tượng được quan sát); *chuyển động phối hợp* (điểm nhìn di chuyển bám theo nhân vật); *góc quay từ trên cao xuống* (ví dụ, quay từ trên cần cẩu); *góc quay thấp* (điểm nhìn thấp, hướng lên), *góc quay cao* (điểm nhìn cao, hướng xuống);...

Các nhà làm phim *dựng phim* bằng cách gắn kết các cảnh quay với nhau tạo thành trường đoạn. Nhịp điệu dựng phim có thể cho chúng ta biết nhiều điều về ý đồ của các nhà làm phim. Cách dựng phim phổ biến nhất là *dựng nối tiếp* hay *dựng vô hình*, với các mối dựng được giấu đi bằng nhiều kĩ thuật khác nhau để người xem có cảm giác là câu chuyện đang diễn ra liên tục. Bên cạnh đó, cũng có những nhà làm phim cố ý phá bỏ tính liên tục và thống nhất khi dựng phim nhằm thể hiện một tư tưởng nào đó.

GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản *Người cầm quyền khôi phục uy quyền*, sau đó yêu cầu tóm tắt lại văn bản. GV nên dừng lại ở một số chi tiết miêu tả nhân vật. Ví dụ đoạn miêu tả hành động, cử chỉ, lời nói của Gia-ve (Javert) khi tới bắt Giăng Van-giăng (Jean Valjean), đoạn miêu tả Phăng-tin (Fantine),... và nêu giả định: *Trong vai trò một đạo diễn, nếu có ý định "đưa" các nhân vật này lên màn ảnh, em sẽ phải làm những việc gì?* Tiếp đó, nên chi tiết hoá câu hỏi lớn đã nêu thành một số câu hỏi nhỏ mang tính định hướng như: *Cần phải chuẩn bị trang phục gì cho nhân vật?* (để HS trả lời được, GV có thể cho các em xem một số tranh ảnh miêu tả kiểu trang phục của người Pháp vào thế kỉ XIX) *Biểu cảm trên khuôn mặt của nhân vật sẽ như thế nào? Những hành động, cử chỉ, lời nói mà diễn viên nhất định phải thể hiện được là gì? Diễn viên phải dùng ngữ điệu như thế nào để tái hiện được giọng nói của nhân vật? Em sẽ sắp đặt ánh sáng, màu sắc, các hình ảnh như thế nào? Nên sử dụng góc quay ra sao?...*

HS có thể đọc các đoạn tiếp theo và tương tự như vậy, tạo ra các cảnh phim theo hình dung, tưởng tượng của mình.

GV có thể giới thiệu một số phiên bản điện ảnh khác nhau của tác phẩm *Những người khốn khổ*, ví dụ: bộ phim truyền hình cùng tên của đạo diễn Giô-xi Đa-an (Josée Dayan) năm 2000, bộ phim âm nhạc của đạo diễn Tôm Húp-pơ (Tom Hooper) năm 2012.

Hoạt động 3 Xem phim

GV giới thiệu với HS bộ phim *Những người khốn khổ* của đạo diễn Tôm Húp-pơ, đặc biệt nhấn mạnh những nét độc đáo của bộ phim. Đây là một bộ phim âm nhạc, dựa trên sự kết hợp giữa tiểu thuyết của Vích-to Huy-gô (Victor Hugo) và vở nhạc kịch được biểu diễn trên sân khấu, vì vậy, bộ phim thể hiện rất rõ sự tương tác qua lại giữa các loại hình nghệ thuật: văn học, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh. Cũng cần lưu ý với HS rằng lời thoại của các nhân vật được thu âm trực tiếp trên trường quay.

GV có thể cho HS xem trích đoạn phim được chuyển thể từ văn bản *Người cầm quyền khôi phục uy quyền*. Để giúp HS nắm được kĩ thuật chuyển thể của nhóm làm phim, GV cần thuyết minh về bố cục, cảnh quay, góc quay, hình ảnh, diễn xuất của diễn viên,...

Hoạt động 4 Trả lời câu hỏi

Mục *Trả lời câu hỏi* trong SGK gợi dẫn HS cách phân tích một bộ phim được chuyển thể từ tác phẩm văn học nói chung và bộ phim âm nhạc *Những người khốn khổ* của đạo diễn Tôm Húp-pơ nói riêng. Khi xem một bộ phim được chuyển thể khác, người xem cũng có thể tự đặt ra những câu hỏi tương tự để khám phá giá trị, tìm ra những điểm sáng tạo độc đáo của nhà làm phim và để hiểu rõ mối tương quan giữa văn học và điện ảnh.

Câu hỏi 1

– GV yêu cầu HS so sánh và tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa bộ phim và tác phẩm văn học để tìm ra những yếu tố đã được nhà làm phim lựa chọn để đưa lên màn ảnh, những yếu tố đã bị lược bỏ khi chuyển thể.

Gợi ý: Nhà làm phim đã chọn hai sự kiện chính trong đoạn trích để tái hiện trên màn ảnh là cái chết của Phăng-tin và cuộc đối đầu giữa Gia-ve và Giăng Van-giăng. Phần miêu tả tâm trạng hoảng sợ của Phăng-tin khi nghe giọng nói và thấy khuôn mặt gớm ghiếc của Gia-ve trong tiểu thuyết của Huy-gô đã bị loại bỏ. Cốt truyện vì thế trở nên tập trung hơn, làm nổi bật sự tương phản giữa một bên là Phăng-tin yếu ớt, tội nghiệp, cần được che chở với một bên là Gia-ve lạnh lùng, tàn ác; một bên là ánh mắt trìu mến, xót thương và cử chỉ ân cần của Giăng Van-giăng đối với Phăng-tin và một bên là hành động mạnh mẽ, cương quyết, dũng cảm của ông khi chống lại Gia-ve. Sự lựa chọn đó của đạo diễn đã làm nổi bật được hai phương diện vừa thống nhất vừa đối lập trong tính cách của Giăng Van-giăng: vừa dịu dàng, ân cần (với kẻ yếu) vừa cứng rắn, quyết liệt (với cường quyền).

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: *Việc chuyển thể không trung thành với bản gốc như đã phân tích cho thấy vai trò gì của nhà làm phim?* (*Gợi ý*: Chuyển thể điện ảnh là một hoạt động tiếp nhận văn học, trong đó nhà làm phim có quyền năng rất lớn trong việc tiếp nhận cũng như tái tạo tác phẩm văn học. Họ có thể lược bỏ, tô đậm, thay đổi trật tự các sự kiện, thậm chí sáng tạo thêm các sự kiện và nhân vật mới để làm nổi bật thông điệp và cách tiếp nhận tác phẩm riêng của mình. Tác phẩm điện ảnh, mặc dù được xây dựng dựa trên bản gốc là tác phẩm văn học, nhưng là một chỉnh thể nghệ thuật độc lập, có đời sống riêng và không nhất thiết phải trung thành với bản gốc.)

Câu hỏi 2

Câu hỏi này giúp HS hiểu được sự khác biệt trong cách tái hiện nhân vật trong điện ảnh và văn học. GV có thể hướng dẫn HS phân tích mẫu một nhân vật, sau đó HS tự thảo luận để phân tích các nhân vật còn lại. Tham khảo tiến trình sau:

– GV có thể cho HS xem lại một số cảnh quay trong đoạn phim và hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình tượng nhân vật được biểu đạt qua các chất liệu điện ảnh. Ví dụ: Nhân vật Phăng-tin được tạo hình thành một người phụ nữ ốm yếu, tiều tuỵ, gầy gò, đang nằm trên giường bệnh, tóc cắt ngắn, không còn răng, nhằm diễn tả một quá khứ đầy đau khổ và một hiện tại đầy bất an khi sự sống đang tắt dần trên cơ thể cô. Xung quanh nhân vật là bóng tối,

nhưng khuôn mặt và ánh mắt được chiếu sáng nhằm làm nổi bật sự đối lập giữa cuộc sống u ám, bi đát, thê thảm với tâm hồn đẹp đẽ, trong sáng và vị tha của cô, giữa bóng đen của cái chết đang rình rập và ánh sáng của sự sống cũng như niềm hi vọng vẫn được thắp lên trong cô. Đạo diễn đã sử dụng góc quay cận cảnh nhằm làm nổi bật diễn biến nội tâm của nhân vật. Biểu cảm trên khuôn mặt và đặc biệt là ánh mắt của diễn viên đã lột tả được các sắc thái cảm xúc: trìu mến và đầy yêu thương khi nghĩ đến Cô-dét (Cosette), hốt hoảng và tuyệt vọng khi hình ảnh Cô-dét biến mất trong tâm trí, hi vọng và tin tưởng vào lời động viên của Giăng Van-giăng, thanh thản trước khi chết khi biết con gái mình sẽ được che chở và bảo vệ. Suy nghĩ và cảm xúc của Phăng-tin còn được bộc lộ qua lời thoại, dưới hình thức bài hát với một tiết tấu chậm rãi, âm hưởng tha thiết như khắc khoải, van xin, thể hiện rõ sự yếu đuối, đáng thương của nhân vật. Sự bất động của Phăng-tin trên giường bệnh càng diễn tả tình cảnh tội nghiệp, cần được che chở của cô. Thông qua các chất liệu điện ảnh, nhà làm phim đã làm nổi bật số phận thảm thương, tình cảnh tội nghiệp của Phăng-tin cùng diễn biến tâm trạng phức tạp, đan xen giữa tuyệt vọng và hi vọng, giữa đau khổ và hạnh phúc, giữa tình yêu đầy vị tha và nỗi lo lắng của cô cho đứa con gái duy nhất của mình. Tác giả đã thay đổi một số yếu tố so với tác phẩm văn học như: lược bỏ sự hiện diện của Gia-ve trong khoảnh khắc cuối đời của Phăng-tin, tô đậm tình cảm trìu mến, yêu thương của Phăng-tin dành cho con gái, tạo nên sự đối lập sâu sắc giữa cảnh bình yên, đầy che chở thương cảm trước khi Phăng-tin chết và cảnh bạo liệt, cam go, căng thẳng khi Gia-ve xuất hiện trong căn phòng. Trong tác phẩm văn học, nội tâm nhân vật được diễn tả trực tiếp qua lời trần thuật, ngôn ngữ nhân vật, còn trong tác phẩm điện ảnh, nó lại được biểu đạt vừa gián tiếp qua diễn xuất của diễn viên vừa trực tiếp qua ca từ và giai điệu của bài hát. Việc dùng ca nhạc để thay cho lời thoại của nhân vật là điểm sáng tạo độc đáo của bộ phim này.

– GV đặt câu hỏi: *Trong phim, nhân vật được khắc hoạ bằng những phương tiện gì? Đâu là điểm khác biệt giữa nhân vật trong phim và trong tác phẩm văn học?*

Gợi ý: Trong điện ảnh, nhân vật được tái hiện thông qua diễn xuất của diễn viên (bao gồm hoá trang, biểu cảm trên khuôn mặt, lời nói, hành động), góc quay, ánh sáng, bố cục,... Trong văn học, nhân vật hiện lên qua những đoạn giới thiệu lai lịch, miêu tả chân dung, qua cử chỉ, hành động, lời nói, điểm nhìn, độc thoại nội tâm,... Do sử dụng chất liệu mang tính vật chất, điện ảnh có thể khiến cho hình tượng nhân vật hiện lên một cách trực quan, tác động mạnh đến thị giác và thính giác của người xem, song có thể không diễn tả được trực tiếp cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật như trong tác phẩm văn học.

– GV cho HS xem các cảnh quay về các nhân vật khác và tự phân tích, sau đó thảo luận, chia sẻ ý kiến của mình với các bạn trong lớp. Lưu ý, GV có thể dừng lại ở từng cảnh quay để HS có thể quan sát kĩ, ghi chép lại những nhận xét của mình.

– GV tổng kết các ý kiến nhận xét của HS và hướng dẫn HS cách phân tích nhân vật trong một tác phẩm điện ảnh được chuyển thể:

+ Bước 1: Xem phim và quan sát kĩ cách hoá trang, biểu cảm trên khuôn mặt, bố cục, ánh sáng, góc quay, lời nói và hành động của diễn viên,...

+ Bước 2: Suy luận để tìm ra ý nghĩa, giá trị biểu đạt của các kí hiệu điện ảnh.

+ Bước 3: Nhận xét về đặc điểm tính cách, số phận của nhân vật được thể hiện trong bộ phim.

+ Bước 4: Nhận xét về sự sáng tạo, khác biệt của nhân vật trong phim so với nhân vật trong tác phẩm văn học.

Câu hỏi 3

– GV yêu cầu HS ghi lại tóm tắt vào vở các sự kiện chính trong đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền* và trong đoạn phim. Có thể lập bảng so sánh sau:

Sự kiện	Đoạn trích tác phẩm văn học	Đoạn phim
1		
2		

– GV hướng dẫn HS so sánh trình tự các sự kiện trong truyện và phim, đồng thời gợi ý cho HS để trả lời ý hỏi thứ hai. (*Gợi ý*: Trình tự sự kiện đã được thay đổi, trong đó ngoài việc tỉnh lược cuộc chạm trán giữa Phăng-tin và Gia-ve, đạo diễn đã đảo sự kiện Phăng-tin chết lên trước cuộc đối đầu giữa Gia-ve và Giăng Van-giăng. Sự thay đổi này làm mạch trần thuật trở nên đơn giản, mạch lạc và dễ hiểu hơn với người xem, làm nổi bật những phương diện đối lập trong tính cách của Giăng Van-giăng, đồng thời tạo nên sự căng thẳng đầy kịch tính của cảnh phim, trong khi Giăng Van-giăng hứa với Phăng-tin sẽ bảo vệ, che chở cho đứa con của cô thì Gia-ve lại nhất quyết cản trở ông thực hiện lời hứa đó, buộc ông phải tấn công Gia-ve và trốn thoát.)

Câu hỏi 4

– GV cho HS xem hoặc nhớ lại đoạn phim và ghi ra những quan sát của mình về không gian, sự sắp đặt đạo cụ, ánh sáng,… trong đoạn phim. (*Gợi ý*: Bộ phim tái hiện khung cảnh trong căn phòng nhỏ đơn sơ ở một tu viện, màu trắng của chiếc giường bệnh nơi Phăng-tin nằm và ánh sáng vàng ấm áp của những ngọn đèn đối lập với màu đen của bóng tối bao trùm quanh các nhân vật; nhân vật Gia-ve hiện lên trong bóng tối, trong khi đó các nhân vật như Phăng-tin và Giăng Van-giăng được chiếu sáng, hình ảnh cây thánh giá xuất hiện sau khi hình ảnh Cô-dét dần biến mất trên chiếc rèm, hình ảnh cánh cửa và chiếc cầu thang phía sau lưng của Giăng Van-giăng.)

– GV hướng dẫn HS phân tích ý nghĩa biểu tượng của các yếu tố thuộc về bối cảnh trong phim. (*Gợi ý*: Ánh sáng ấm áp của ngọn đèn và cây thánh giá tượng trưng cho tình yêu thương của Giăng Van-giăng dành cho Phăng-tin, gợi liên tưởng đến bộ chân nến bằng bạc mà vị linh mục đã tặng Giăng Van-giăng trước đó, thứ đã chiếu sáng lương tâm và dẫn lối cho cuộc đời ông, chiếc giường bệnh màu trắng tượng trưng cho sự ốm yếu, bệnh tật của Phăng-tin, bóng tối tượng trưng cho cuộc đời bi thảm của cô và sự tối tăm, độc ác của Gia-ve, cũng có thể khiến người xem liên tưởng tới bóng tối của cái chết đang phủ quanh Phăng-tin. Cánh cửa, chấn song và chiếc cầu thang phía sau Giăng Van-giăng hé lộ một lối thoát đến tự do cho nhân vật.)

– GV đặt câu hỏi: *Bối cảnh phim được tạo dựng thông qua những phương tiện nào?* (*Gợi ý*: Mỗi phương tiện thuộc về bối cảnh trong phim đều được trực quan hoá thành các chất liệu vật chất của điện ảnh như ánh sáng, đạo cụ, hình ảnh, màu sắc,… và được sắp đặt một cách có dụng ý, được sử dụng như những biểu tượng nhằm làm nổi bật tính cách nhân vật cũng như thông điệp mà nhà làm phim muốn truyền tải.)

– GV đặt câu hỏi: *Đâu là điểm lợi thế và bất lợi của điện ảnh khi tạo dựng bối cảnh?* (*Gợi ý*: Điện ảnh khiến bối cảnh vốn hiện lên một cách gián tiếp trong đầu khán giả khi đọc tác phẩm văn học được trực quan hoá, tác động mạnh mẽ đến thị giác của người xem, tuy nhiên điện ảnh không thể miêu tả một cách chi tiết về bối cảnh như trong tác phẩm văn học và khó diễn tả sự thay đổi phức tạp của bối cảnh.)

Câu hỏi 5

– GV yêu cầu HS phân tích điểm nhìn trần thuật trong đoạn trích tác phẩm văn học. Sau đó, GV hướng dẫn HS quan sát một cảnh quay trong phim và phân tích mẫu về góc quay đó. GV có thể đặt các câu hỏi cụ thể: *Cảnh quay này được quay từ cự li nào, gần hay xa, từ trên xuống dưới hay từ dưới lên trên? Ống kính tĩnh hay chuyển động? Quay từ điểm nhìn bên ngoài hay từ điểm nhìn của nhân vật? Tác dụng của góc quay đó là gì?* (Ví dụ: Cảnh quay cuối cùng của đoạn phim là cảnh Giăng Van-giăng nhảy xuống nước. Cảnh quay này được quay từ trên xuống dưới, qua điểm nhìn của Gia-ve, thể hiện rõ sự truy đuổi dai dẳng của Gia-ve dành cho Giăng Van-giăng, sự thay đổi địa vị của hai nhân vật, khi từ nay Gia-ve trở thành người cầm quyền, còn Giăng Van-giăng lại mang thân phận kẻ tội phạm bị truy đuổi. Cảnh quay từ trên xuống cũng tạo nên kịch tính cho đoạn phim khi ta thấy nhân vật Giăng Van-giăng biến mất trong bóng tối.)

– GV cho HS tự phân tích và thảo luận về những cảnh quay khác.

– GV tổng kết việc thảo luận và nhấn mạnh cách phân tích về góc quay cũng như tác dụng của góc quay trong một bộ phim, mối quan hệ giữa góc quay trong phim và điểm nhìn trần thuật trong tác phẩm văn học. (*Gợi ý*: Trong một bộ phim, góc quay là sự cụ thể hoá điểm nhìn tự sự và đóng vai trò là người kể chuyện. Những góc quay khác nhau (gần hay xa, từ trên xuống dưới hay từ dưới lên trên, từ điểm nhìn bên ngoài hay từ điểm nhìn của nhân vật, ống kính tĩnh hay chuyển động) nếu được sử dụng hợp lí đều phát huy hiệu quả tích cực, góp phần bộc lộ nội tâm, tính cách của nhân vật, gây ấn tượng đối với thị giác của người xem, làm tăng thêm kịch tính của phim hoặc thể hiện một ý nghĩa ẩn dụ nào đó.)

Câu hỏi 6

– Sau khi cho HS đọc lại lời đối thoại của nhân vật trong đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền* và xem lại một đoạn đối thoại trong trích đoạn phim, GV tiến hành phân tích mẫu về ca từ, giai điệu, tiết tấu của các bài hát. Ví dụ: Đoạn đối thoại giữa Giăng Van-giăng và Gia-ve, lời thoại của các nhân vật được chuyển thể thành một bài song ca của hai nhân vật. Phần ca từ làm nổi bật sự đối lập giữa một bên là sự hằn học, tàn nhẫn, độc ác của Gia-ve và một bên là lòng yêu thương, sự chính trực, can đảm của Giăng Van-giăng. Tiết tấu nhanh, âm hưởng mạnh mẽ làm nổi bật sự kịch tính của phim, tạo sự căng thẳng, hồi hộp nơi người xem.

– GV hướng dẫn HS tự phân tích các lời thoại khác trong trích đoạn phim như phần độc thoại của Phăng-tin, phần đối thoại giữa Phăng-tin và Giăng Van-giăng.

– GV tổng kết các ý kiến đóng góp của HS và hướng dẫn các em cách phân tích lời thoại trong một bộ phim. (*Gợi ý*: Lời thoại là một yếu tố quan trọng trong phim, giúp bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, tư tưởng, tính cách, số phận của nhân vật. Khi phân tích lời thoại, cần chú ý đến nội dung lời thoại, ngữ điệu, giọng điệu của nhân vật, các hiệu ứng âm thanh hỗ trợ cho lời thoại.)

– GV nhấn mạnh sáng tạo độc đáo của bộ phim *Những người khốn khổ*: Việc chuyển lời đối thoại của nhân vật thành các bài hát được thu âm trực tiếp tại trường quay tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt cho bộ phim. Vì âm nhạc có khả năng kì diệu trong việc truyền tải cảm xúc nên sự kết hợp giữa điện ảnh và âm nhạc trong phim giúp biểu đạt một cách tinh tế và sâu sắc diễn biến cảm xúc của nhân vật, đồng thời tác động mạnh tới cảm xúc của người xem. Tuy nhiên, điều này cũng tạo nên tiết tấu khá chậm của bộ phim so với bộ phim cùng tên được chuyển thể trước đó.

Câu hỏi 7

– GV hướng dẫn HS thảo luận về thông điệp được truyền tải qua đoạn trích tác phẩm văn học và qua đoạn phim.

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: *Dựa vào đâu em nhận ra được thông điệp đó?*

– GV tổng kết các ý kiến thảo luận của HS, hướng dẫn HS cách nhận ra thông điệp trong một bộ phim, nhấn mạnh thêm chuyển thể điện ảnh là một cách tiếp nhận văn học mà trong đó đạo diễn và nhóm làm phim cũng là người đọc; họ có quyền đọc tác phẩm theo cách của mình, có thể truyền tải những thông điệp khác với thông điệp được thể hiện trong tác phẩm văn học. Mặt khác, mỗi tác phẩm văn học luôn có tính mơ hồ, đa nghĩa, mở ra nhiều cách diễn giải khác nhau, nên mỗi người đọc có thể rút ra một thông điệp khác nhau, dựa trên trải nghiệm của cá nhân.

2. Xem một bức tranh được chuyển thể từ văn học

Hoạt động 1 Khởi động

– GV dựa vào phần giới thiệu ở đầu mục II trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12* (tr. 40), nhắc lại cho HS một số điểm cần lưu ý khi xem một bức tranh được chuyển thể từ tác phẩm văn học, nhất là việc đặt bức tranh cụ thể vào bối cảnh lớn hơn. GV nhấn mạnh, mỗi tác phẩm văn học mở ra và chấp nhận nhiều cách đọc khác nhau, trong đó, cách đọc của hoạ sĩ được thể hiện qua tác phẩm hội hoạ chuyển thể. Tương tự như vậy, một tác phẩm hội hoạ cũng mở ra và chấp nhận nhiều cách xem khác nhau. Chúng ta cần tôn trọng tất cả các cách đọc, cách xem đó.

– GV tìm một số bức tranh chuyển thể từ tác phẩm văn học và trình chiếu trước lớp, hoặc giao nhiệm vụ này cho HS. Các em có thể tìm bản sao, bản chụp của chính các bức tranh được liệt kê trong SGK (tr. 40) hay tìm thêm các bức tranh khác. GV lưu ý HS nên tìm tranh của cả hoạ sĩ Việt Nam và nước ngoài.

Hoạt động 2 Chuẩn bị xem

– GV chia HS thành các nhóm và giao nhiệm vụ tìm hiểu, tóm tắt thông tin theo ba hướng: về tác giả, về bức tranh và về thể loại tranh sơn dầu.

– Kết quả chuẩn bị có thể được trình bày trên lớp qua một số hình thức phù hợp: trình chiếu, làm poster, tranh vẽ, bảng biểu, sơ đồ,... Ở phần này, do đối tượng tìm hiểu là hội hoạ, GV nên cố gắng cho HS khai thác tối đa phương tiện phi ngôn ngữ.

Hoạt động 3 Xem tranh

Dựa trên các thông tin về bức tranh được cung cấp trong SGK và các thông tin tìm được qua hoạt động trên, GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, hoàn thành nội dung bảng gợi ý trong SGK (tr. 42). GV lưu ý HS, các yếu tố của hội hoạ được nêu trong bảng như bố cục; màu sắc; chất cảm; hoà sắc; hình, khối, nét và không gian đều đã được học trong CT môn Mĩ thuật ở các lớp dưới. HS nhớ lại các kiến thức đó và thực hành theo bảng gợi ý.

Hoạt động 4 Trả lời câu hỏi

Câu hỏi 1

– HS cần kết hợp việc xem tranh với các kiến thức đã được trình bày trong phần *Tri thức tổng quát* và các kiến thức đã học về trường phái, phong cách hội hoạ của môn Mĩ thuật để trả lời câu hỏi này.

– GV có thể nhắc đến một số phong cách hội hoạ khác như lãng mạn, hiện thực, ấn tượng, biểu hiện, lập thể, tượng trưng, siêu thực, trừu tượng,... với các ví dụ minh hoạ cụ thể để giúp HS xác định rõ hơn đặc trưng "tả thực" thể hiện trong bức tranh này.

Câu hỏi 2

Đây là câu hỏi yêu cầu HS quan sát, nhận biết và miêu tả. HS làm việc nhóm, sau đó mời đại diện nhóm trình bày câu trả lời, GV nhận xét và tổng kết. *Gợi ý*: Liên hệ hình ảnh hai nhân vật chính ở trung tâm của bức tranh với tên của bức tranh và tên của vở kịch.

Câu hỏi 3

GV yêu cầu HS quan sát, sau đó miêu tả hoạt động của hai nhân vật. GV cho HS làm việc nhóm, sau đó mời đại diện nhóm trình bày câu trả lời, GV nhận xét và tổng kết. *Gợi ý*: Việc quan sát, nhận biết, miêu tả trong câu hỏi này cần được tiến hành đồng thời với việc liên hệ hình ảnh hai nhân vật trong vở kịch (cụ thể là trong đoạn trích đã được học ở lớp 9) và trong bức tranh.

Câu hỏi 4

Câu hỏi này có độ khó cao hơn so với các câu hỏi trước. GV cho HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm, sau đó, tổ chức cho các nhóm trao đổi, tranh biện một cách ngắn gọn. *Gợi ý*: Sự "tương phản" ở đây nên được nhìn nhận từ nhiều góc độ, theo nhiều chiều hướng như: về màu sắc có đậm – nhạt, nóng – lạnh; về ánh sáng có tối – sáng; về không gian có trong – ngoài; về thời gian có quá khứ – tương lai;... Tất cả các thay đổi đó đều có thể gợi liên tưởng đến thông điệp của vở kịch: tình yêu của hai nhân vật chính là yếu tố tạo ra bước ngoặt từ quá khứ đến tương lai, bóng tối đến ánh sáng, xung đột đến hoà giải, thù hận đến yêu thương,...

Câu hỏi 5

Đây là câu hỏi yêu cầu nêu được các ý so sánh theo cảm nhận cá nhân. GV cho HS làm việc độc lập. GV lưu ý HS cần ý thức được sự khác biệt về loại hình giữa văn học và hội hoạ (đã trình bày trong phần *Tri thức tổng quát*) để làm cơ sở cho việc nhận biết và lí giải ấn tượng của mình.

Câu hỏi 6

– Đây là câu hỏi mở, nhằm khơi gợi trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo của HS. Với câu hỏi này, GV nên tổ chức cho HS làm việc độc lập.

– Yêu cầu của câu hỏi chỉ dừng lại ở giả thiết (nếu là hoạ sĩ...), tuy nhiên, GV có thể khuyến khích các HS có hứng thú với hội hoạ hiện thực hoá giả thiết này, vẽ tranh và trưng bày tại lớp hoặc đưa lên mạng theo hình thức phù hợp.

3. Nghe một ca khúc được chuyển thể từ văn học

Hoạt động 1 Khởi động

– GV dựa vào phần giới thiệu ở đầu mục III trong SGK (tr. 42 – 43), nhắc lại các điểm cần lưu ý khi nghe một tác phẩm âm nhạc được chuyển thể từ văn học. Tương tự như trường hợp của hội hoạ, ca khúc được coi là cách "đọc" tác phẩm văn học của nhạc sĩ. Ngoài ra, khác với một bức tranh, một ca khúc đến được với người nghe còn phải thông qua sự trình diễn của ca sĩ và nhạc công. Họ cũng có thể có những cách "đọc", cách "nghe" khác nhau. GV nhấn mạnh điều này để HS có ý thức tôn trọng cách "đọc", cách "nghe" của nhiều người, mặt khác HS cũng được khuyến khích mạnh dạn đưa ra cách hiểu của riêng mình.

– Ngoài các ví dụ đã được giới thiệu trong SGK, GV giao nhiệm vụ cho một hoặc một vài nhóm HS tìm hiểu trước về hiện tượng phổ nhạc cho thơ và tìm kiếm thêm các ví dụ khác. GV nên khuyến khích các em đưa ra ví dụ gần gũi với mình, như các ca khúc mới, ca khúc đang được ưa chuộng trong giới trẻ. Kết quả chuẩn bị có thể được trình bày trực tiếp trước lớp qua trình chiếu, video clip, audio,...

Hoạt động 2 Chuẩn bị nghe

– GV giao nhiệm vụ cho HS (làm việc theo nhóm) tìm hiểu thông tin về nhạc sĩ Hữu Xuân và Phan Huỳnh Điểu, hoàn cảnh ra đời của hai ca khúc. Phần chuẩn bị này có thể được trình bày ngắn gọn trên lớp. GV nhận xét, bổ sung, tổng kết những ý quan trọng cho HS.

– GV chuẩn bị sẵn văn bản bài thơ *Thuyền và biển* của Xuân Quỳnh để làm tư liệu cho các hoạt động trên lớp.

Hoạt động 3 Nghe ca khúc

– GV cho HS nghe hai ca khúc trên lớp. Trong và sau khi nghe, HS làm việc theo nhóm để hoàn thành vào vở nội dung bảng gợi ý trong SGK, tr. 43.

– Nội dung cần ghi chép thứ nhất và thứ hai của bảng đã được gợi ý phần nào trong mục *Chuẩn bị nghe*, GV lưu ý nhắc HS đọc lại các kiến thức về điệu trưởng và điệu thứ trong SGK *Âm nhạc 10* trước khi thực hiện nhiệm vụ này.

Hoạt động 4 Trả lời câu hỏi

Câu hỏi 1

– Để trả lời câu hỏi này, HS có thể làm việc theo nhóm. GV định hướng HS huy động các thông tin đã có từ các hoạt động *Chuẩn bị nghe* và *Nghe ca khúc*, đối chiếu lời bài thơ và ca từ hai ca khúc, sau đó chỉ ra các thay đổi cụ thể.

– Tuỳ điều kiện cụ thể, GV có thể khuyến khích HS bước đầu lí giải về những thay đổi này. GV nêu các câu hỏi gợi ý: *Việc cả hai nhạc sĩ chỉ sử dụng một phần bài thơ để tiến hành chuyển thể có liên quan gì đến đặc điểm của loại hình âm nhạc (so với loại hình văn học) hay không? Sự thay đổi của một số từ ngữ trong bài thơ và lời bài hát có liên quan gì đến việc bài thơ thường được đọc còn bài hát thường được hát không?*

Câu hỏi 2

GV cho HS làm việc độc lập, yêu cầu các em tìm hiểu thông tin về bài thơ, hai bài hát được chuyển thể, sau đó, trình bày so sánh cảm nhận của cá nhân. *Gợi ý*: Bài hát do nhạc sĩ Hữu Xuân phổ nhạc được viết ở điệu trưởng nên mang âm hưởng mạnh mẽ, tươi sáng, thể hiện khát khao mãnh liệt về tình yêu; còn bài hát do nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu phổ nhạc được viết ở điệu thứ nên nghiêng về chất trữ tình, nhẹ nhàng.

Câu hỏi 3

– GV có thể yêu cầu HS viết nhanh câu trả lời ra giấy, GV đọc lướt và cho một số bạn trình bày trước lớp.

– Câu hỏi chỉ yêu cầu HS hình dung và miêu tả phong cách biểu diễn. Tuy nhiên, GV có thể khuyến khích một số bạn có hứng thú trình diễn ca khúc mà mình lựa chọn để quay video clip hoặc trình bày trực tiếp trước lớp theo hình thức phù hợp.

PHẦN 2

VIẾT BÀI PHÂN TÍCH, GIỚI THIỆU VÀ THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT ĐƯỢC CHUYỂN THỂ TỪ VĂN HỌC

1. Viết bài phân tích, giới thiệu một tác phẩm điện ảnh được chuyển thể từ văn học

Hoạt động 1 Đọc bài viết tham khảo

a. Mục đích của hoạt động

Việc đọc bài viết tham khảo giúp HS hình dung ra bố cục, cấu trúc của kiểu bài, nhận biết các yếu tố thuộc ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm chuyển thể, nhận biết được các thao tác mà người viết sử dụng để phân tích tác phẩm, từ đó, giúp các em có thêm kiến thức để viết bài phân tích, giới thiệu của mình.

b. Cách thức tổ chức hoạt động

– GV có thể giới thiệu với HS bộ phim *Những người thợ xẻ* và tác phẩm văn học gốc, nhấn mạnh những sáng tạo quan trọng của đạo diễn so với tác phẩm văn học. Có thể chiếu nhanh cho HS xem một số cảnh quay quan trọng, đặc sắc trong bộ phim và cho HS đọc một vài đoạn văn tiêu biểu trong tác phẩm văn học.

– Sau khi nêu rõ mục đích của việc đọc bài viết tham khảo, GV giao nhiệm vụ cho HS trước khi đọc. Ngoài bài viết tham khảo được giới thiệu trong SGK, GV nên hướng dẫn HS tự tìm kiếm các bài viết khác trong một số cuốn sách phê bình điện ảnh, ví dụ: *101 bộ phim Việt Nam hay nhất* của Lê Hồng Lâm, *Giấy không gói được than cháy dở* của Việt Linh,... GV cũng có thể sử dụng tài liệu tham khảo là các ngữ liệu dưới dạng đa phương tiện.

– Để tiết kiệm thời gian, GV nên cho HS đọc tác phẩm văn học và xem phim trước ở nhà. HS tự đọc bài viết tham khảo và lưu ý các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản.

Dưới đây là gợi ý trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1

GV hướng dẫn HS xác định bố cục của văn bản. *Gợi ý*: Văn bản được chia làm ba phần: Phần *Mở bài* từ đầu đến "rưng rưng nước mắt" giới thiệu tên phim, đạo diễn, tên tác phẩm văn học, tác giả; nêu khái quát sự khác biệt, sáng tạo và giá trị của tác phẩm điện ảnh chuyển thể. Phần *Thân bài* từ đoạn thứ hai đến "tỏ ra hiệu quả trong hai cảnh này" phân tích các đặc điểm nổi bật của bộ phim chuyển thể trên các phương diện không gian, góc máy quay, nhân vật, cảnh quay, nghệ thuật dựng phim,... trong sự so sánh với tác phẩm văn học. Phần *Kết bài* là đoạn cuối cùng, so sánh thông điệp được chuyển tải trong bộ phim và trong tác phẩm văn học.

Câu hỏi 2

– GV yêu cầu HS đọc kĩ phần *Thân bài*, chỉ ra các yếu tố ngôn ngữ điện ảnh đã được tác giả đề cập trong bài viết và các thao tác phân tích mà tác giả đã sử dụng. Có thể thấy, tác giả đã phân tích bộ phim của Vương Đức trên các khía cạnh: mạch tự sự (góc nhìn, kết cấu), góc quay, nhân vật, cảnh quay. Thao tác so sánh giữa tác phẩm điện ảnh và tác phẩm văn học được sử dụng xuyên suốt bài viết.

– GV tổng kết, nhấn mạnh cách phân tích một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học: cần phân tích sâu những khía cạnh thuộc ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm. Ví dụ, nếu là tác phẩm hội hoạ, cần phân tích các yếu tố như màu sắc, bố cục, đường nét, hình khối; nếu là tác phẩm âm nhạc, cần chú ý đến cao độ, trường độ, nhịp điệu, tiết tấu,... Trong quá trình phân tích, cần đối sánh với các yếu tố tương tự trong tác phẩm văn học để tìm ra sự tương đồng, khác biệt và những sáng tạo nghệ thuật độc đáo cũng như thông điệp riêng của tác giả.

Câu hỏi 3

– GV hướng dẫn HS xác định các câu chủ đề, từ khoá của mỗi đoạn, từ đó tìm ra các luận điểm chính của mỗi đoạn văn. GV có thể yêu cầu HS trực quan hoá các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả sử dụng trong bài viết bằng một sơ đồ, bảng biểu phù hợp.

– GV yêu cầu HS đọc kĩ cách chọn lọc và đặc biệt phân tích dẫn chứng của tác giả. Ví dụ, khi phân tích cách tái hiện nhân vật trong bộ phim của đạo diễn Vương Đức, trong rất nhiều nhân vật, tác giả đã chọn hai nhân vật chính, đối lập nhau một cách gay gắt, để thể hiện rõ xung đột chính xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, đồng thời cũng là hai nhân vật mang đậm "chất" Nguyễn Huy Thiệp, để thể hiện rõ nét nhất mối quan hệ giữa văn học và điện ảnh. Không chỉ nêu, kể về nhân vật, tác giả còn đưa ra những phân tích, nhận định tuy ngắn gọn nhưng rất sắc sảo.

– GV lưu ý với HS về việc chọn lọc, phân tích các dẫn chứng trong tác phẩm nghệ thuật chuyển thể là một thao tác vô cùng quan trọng, đòi hỏi sự tinh tế, sắc sảo trong khả năng cảm thụ nghệ thuật. Để chọn được các dẫn chứng phù hợp, cần tự đặt ra các câu hỏi: *Luận điểm em muốn chứng minh là gì? Để chứng minh các luận điểm đó, em có thể lựa chọn những dẫn chứng nào? Dẫn chứng nào phù hợp nhất, đắt giá nhất? Có thể rút ra những nhận xét, đánh giá gì từ dẫn chứng đó?*

Hoạt động 2 Thực hành viết

Trong mục này, GV nên hướng dẫn HS các quy trình, thao tác viết qua việc thực hành trên một đề tài cụ thể. Để tiết kiệm thời gian, GV có thể sử dụng những kiến thức và kĩ năng đã học được ở Phần 1, sau khi xem và phân tích trích đoạn phim trong bộ phim âm nhạc của đạo diễn Tôm Húp-pơ. Với đối tượng HS giỏi và có khả năng tự học tốt, GV cũng có thể giao cho HS danh sách các bộ phim được chuyển thể từ văn học, HS sẽ đọc tác phẩm, xem phim trước ở nhà và thực hiện từng hoạt động theo hướng dẫn trong SGK.

a. Chuẩn bị

GV hướng dẫn HS thảo luận về bộ phim và tác phẩm văn học được chuyển thể dựa trên các câu hỏi: *Bộ phim mà em đã xem có tên là gì? So với tác phẩm văn học, bộ phim đã có những thay đổi, sáng tạo ra sao? Yếu tố nào đã được tô đậm hoặc bổ sung, yếu tố nào đã bị làm mờ đi trong quá trình chuyển thể? Ấn tượng của em khi xem bộ phim là gì? Thông điệp của đạo diễn liệu có khác với thông điệp của nhà văn?*

HS có thể làm việc theo nhóm để chia sẻ, thảo luận về bộ phim mà mình yêu thích.

b. Tìm ý, lập dàn ý

Dựa trên nội dung đã thảo luận ở phần chuẩn bị cũng như những hướng dẫn trong SGK, GV yêu cầu HS xác định ý tưởng trung tâm, chọn lọc các ý theo trật tự logic, sau đó lập dàn ý cho bài viết. HS có thể làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ của mình.

c. Viết

Từ những chất liệu mà HS tự rút ra sau quá trình thảo luận, GV hướng dẫn HS cách tìm ý và lập dàn ý thông qua một ví dụ cụ thể. Với trích đoạn phim về cuộc chạm trán giữa Gia-ve và Giăng Van-giăng trong giờ khắc hấp hối của Phăng-tin trong bộ phim âm nhạc *Những người khốn khổ*, GV có thể hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ tư duy hoặc lập bảng biểu để sắp đặt các thông tin theo một dàn ý mạch lạc và khoa học.

GV nên giao nhiệm vụ cho HS chọn một ý trong dàn ý đã được xây dựng để viết thành đoạn văn ngay tại lớp và hoàn thiện phần còn lại của bài viết ở nhà. Nếu có thời gian, HS có thể viết tại lớp một bài giới thiệu ngắn về bộ phim được chuyển thể từ tác phẩm văn học.

d. Chỉnh sửa, hoàn thiện

HS tự chỉnh sửa lại bài viết theo bảng kiểm trong SGK (tr. 50). GV có thể tổ chức một hội thảo hoặc xây dựng một kênh podcast, youtube, blog,... để HS cập nhật và chia sẻ các bài viết của mình dưới nhiều dạng thức khác nhau.

2. Thuyết trình về một tác phẩm điện ảnh được chuyển thể từ văn học

GV có thể tổ chức một buổi hội thảo về điện ảnh, trong đó HS được tự chuẩn bị bài thuyết trình theo các bước được hướng dẫn trong SGK.

Trước khi tổ chức, GV thực hiện một số công việc sau:

– Xây dựng danh mục các tác phẩm điện ảnh nổi tiếng được chuyển thể từ văn học và yêu cầu mỗi HS hoặc mỗi nhóm HS chọn một tác phẩm để giới thiệu trong hội thảo.

– Cung cấp thêm cho HS tham khảo những bài phân tích, giới thiệu về tác phẩm điện ảnh được chuyển thể khác có thể dưới dạng đa phương tiện.

– Hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung cho bài thuyết trình, ví dụ: phiếu quan sát và ghi chép (tham khảo bảng gợi ý trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12*, tr. 39, 42, 43), dàn ý,...

Sau phần trình bày, GV hướng dẫn HS thảo luận, nhận xét, góp ý cho các bài thuyết trình, ghi nhận những cố gắng của HS.

GV tổ chức cho HS tự đánh giá và rút kinh nghiệm để bài thuyết trình sau đạt hiệu quả.

Lưu ý: Để tiết kiệm thời gian trên lớp, GV cũng có thể cho HS đăng tải các bài thuyết trình giới thiệu về tác phẩm điện ảnh trên các phương tiện truyền thông, dưới dạng video clip hoặc audio,...

PHẦN 3

THỰC HÀNH CHUYỂN THỂ TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Các bước tiến hành chuyển thể

Hoạt động 1 Chuẩn bị

Ở lớp 10, HS đã được thực hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học. Trong CĐ này, GV có thể hướng dẫn HS chuyển thể tác phẩm văn học thành tác phẩm nghệ thuật thuộc nhiều loại hình khác nhau.

GV giới thiệu thêm cho HS một số tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học, phân tích ý tưởng sáng tạo của tác giả được thể hiện trong tác phẩm.

GV hướng dẫn HS thảo luận chọn một hiện tượng văn học để chuyển thể (có thể là một nhân vật, một trích đoạn, một cảnh hoặc một sự kiện). Ví dụ, phần mở đầu văn bản *Trở về* (trích *Ông già và biển cả* của Hê-minh-uê) rất giàu chất hội hoạ, lời văn miêu tả sống động cảnh tượng ông lão Xan-ti-a-gô (Santiago) trở về sau khi đã bắt được con cá kiếm khổng lồ. Cảnh tượng này cũng thể hiện rất rõ tư tưởng chính của Hê-minh-uê trong *Ông già và biển cả*. Vì thế, có thể chuyển thể cảnh này thành một bức tranh.

GV cùng HS xây dựng ý tưởng và thực hiện các bước cụ thể để chuẩn bị chuyển thể một tác phẩm văn học. Ví dụ, để hướng dẫn HS chuyển thể cảnh tượng mở đầu trong văn bản *Trở về* thành một bức tranh, GV có thể đặt ra các câu hỏi:

– Theo em, những chi tiết nào trong đoạn văn giàu chất hội hoạ?

– Qua những chi tiết đó, em hình dung như thế nào về hình ảnh, màu sắc, ánh sáng, bố cục của cảnh tượng được miêu tả?

– Ý nghĩa, thông điệp được truyền tải trong đoạn văn là gì?

– Nếu chuyển thể đoạn văn này thành một bức tranh, em muốn vẽ bức tranh như thế nào? (Chất liệu, phong cách em lựa chọn là gì? Em sẽ sử dụng màu sắc, ánh sáng, đường nét, bố cục trong bức tranh của mình ra sao? Vì sao em lựa chọn như vậy?)

– Em muốn thể hiện điều gì qua bức tranh?

Gợi ý: Chất hội hoạ được thể hiện rất rõ qua các chi tiết: "lão dừng lại một chốc và ngoảnh lại và nhìn thấy cái đuôi khổng lồ của con cá đang dựng thẳng sau đuôi thuyền trong ánh sáng phản chiếu từ đèn đường"; "đường nét trần trụi màu trắng của xương sống và khối sẫm màu của cái đầu với lưỡi kiếm nhô ra cùng tất cả sự trống rỗng ở khoảng giữa"; "một con mèo đi ngang qua đường phía xa để làm cái gì đó";...

Từ những chi tiết này, có thể hình dung ra khung cảnh bi tráng của buổi chiều tà. Chiếc thuyền đánh cá, con cá kiếm khổng lồ và hình ảnh ông lão nổi bật trên phông nền đen thẫm của cảng biển lúc trời tối. Ánh sáng đèn đường chiếu vào bộ xương con cá kiếm làm nổi bật lên màu trắng của bộ xương sống trần trụi, đối lập với mảng tối thẫm của cái đầu khổng lồ. Ông lão đánh cá với cột buồm vắt qua vai, đang ngoái lại nhìn bộ xương con cá kiếm với một vẻ mệt nhọc và ánh nhìn trống rỗng. Trên con đường phía xa chìm trong bóng tối, một con mèo đi ngang qua và nhìn ông lão một cách thờ ơ.

Nếu chuyển đoạn trích này thành một bức tranh, có thể sắp đặt ở chính giữa bức tranh hai hình ảnh đối lập: hình ảnh ông lão nhỏ bé, mệt nhọc, áo quần xộc xệch sau một chuyến đi biển dằng dặc, những giọt mồ hôi vẫn vương trên khuôn mặt và cơ thể, song lão vẫn cố gắng trèo lên trên cột buồm và hình ảnh bộ xương trắng của con cá kiếm khổng lồ ánh lên lấp lánh dưới ánh sáng của đèn đường và cái đầu chìm trong bóng tối. Phía xung quanh là mặt biển tối thẫm. Chiếc đèn đường ở phía bên phải bức tranh, hắt ánh sáng vàng làm nổi bật các đường nét trên khuôn mặt, cánh tay, đôi vai của ông lão, hình dáng của chiếc thuyền và bộ xương con cá kiếm. Góc bên trái của bức tranh là hình ảnh con đường heo hút chìm trong bóng tối và một con mèo đang lầm lũi đi trên đường, nhìn ông lão một cách thờ ơ. Bức tranh làm nổi bật vẻ tráng lệ của bộ xương con cá kiếm, cảm giác trống rỗng của ông lão sau khi trở về, sự thờ ơ của thế giới xung quanh trước những nỗ lực của lão già Xan-ti-a-gô.

Qua việc tìm hiểu ví dụ cụ thể này, GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, xây dựng ý tưởng chuyển thể một tác phẩm văn học cụ thể mà mình yêu thích, dựa trên bảng hướng dẫn gợi ý:

Ý TƯỞNG CHUYỂN THỂ TÁC PHẨM VĂN HỌC		
Tác phẩm văn học	**Cách thức**	**Tác phẩm chuyển thể**
Tên tác phẩm: Tác giả: Nội dung chính: Thông điệp: Yếu tố nghệ thuật muốn chuyển thể:	Loại hình nghệ thuật: Phương thức chuyển thể: Thể loại: Phong cách: Hệ thống kí hiệu:	Tên tác phẩm: Thông điệp: Nội dung: Hình thức thể hiện:

Sau khi thống nhất ý tưởng, cả nhóm có thể tiếp tục thảo luận về phương án chuyển thể một cách chi tiết, sau đó thuyết trình trước lớp để nhận phản hồi của các bạn khác.

Hoạt động 2 Chuyển thể

Hoạt động chuyển thể cần nhiều thời gian cùng các phương tiện, vật liệu hỗ trợ. Vì thế, GV nên giao nhiệm vụ cho các nhóm HS tự thực hiện việc chuyển thể ở nhà. Với những nhiệm vụ chuyển thể phức tạp như chuyển thể tác phẩm văn học thành một bộ phim ngắn, một vở kịch, một cuốn truyện tranh,... HS cần biết cách lên kế hoạch, phân công nhiệm vụ và phối hợp chặt chẽ với nhau, nên tìm kiếm sự trợ giúp của những người am hiểu về nghệ thuật. Mặt khác, mỗi loại hình nghệ thuật lại đòi hỏi những quy trình, cách thức thực hiện, ngôn ngữ biểu đạt khác nhau, vì thế, GV có thể cung cấp cho HS các công cụ, tài liệu hướng dẫn để hoàn thành công việc của mình sao cho khoa học và hiệu quả nhất.

Dưới đây là một đoạn trong kịch bản phim *Bi, đừng sợ...!* của đạo diễn Phan Đăng Di. HS có thể tham khảo để hình dung được một công đoạn rất quan trọng trong quá trình xây dựng tác phẩm điện ảnh.

Bi, đừng sợ...!

(Phan Đăng Di)

1. Ngoại – Đoạn cầu thang dẫn lên tầng thượng nhà máy nước đá – Ngày

Dẫn lên tầng thượng là một cái thang bằng sắt nối từ mái của khu nhà thấp lên nóc của khu nhà cao nằm cách nhau chừng bốn mét. Cái thang đặt chéo, dài khoảng mười lăm mét, được thiết kế cho người lớn nên kích cỡ của nó rõ ràng là hơi khó cho Bi leo lên. Bi mới sáu tuổi, nó mặc quần soóc và một cái áo sơ mi màu xanh, mặt nó lấm tấm mồ hôi, miệng bặm lại, một tay nó bám chặt lấy lan can cầu thang, chân thì cố leo từng bước một lên các bậc thang sắt. Nó leo được đến khoảng giữa cái thang thì ngừng lại, đưa mắt nhìn xuống dưới. Nó nhìn thấy nơi khoảng giữa của hai khối nhà là cái sân hẹp với đầy những ống dẫn nước chạy sát tường, một chiếc xe tải đang ăn hàng. Vài cậu công nhân trẻ cởi trần vác những túi ni-lông chứa đá viên chất vào thùng xe, một người thợ điêu khắc đang dùng cưa máy tạc hình một đôi thiên nga từ thanh đá cây lớn. Không ai ngẩng lên để trông thấy Bi đang ở ngay trên đầu họ.

Từ chỗ Bi đã có thể nghe tiếng nước chảy rào rào như thể có một ngọn thác ở gần, át cả tiếng rèn rẹt phát ra từ lưỡi cưa máy ở phía dưới.

Bi tiếp tục leo, nó hổn hển vì cố sức nhưng mặt chẳng có vẻ gì là sợ hãi. Tiếng nước chảy mỗi lúc một mạnh. Khi leo hết cái thang Bi tròn mắt ngạc nhiên. Trước mắt nó là một giàn lạnh khổng lồ, nơi nước liên tục chảy rào rạt xuống những ống tròn xếp thành dãy như thác đổ… Những tia nước trở nên lóng lánh vàng trong ánh sáng của buổi chiều tà…

(*Màu chữ của phim hiện lên trên nền của hình ảnh giàn lạnh khổng lồ này.*)

Cut to[1]

2. Ngoại – Con đường – Ngày

Một chiếc xe buýt chạy trên con đường bụi mờ, đám bụi đường cũng được nhuộm vàng trong ánh sáng của buổi chiều…

Cut to

3. Nội – Trong xe buýt – Ngày

Thuý (người cô của Bi) đang trở về nhà sau buổi lên lớp. Thuý đã ngoài ba mươi, mặt gầy gò, làn da trắng mịn đã bắt đầu có những nếp nhăn. Ngồi lẫn trong đám hành khách gà gật, im lìm và đẫm đìa mồ hôi vì nóng, Thuý vẫn giữ được vẻ bình thản, xa cách. Thuý ôm trong lòng một chồng vở bài tập của học sinh, cô nhìn ra đám bụi đường đang bốc lên mù mịt ngoài cửa kính xe…

Dissolve to[2]

4. Nội – Nhà máy nước đá – Ngày

Một đám hơi lạnh trắng xoá bay ra từ một cánh cửa sắt dày đang mở. Máy rộng ra cho thấy đấy là cánh cửa dẫn vào một hầm lạnh trữ đá, Bi đứng bên ngoài. Nó tò mò nhòm qua tấm rèm nhựa trong suốt treo ở cửa. Bên trong hầm mù mịt hơi nước, càng vào trong hơi nước càng dày đặc đến mức không thể nhìn rõ bất cứ thứ gì ngoài những quầng sáng vàng vàng phát ra từ chiếc bóng điện treo trên trần. Bi đang nhìn thì nghe thấy tiếng quát từ phía sau.

Voice off[3]

– Tránh ra nào.

Bi giật mình quay lại, ngay phía sau nó là hai công nhân trẻ độ mười bảy, mười tám tuổi, mình trần, vác trên vai những túi ni-lông đựng đá viên rất nặng đang đi đến. Đó là An và Hưng. Bi nhoẻn miệng cười với họ.

---

[1] *Cut to*: chuyển sang một địa điểm khác.

[2] *Dissolve to* (mờ chồng): kĩ thuật dựng phim cho phép làm mờ một hình ảnh để thay thế bằng một hình ảnh mới.

[3] *Voice off*: đoạn thoại đầu tiên, lời thuyết minh diễn ra ở đầu cảnh.

Bi:

– Cho Bi vào cùng nhé…

Hưng (*giọng không mấy thân thiện*):

– Đi chỗ khác chơi.

Bi nhìn An cầu cứu, nó có vẻ thân với An, nhưng An đang vác nặng đến sệ cả vai, cậu ta nhìn Bi rồi đi qua nó không nói một lời. Bi nhìn theo hai người, họ nhanh chóng biến mất trong đám hơi lạnh mù mịt. Bi đánh bạo bước qua tấm rèm nhựa, hơi lạnh làm nó rùng mình khi bước về phía trước. Đột nhiên, trong đám mù mịt ấy hiện ra một người đàn ông lực lưỡng, khoảng bốn mươi tuổi, cũng cởi trần và xăm trổ đầy mình. Ông ta đẩy một cái xe không, nhìn nó trừng trừng. Bi đứng sững lại, mặt nó đờ ra vì sợ. Rồi đột nhiên nó quay ngoắt người, ba chân bốn cẳng bỏ chạy.

Giọng cười đùng đục của người đàn ông vang lên như đuổi theo nó.

Cut to

(Nguyễn Thị Phương Thảo, *Kịch bản phim truyện điện ảnh như là một thể loại văn học* – Luận án tiến sĩ, Hà Nội, 2023)

2. Công bố tác phẩm

GV có thể tổ chức một buổi công bố tác phẩm, trong đó các nhóm có thể trưng bày, trình diễn, công chiếu các tác phẩm của mình. GV nên mời ban giám khảo là GV trong trường hoặc những người có chuyên môn về nghệ thuật để đánh giá, hướng dẫn HS hoàn thiện tác phẩm nghệ thuật của mình cũng như chia sẻ về cách thức chuyển thể một tác phẩm văn học. Ngoài hình thức công bố trực tiếp, HS cũng có thể công bố tác phẩm dưới những kênh thông tin khác và thu nhận lại phản hồi của các bạn trong trường, lớp.

3. Tổng kết, đánh giá

GV hướng dẫn HS tự đánh giá lại quá trình làm việc của mình, đánh giá sản phẩm của bạn dựa trên các câu hỏi gợi ý trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12* (tr. 55).

GV tổng kết lại các nội dung được học trong CĐ, định hướng và gợi ý cách ứng dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống, đánh giá thái độ và kết quả học tập của HS trong hoạt động thực hành chuyển thể cũng như trong cả quá trình học tập CĐ này.

CHUYÊN ĐỀ 3

TÌM HIỂU PHONG CÁCH SÁNG TÁC CỦA MỘT TRƯỜNG PHÁI VĂN HỌC: CỔ ĐIỂN, HIỆN THỰC HOẶC LÃNG MẠN

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được phong cách sáng tác của một trường phái (trào lưu) văn học qua một số đặc điểm cơ bản.
- Biết các yêu cầu và cách thức tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học.
- Biết viết bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học.
- Vận dụng được những hiểu biết từ CĐ để tìm hiểu về phong cách sáng tác của một số trường phái văn học khác.
- Biết thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học.

II CHUẨN BỊ

1. Giới thiệu chung

SGK Ngữ văn hai cấp THCS và THPT đã giới thiệu cho HS nhiều tác phẩm nổi tiếng thuộc một số trường phái văn học có ảnh hưởng lớn trên thế giới, nhất là các trường phái cổ điển, hiện thực và lãng mạn. Nhưng xung quanh các tác phẩm đó, SGK chưa trình bày đầy đủ kiến thức chung về từng trường phái có liên quan, bởi các bài học đặt trọng tâm vào đặc điểm thể loại văn bản mà không phải là kiến thức lịch sử văn học.

Thực tế trên cho thấy ý nghĩa quan trọng của việc học CĐ 3 – một CĐ có mục đích đưa đến cho đối tượng HS muốn học chuyên sâu môn Ngữ văn một số kiến thức khái quát về các trường phái văn học lớn. Theo đó, CĐ sẽ giúp các em hiểu toàn diện hơn đóng góp của các tác phẩm cụ thể (đã học) trong việc khẳng định những hướng tìm tòi mới mà từng trường phái văn học đã vạch ra nhằm thúc đẩy sự vận động của lịch sử văn học.

CĐ này có mối liên hệ chặt chẽ với CĐ 1 vì khi tìm hiểu khái niệm *văn học hiện đại*, theo logic, HS sẽ phải tìm hiểu lịch sử phát triển cũng như các yếu tố cấu thành, các xu hướng tìm tòi của đối tượng này. Vì vậy, chính CĐ 1 đã báo trước các nội dung của CĐ 3 và để học tốt CĐ 3, HS nhất thiết phải huy động những kiến thức, kĩ năng đã được hình thành qua thực hiện những yêu cầu ở CĐ 1.

Tên của CĐ 3 không có từ *nghiên cứu* như tên của CĐ 1, thay vào đó là từ *tìm hiểu*. Đây là điều đã được người biên soạn CT cân nhắc kĩ, vì trong điều kiện dạy học hiện nay, yêu cầu HS phải nghiên cứu về phong cách sáng tác của một số trường phái văn học là không thật hợp lí.

Vả lại, phong cách sáng tác của các trường phái đã được nhiều nhà nghiên cứu đi trước khảo sát, khái quát và nêu lên thành những luận điểm được thừa nhận rộng rãi, được trình bày trong không ít tài liệu lịch sử văn học, lí luận văn học (rõ nhất là trong các từ điển thuật ngữ, giáo trình). Vì vậy, trọng tâm của CĐ 3 được xác định là tìm hiểu những biểu hiện của phong cách sáng tác một trường phái ở những hiện tượng văn học, tác phẩm văn học cụ thể. Khi thực hiện yêu cầu này, HS phải vận dụng những kiến thức đã được trang bị về phong cách sáng tác của từng trường phái để đi sâu phân tích giá trị của các tác phẩm văn học mà mình có cơ hội học, đọc, tiếp cận. Đây rõ ràng là một nhiệm vụ vừa sức, có thể dành cho HS nhiều cơ hội khám phá, bộc lộ quan điểm, cách đánh giá riêng về các đối tượng được tìm hiểu.

Theo yêu cầu cần đạt do CT xác định, nội dung CĐ 3 được chia thành ba phần:

Phần 1. *Tìm hiểu cách nghiên cứu phong cách sáng tác của một trường phái văn học*

Phần 2. *Viết bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học được thể hiện qua những tác phẩm cụ thể*

Phần 3. *Thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học*

Với Phần 1, HS sẽ theo dõi cách các nhà nghiên cứu lịch sử văn học, lí luận văn học đã thực hiện khi khảo sát hoàn cảnh nảy sinh, nội dung tìm tòi, đường hướng vận động, tầm ảnh hưởng của các trường phái văn học,... trước khi nêu lên hệ thống luận điểm khái quát tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận những sáng tác cụ thể của từng trường phái đó.

Với Phần 2, HS được rèn luyện cách thực hiện những bài viết hoặc báo cáo nghiên cứu nhỏ về một số tác phẩm cụ thể thuộc một trong các trường phái văn học đã tìm hiểu ở Phần 1, trên cơ sở vận dụng hợp lí hệ thống luận điểm khái quát thường được nêu rõ trong các từ điển thuật ngữ, giáo trình và sau đó được trình bày một cách cô đọng trong phần *Tri thức tổng quát* của CĐ.

Với Phần 3, HS được rèn luyện kĩ năng thuyết trình về một vấn đề có độ khó cao hơn so với các vấn đề thuyết trình khác từng được trình bày trong hoạt động nói và nghe trước đây.

Nhìn chung, khi dạy học CĐ này, GV cần biết phối hợp hài hoà giữa lí thuyết và thực hành. Ngay với phần trình bày lí thuyết trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12*, GV cũng phải thiết kế được các bài tập phù hợp để HS thông qua việc giải quyết chúng mà hình thành được kiến thức tương đối bao quát, toàn diện về phong cách sáng tác của một số trường phái văn học tiêu biểu.

Tài liệu về phong cách sáng tác của các trường phái văn học có khá nhiều. Tuy nhiên, ở đó, trong từng ngữ cảnh cụ thể, các thuật ngữ chính đã được dùng theo những nghĩa rộng, hẹp khác nhau, đó là chưa kể việc chúng thường được dùng đan xen với nhiều thuật ngữ khác có nội dung liên đới hoặc gần gũi. Ý thức rất rõ về vấn đề này, người biên soạn SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12* đã cố gắng đưa đến cho GV, HS một cái nhìn bao quát nhất, đảm bảo tính hệ thống về phong cách sáng tác của các trường phái văn học ở phần *Tri thức tổng quát*.

Tài liệu tham khảo

Để nắm vững các thuật ngữ và vấn đề lí luận văn học được đề cập trong CĐ này, GV cần tìm đọc thêm các tài liệu sau đây, ngoài những tài liệu đã được giới thiệu trong SGK:

1. N. A. Gulaiep (1982), *Lí luận văn học*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

2. X. M. Pêtơrốp (1986), *Chủ nghĩa hiện thực phê phán*, Đặng Anh Đào – Nguyễn Đức Nam – Phạm Văn Trọng dịch, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

3. Bôrix Xuskov (1980), *Số phận lịch sử của chủ nghĩa hiện thực*, Hoàng Ngọc Hiến – Lại Nguyên Ân – Nguyễn Hải Hà dịch, NXB Tác phẩm mới – Hội Nhà văn Việt Nam, Hà Nội.

4. Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

5. Nguyễn Văn Hạnh – Huỳnh Như Phương (1995), *Lí luận văn học – Vấn đề và suy nghĩ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

6. Đỗ Đức Hiểu (1994), *Đổi mới phê bình văn học*, NXB Khoa học xã hội – NXB Mũi Cà Mau.

7. Phương Lựu (Chủ biên) – La Khắc Hoà – Trần Mạnh Tiến (2006), *Lí luận văn học*, tập 3 – *Tiến trình văn học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8. Trần Đình Sử (2014), *Trên đường biên của lí luận văn học*, NXB Văn học, Hà Nội.

9. Viện Văn học (1990), *Văn học và hiện thực*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

2. Phương tiện dạy học

– Về phía HS: CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK; một số sơ đồ về sự phát triển của các trường phái (trào lưu) văn học; tranh ảnh về các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng thuộc các trường phái cổ điển, hiện thực, lãng mạn;...

– Về phía GV: CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK, SGV; một số tác phẩm tiêu biểu của chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn; các tài liệu tham khảo đã giới thiệu ở trên; phiếu học tập để HS chuẩn bị các nội dung liên quan đến bài học; giáo án điện tử dạy học CĐ 3;...

III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tìm hiểu tri thức tổng quát

Trước khi khái quát về phong cách sáng tác của một số trường phái văn học tiêu biểu, phần *Tri thức tổng quát* trong CĐHT Ngữ văn lớp 12 – SGK đã giới thuyết về hai khái niệm, thuật ngữ quan trọng: *trường phái văn học* và *phong cách sáng tác của một trường phái văn học*. Chỉ thông qua nắm vững hai khái niệm, thuật ngữ này, HS mới có thể tiếp thu thuận lợi những kiến thức được trình bày ở phần sau. HS cần trả lời đầy đủ bốn câu hỏi nêu trong SGK (tr. 61) khi chuẩn bị bài ở nhà. Ở trên lớp, GV phải khai thác được các kết quả chuẩn bị của HS và nêu thêm một số câu hỏi để HS trao đổi, thảo luận.

Tìm hiểu thuật ngữ *trường phái văn học*

Để giúp HS hiểu rõ thuật ngữ này, sau khi cho các em đọc phần liên quan trong SGK, GV có thể nêu một số câu hỏi gợi dẫn:

– Có thể căn cứ vào điều gì để xác nhận sự tồn tại của một trường phái văn học?

Với câu hỏi này, trên cơ sở bám sát nội dung được trình bày trong SGK, HS phải nêu được các căn cứ chính: tập hợp một nhóm nhà văn cùng lí tưởng nghệ thuật; nhóm nhà văn đó có định hướng hoạt động rõ nét nhằm thực hành và cổ xuý một khuynh hướng sáng tác riêng.

– Khuynh hướng sáng tác riêng của từng trường phái được hình thành trên cơ sở nào?

Với câu hỏi này, GV phải giúp HS nhận thức được: thứ nhất, đó là sự nảy sinh những nhu cầu tư tưởng, thẩm mĩ mới của công chúng nghệ thuật – một nhu cầu đòi hỏi phải được đáp ứng; thứ hai, đó là sự nhạy bén của các nhà văn trong việc nắm bắt trúng nhu cầu tư tưởng, thẩm mĩ mới của thời đại; thứ ba, đó là sự bất cập của những khuynh hướng sáng tác đã có trong việc đáp ứng sự chuyển hướng trong nhu cầu nghệ thuật của công chúng; thứ tư, đó là sự xuất hiện của những sáng tác đầu tiên chứa đựng nhân tố mới có thể gợi ý cho cả một phong trào sáng tác sôi nổi.

– Có thể nói gì về vận mệnh lịch sử của các trường phái văn học?

Với câu hỏi này, các ý cần nêu được thông qua trao đổi: các trường phái văn học tồn tại trong những khoảng thời gian dài, ngắn khác nhau, tuỳ vào các điều kiện văn hoá, xã hội, thẩm mĩ cụ thể; có những trường phái văn học có vận mệnh lâu dài, gây được ảnh hưởng quốc tế rộng rãi; mọi trường phái văn học, dù phạm vi hoạt động rộng, hẹp khác nhau, thời gian tồn tại không tương đồng, đều có những đóng góp giàu ý nghĩa vào quá trình văn học, làm đa dạng hoá sự phát triển của văn học.

Tìm hiểu khái niệm *phong cách sáng tác của một trường phái văn học*

GV cho HS đọc nội dung lớn thứ hai của phần *Tri thức tổng quát* và tiến hành trao đổi về nội dung này dựa trên các câu hỏi 2, 3 (tr. 61) trong SGK và một số câu hỏi mới do GV nêu:

– Khi muốn xác định phong cách sáng tác của một trường phái văn học, ta phải bao quát được những yếu tố cơ bản nào trong các sáng tác thuộc trường phái ấy?

Dựa vào đoạn văn đầu tiên trong mục có liên quan, HS cần trả lời được: Các yếu tố cơ bản phải bao quát gồm: cái nhìn nghệ thuật về đời sống; cách xử lí các đề tài, chủ đề; cách xây dựng hệ thống hình tượng; cách vận dụng các phương thức, phương tiện biểu hiện nghệ thuật.

– Vì sao khi nói về phong cách sáng tác của một trường phái văn học, cần phải quan tâm trình bày các "biến thể" của nó ở những thể loại khác nhau?

Câu hỏi này đã được nêu trong SGK (tr. 61), khi trả lời, cần nêu các ý: Nếu chỉ nêu được các đặc điểm chung nhất của phong cách trường phái, người ta khó vận dụng chúng khi đánh giá những sáng tác cụ thể vốn được viết theo những thể loại khác nhau, vì ngoài việc chịu sự chi phối của phong cách trường phái, một sáng tác cụ thể còn chịu sự chi phối của quy luật thể loại.

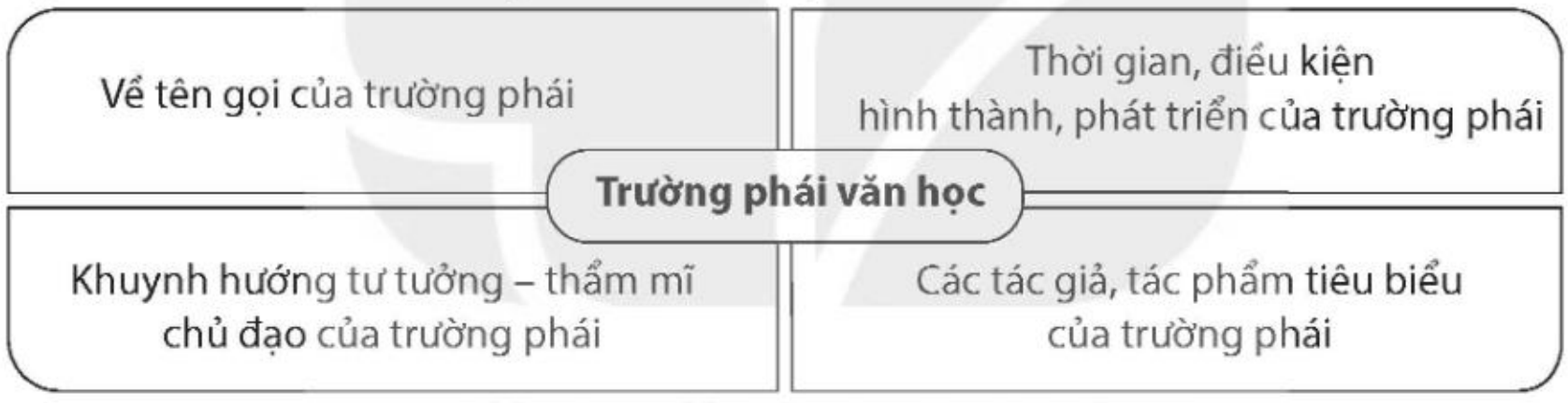
– Giữa phong cách sáng tác của một trường phái văn học và phong cách nghệ thuật của từng nhà văn thuộc trường phái đó có mối quan hệ như thế nào?

Đây là câu hỏi 2 trong SGK (tr. 61). GV nhắc HS đọc đoạn cuối của mục *Phong cách sáng tác của một trường phái văn học* để có câu trả lời phù hợp. Các cụm từ đáng lưu ý trong đoạn này: "không mâu thuẫn hay loại trừ", "làm nên sức sống thực sự cho phong cách sáng tác chung", "tạo tiền đề cho bước phát triển mới của phong cách chung",...

Tìm hiểu đặc điểm phong cách sáng tác của một số trường phái văn học tiêu biểu

Theo yêu cầu của CT, GV có thể chỉ chọn hướng dẫn cho HS tìm hiểu về phong cách sáng tác của một trong ba trường phái văn học là cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn. Từ cấp THCS đến THPT, HS đã được học một số sáng tác tiêu biểu của cả ba trường phái này (bi kịch, hài kịch của trường phái cổ điển; tiểu thuyết, truyện ngắn của trường phái hiện thực; tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ trữ tình của trường phái lãng mạn). Do vậy, với CĐ 3, việc chọn dạy học về trường phái nào cũng có cơ sở. Nhưng nếu xét kĩ mọi tương quan, có thể thấy việc dạy học về trường phái hiện thực hay trường phải lãng mạn sẽ gặp nhiều thuận lợi hơn. Đây là điều GV cần cân nhắc tuỳ vào tình hình thực tế.

Trong SGK, phần giới thuyết chung về trường phái được đặt trước phần trình bày về phong cách sáng tác của trường phái. Khi hướng dẫn đọc phần này, GV cần gợi ý một sơ đồ đơn giản để HS dễ nắm bắt và ghi nhớ các thông tin:



Phần khái quát đặc điểm phong cách sáng tác của trường phái chứa đựng những kiến thức có thể vận dụng trực tiếp vào thực tế phân tích tác phẩm. GV lưu ý HS nên tập trung chú ý vào phần này.

Khi hướng dẫn HS nắm bắt đặc điểm phong cách sáng tác của từng trường phái, để các em không cảm thấy vấn đề quá trừu tượng, GV cần phải phân tích một số ví dụ cụ thể lấy từ những tác phẩm mà HS đã học hoặc dễ dàng tìm đọc thêm.

Liên quan đến vấn đề phân tích ví dụ cụ thể, GV thường sẽ chủ yếu khai thác nguồn ngữ liệu từ văn học Việt Nam. Điều này có thể chấp nhận khi thuật ngữ *trường phái văn học* được hiểu theo nghĩa lâm thời, thuận theo thói quen dùng thuật ngữ có phần thiếu chặt chẽ trong không ít tài liệu nghiên cứu văn học ở ta. Tuy nhiên, cần tránh cách nói khẳng định như: tác phẩm này của trường phái lãng mạn, tác phẩm kia của trường phái hiện thực,... Rất cần sử dụng hình thức diễn đạt uyển chuyển mà nội dung các đoạn liên quan đến văn học Việt Nam trong SGK (tr. 58 – 61) đã gợi ý. Nếu hiểu thuật ngữ cho chính xác, khó có thể nói rằng ở Việt Nam đã có sự hiện diện của các trường phái văn học như cổ điển, hiện thực và lãng mạn. Thực tế, đó chỉ là một số trong nhiều trường phái của văn học phương Tây, tuy rằng chúng đã gây ảnh hưởng rộng khắp thế giới. Đây có thể xem là những ý cần trả lời cho câu hỏi 4 (tr. 61) đặt sau phần *Tri thức tổng quát* của SGK CĐ.

PHẦN 1

TÌM HIỂU CÁCH NGHIÊN CỨU PHONG CÁCH SÁNG TÁC CỦA MỘT TRƯỜNG PHÁI VĂN HỌC

1. Nhận biết cách nghiên cứu phong cách sáng tác của trường phái văn học qua một bài viết cụ thể

Hoạt động 1 Đọc bài viết tham khảo

– Bài viết tham khảo được giới thiệu ở Phần 1 trong SGK *Chuyên đề học tập Ngữ văn 12* mang đậm tính chất phê bình văn học hơn là tính chất học thuật, nghiên cứu. Tuy nhiên, với HS, đây là văn bản đọc phù hợp, vừa có những phân tích sinh động về một tiểu thuyết nổi tiếng của văn hào Vích-to Huy-gô – nhà văn từng được các em biết tới khi học đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền* ở SGK Ngữ văn lớp 10, lại vừa có những luận điểm khái quát chạm đến bản chất của một trường phái văn học từng gây ảnh hưởng lớn đến văn học hiện đại Việt Nam: trường phái lãng mạn.

– GV dặn HS đọc và tìm hiểu trước về văn bản khi chuẩn bị bài ở nhà. Trên lớp, có thể dành thời gian (khoảng 5 phút cho HS đọc lại văn bản, sau đó trao đổi về các vấn đề được nêu lên trong ba câu hỏi ở SGK (tr. 66). Qua hướng dẫn HS đọc văn bản, GV cần cho các em thấy được: bài viết của tác giả Đỗ Đức Hiểu – một chuyên gia về văn học Pháp – có thể gợi ý được nhiều điều về cách nghiên cứu phong cách sáng tác của một trường phái văn học. Với HS, trong khoảng thời gian và điều kiện tra cứu hạn chế, đây là cách có thể lựa chọn để học hỏi, vận dụng vào thực tế học tập. Cách nghiên cứu này có mấy điểm đáng chú ý:

+ Rút ra từ các tài liệu nghiên cứu đã công bố – tài liệu học thuật có uy tín – những thông tin cơ bản về phong cách sáng tác của một trường phái văn học mà mình muốn tìm hiểu sâu.

+ Dùng các thông tin cơ bản nói trên làm căn cứ để khám phá một tác phẩm cụ thể của trường phái văn học đã xác định.

+ Kiểm chứng, xác nhận lại những thông tin đã có về phong cách sáng tác của trường phái văn học, qua việc đi sâu phân tích một số phương diện quan trọng của tác phẩm.

+ Mở rộng, triển khai hoặc điều chỉnh những nhận định khái quát đã có về phong cách sáng tác của trường phái văn học, dựa trên việc đọc lại tác phẩm theo tinh thần khảo sát, nghiên cứu.

– Khi hướng dẫn HS đọc (ở nhà và trên lớp), GV nhắc các em phải chú ý các thẻ chỉ dẫn đọc ở bên phải có nội dung định hướng cách tiếp cận văn bản phù hợp với yêu cầu của CĐ. Để giúp HS trả lời được ba câu hỏi đặt sau văn bản, GV có thể gợi ý như sau:

+ Với câu hỏi 1, cần căn cứ vào nhan đề văn bản để xác định hướng viết của tác giả: phân tích một số phương diện, yếu tố nổi bật trong *Nhà thờ Đức Bà Pa-ri* để nhận diện, khám phá, suy nghĩ về các đặc điểm của tiểu thuyết thuộc trường phái lãng mạn nói chung.

+ Với câu hỏi 2, cần lưu ý cách tác giả nêu những nhận định khái quát sau từng đoạn phân tích cụ thể, những nhận định khái quát đó không chỉ dành riêng cho tiểu thuyết *Nhà thờ Đức Bà Pa-ri* mà còn cho tiểu thuyết lãng mạn nói chung. Đặc biệt, hai đoạn cuối của bài viết đã thực sự mở rộng vấn đề sang tiểu thuyết của trường phái hay chủ nghĩa lãng mạn.

+ Với câu hỏi 3, cần chú ý những câu cuối của mỗi đoạn văn để tìm được các nhận định thích hợp – loại nhận định có thể giúp người đọc hình dung được rõ nét đặc điểm phong cách sáng tác của trường phái lãng mạn trong tiểu thuyết.

Hoạt động 2 Phân tích một số thao tác nghiên cứu được vận dụng trong bài viết tham khảo

– Bài viết tham khảo tuy dồi dào cảm hứng nhưng vẫn có kết cấu chặt chẽ, thể hiện rõ các thao tác nghiên cứu của tác giả. Để phát hiện các thao tác này, GV có thể nêu một số câu hỏi:

+ *Em có nhận xét gì về việc tác giả bài viết chọn "Nhà thờ Đức Bà Pa-ri" làm mẫu phân tích khi ông muốn nêu một số suy nghĩ về tiểu thuyết lãng mạn?*

+ *Để làm rõ phong cách sáng tác của trường phái lãng mạn trong tiểu thuyết, tác giả đã chú trọng phân tích những phương diện nào trong tác phẩm "Nhà thờ Đức Bà Pa-ri"? Lí do tác giả tập trung tìm hiểu các phương diện ấy là gì?*

+ *Tác giả đã quan tâm làm rõ bối cảnh thời đại của sáng tác văn học như thế nào? Việc gợi lên bối cảnh đó có ý nghĩa gì đối với việc khám phá giá trị của một tác phẩm cụ thể cũng như phong cách sáng tác của một trường phái văn học?*

+ *Trong bài viết, tác giả đã kết hợp giữa phân tích cụ thể và nêu nhận định khái quát như thế nào?*

– GV cần gợi ý cho HS cách "gọi tên" những thao tác nghiên cứu đã được tác giả vận dụng, dựa trên ý trả lời các câu hỏi nêu trên:

+ Với câu hỏi thứ nhất, thao tác cần chỉ ra là: Phải chọn được tác phẩm đủ tư cách đại diện cho một trường phái để phân tích, khi muốn qua đó làm sáng tỏ phong cách sáng tác của chính trường phái này.

+ Với câu hỏi thứ hai, thao tác cần nêu lên là: Phải chú trọng phân tích những phương diện đặc trưng của thể loại ở tác phẩm được chọn làm mẫu, khi muốn khái quát về phong cách sáng tác của trường phái được thể hiện qua một thể loại nhất định.

+ Với câu hỏi thứ ba, thao tác phải nói được là: Phải luôn đặt tác phẩm của một trường phái vào bối cảnh thời đại mà nó ra đời, nếu muốn cắt nghĩa cội nguồn của khuynh hướng tư tưởng – thẩm mĩ mà mỗi trường phái văn học đã xác định cho mình.

+ Với câu hỏi thứ tư, thao tác phải nói tới là: Mọi nhận định khái quát về phong cách sáng tác của trường phái phải được chứng minh và có thể chứng minh được bằng những cứ liệu phong phú khai thác từ thực tiễn sáng tác.

2. Xác định hệ thống thao tác cần thực hiện khi nghiên cứu phong cách sáng tác của một trường phái văn học

Trong SGK, nội dung của phần này đã được trình bày một cách tường minh với nhiều ý nhỏ thuộc các tầng bậc khác nhau. GV cho HS làm việc theo nhóm với nhiệm vụ chính là phân tích lần lượt từng ý mà SGK đã nêu. Để giúp các em hiểu rõ từng thao tác nghiên cứu, GV nhất thiết phải đưa ra được các ví dụ minh hoạ.

Hoạt động 1 Xác định hệ thống thao tác được sử dụng trong nghiên cứu tổng quan về phong cách sáng tác của một trường phái văn học

– CĐ không đặt ra yêu cầu HS phải thực hiện báo cáo nghiên cứu tổng quan về phong cách sáng tác của một trường phái văn học cụ thể nào đó. Đây là công việc đã được các nhà nghiên cứu đi trước thực hiện và đã có kết quả. Tuy nhiên, HS vẫn cần nắm được hệ thống thao tác mà họ đã sử dụng để học hỏi từ đó cách tư duy và chiếm lĩnh đối tượng ở tầm bao quát.

– GV cho mỗi nhóm HS trình bày cách hiểu của nhóm mình về 1 – 2 thao tác nghiên cứu đã nêu trong SGK (tr. 66 – 67) và nếu có thể, đưa ra quan điểm về việc vận dụng chúng:

+ Thao tác 1 (tập hợp theo mức độ bao quát nhất có thể những tác phẩm thường được cho là thuộc về một trường phái nào đó) thực chất là thao tác sưu tầm tài liệu để nghiên cứu. Ví dụ: Để làm nên công trình *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941* nhằm tổng kết một phong trào thơ được chủ nghĩa lãng mạn gây cảm hứng, hai tác giả Hoài Thanh và Hoài Chân đã phải sưu tầm và đọc hầu hết những bài thơ được công bố trong khoảng thời gian mười năm. Chính các tác giả đã viết: "Tôi đã đọc tất cả một vạn bài thơ và trong số ấy có non một vạn bài dở.". Rõ ràng, để có được một vài nhận định khái quát, nhiều khi người nghiên cứu phải xử lí một khối tư liệu khổng lồ.

+ Thao tác 2 (xác định những nét chung của các sáng tác đã được tập hợp trên các mặt) là thao tác tìm ra những nét tương đồng của vô vàn đối tượng cụ thể nằm trong cùng một "tập hợp" và quy chúng về các phương diện cơ bản của một trường phái văn học. Ví dụ cho thao tác này có thể được lấy từ các đoạn viết về ba trường phái cổ điển, hiện thực, lãng mạn trong SGK (tr. 58 – 61).

+ Thao tác 3 (tìm hiểu hệ thống nguyên nhân đưa đến những điểm chung trong các tác phẩm thuộc nhóm đã tập hợp) là thao tác cắt nghĩa sự giống nhau giữa các sáng tác vốn thuộc về những cá tính sáng tạo khác biệt. Ví dụ cho thao tác này cũng có thể được lấy từ các đoạn viết về ba trường phái cổ điển, hiện thực, lãng mạn trong SGK (tr. 58 – 61).

+ Thao tác 4 (so sánh để tìm ra nét khu biệt giữa nhóm tác phẩm này với nhóm tác phẩm vốn được cho là thuộc về một trường phái văn học khác) là thao tác so sánh đối tượng đang nghiên cứu với một đối tượng khác để nhận ra nét đặc thù của nó. Ví dụ cho thao tác này có thể được khai thác từ nhiều bài viết dễ tìm về các tác phẩm nổi tiếng của trường phái hiện thực hay trường phái lãng mạn (khi nghiên cứu hình tượng thiên nhiên trong thơ lãng mạn, người ta thường so sánh nó với hình tượng thiên nhiên trong thơ cổ điển,...).

+ Thao tác 5 (rút ra nhận định khái quát về phong cách của trường phái) là thao tác sau cùng cần thực hiện để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu. Ví dụ cho thao tác này là các đoạn viết cuối cùng trong SGK về phong cách sáng tác của ba trường phái: cổ điển, hiện thực và lãng mạn.

– Cùng với việc hướng dẫn HS phân tích các thao tác được nêu trong SGK, GV cần nhắc HS làm việc nhóm để thực hiện ở nhà hai bài tập 2, 3 trong mục *Luyện tập, vận dụng* (tr. 67), theo đúng những điều đã được chỉ dẫn (tìm sách; chọn mục từ; liệt kê tên tác giả, tác phẩm; lược ghi các ý; sưu tầm câu, đoạn thơ, đoạn văn, nhận định;...). Kết quả thực hiện hai bài tập này cần được trao đổi, chia sẻ ở trên lớp với các nhóm khác.

Hoạt động 2 Xác định hệ thống thao tác được sử dụng trong nghiên cứu dấu ấn phong cách sáng tác của một trường phái văn học ở những tác phẩm cụ thể

– Nội dung và cách triển khai hoạt động này tương tự nội dung và cách triển khai hoạt động 1. GV cho HS đọc phần viết có liên quan trong SGK (tr. 68 – 69) và lần lượt phân tích từng thao tác. SGK đã nêu các ví dụ cụ thể khi trình bày về một số thao tác. GV có thể bổ sung ví dụ phù hợp để giúp HS hiểu rõ vấn đề hơn (ví dụ có thể lấy từ bài viết tham khảo *Nhớ rừng – một bài thơ độc đáo của phong cách lãng mạn chủ nghĩa* ở tr. 70 – 75).

– GV hướng dẫn HS thực hiện ba bài tập được nêu ở phần *Luyện tập, vận dụng* (tr. 69):

+ Với bài tập 1, GV cần giúp HS xác định được các yêu cầu cơ bản sau đối với việc tìm hiểu dấu ấn phong cách sáng tác của một trường phái văn học trong những tác phẩm cụ thể:

Thứ nhất, xác định được mối liên hệ giữa những tác phẩm cụ thể sẽ được đề cập với một trường phái văn học nhất định nào đó.

Thứ hai, nêu được các luận điểm khái quát về phong cách sáng tác của trường phái mà những tác phẩm cụ thể này hiển nhiên chịu sự chi phối, tác động của nó.

Thứ ba, phân tích được dấu ấn phong cách sáng tác của một trường phái qua những tác phẩm cụ thể thuộc trường phái này ở từng phương diện cụ thể.

Thứ tư, chỉ ra được nét độc đáo của những tác phẩm cụ thể trong việc xử lí mối quan hệ giữa chúng với phong cách sáng tác của trường phái.

+ Với bài tập 2, GV cần giúp HS phân biệt được sự khác nhau về mục tiêu giữa các cặp đề tài nghiên cứu như:

(a) Đề tài thứ nhất tập trung tìm hiểu *nghệ thuật xây dựng nhân vật*. Đề tài thứ hai hướng đến tìm hiểu *nguyên tắc xây dựng hình tượng nhân vật của chủ nghĩa lãng mạn*. Đề tài thứ hai phù hợp với định hướng dạy học của CĐ là qua khảo sát, phân tích một tác phẩm cụ thể, chỉ ra được phong cách sáng tác của cả trường phái.

(b) Mục tiêu của đề tài thứ nhất là tìm hiểu *tình huống truyện độc đáo* của một tác phẩm cụ thể và chỉ giới hạn trong phạm vi ấy. Mục tiêu của đề tài thứ hai phức tạp hơn: phải làm rõ những điểm đặc thù trong cách tổ chức tình huống truyện của các truyện lãng mạn ở một tác phẩm cụ thể. Đề tài thứ hai phù hợp với định hướng dạy học của CĐ.

Khi hướng dẫn tìm hiểu các cặp đề tài (c), (d), (e), GV cũng cần giúp HS nhận ra điều tương tự đã được chỉ rõ qua phân tích các cặp đề tài (a), (b) ở trên. Lưu ý với HS: Bài viết về đề tài thứ hai trong mỗi cặp hoàn toàn có thể được thực hiện bằng cách "nâng cấp", chỉnh sửa bài viết về đề tài thứ nhất, với việc bổ sung các luận điểm nói về những vấn đề mang tính phổ quát trong phong cách sáng tác của một trường phái. Ngược lại, khi đã có bài viết về đề tài thứ hai, muốn thực hiện bài viết về đề tài thứ nhất, có thể giản lược một số ý từ bài viết đã có để bài viết về đề tài thứ nhất không đi chệch mục tiêu đã được xác định.

+ Với bài tập 3, GV nên cho HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, vì xác định luận điểm và tìm dẫn chứng là những yêu cầu tương đối khó. Bài tập này có thể được hoàn thành ở nhà.

PHẦN 2

VIẾT BÀI GIỚI THIỆU VỀ PHONG CÁCH SÁNG TÁC CỦA MỘT TRƯỜNG PHÁI VĂN HỌC ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA NHỮNG TÁC PHẨM CỤ THỂ

1. Tìm hiểu yêu cầu, đặc điểm của kiểu bài viết

Hoạt động 1 Đọc bài viết tham khảo

GV cho HS đọc trước bài viết tham khảo ở nhà và trả lời các câu hỏi đặt sau văn bản. Giữa bài viết này và bài viết tham khảo ở Phần 1 của CĐ có những điểm tương đồng về định hướng viết và cách triển khai, cùng đề cập các sáng tác mang phong cách của trường phái lãng mạn, chỉ khác về thể loại (một tác phẩm là tiểu thuyết, một tác phẩm là thơ trữ tình). Nếu có điều kiện, GV có thể thay thế bài viết về *Nhớ rừng* bằng bài viết khác về một tác phẩm được sáng tác theo phong cách của trường phái cổ điển hay hiện thực. Nếu chọn văn bản khác để thay thế, cần bám sát tiêu chí: Bài viết không đơn thuần phân tích một tác phẩm cụ thể mà phải có những luận điểm kết nối tác phẩm đó với trường phái văn học mà nó thuộc về hoặc chịu ảnh hưởng (có thể tham khảo bài viết *Phong cách hiện thực của tiểu thuyết Ban-dắc qua đoạn trích "Đám tang lão Gô-ri-ô"* ở tr. 69 – 71 của sách này).

GV cho HS trao đổi về các vấn đề được nêu lên trong ba câu hỏi trong SGK (tr. 76) và xác định câu trả lời phù hợp:

Câu hỏi 1

Bài viết tìm hiểu đặc điểm phong cách sáng tác của trường phái lãng mạn ở bài thơ *Nhớ rừng*. Cần lưu ý, phần lớn thơ trữ tình thuộc phong trào Thơ mới 1932 – 1945 ở Việt Nam được sáng tác theo phong cách của trường phái lãng mạn (nói ngắn gọn là theo phong cách lãng mạn). Cũng có một số bài thơ được sáng tác theo phong cách của các trường phái khác như Thi sơn, tượng trưng, siêu thực hoặc theo phong cách ít nhiều có sự pha trộn, mà ở đó, người ta thấy dấu ấn của nhiều trường phái với những mức độ đậm, nhạt khác nhau.

Câu hỏi 2

Tác giả bài viết đã nhận thấy một số dấu ấn của phong cách sáng tác lãng mạn trong bài thơ như: tràn đầy cảm hứng khẳng định cái tôi cá nhân, thể hiện khát vọng được giải phóng của cái tôi cá nhân; tác phẩm được xây dựng dựa trên sự đối lập gay gắt giữa hiện thực với ước mơ, hiện tại với quá khứ, cái tầm thường với cái cao cả, cái nhân tạo với cái tự nhiên,...; cái tôi trữ tình ưa đối tượng hoá lòng mình để tự ngắm, tự ve vuốt; tác giả thường xuyên dùng thủ pháp khoa trương, phóng đại, thích tuyệt đối hoá vấn đề;... *Lưu ý*: Những điều nêu ở trên cho thấy bài viết đã đặt bài thơ *Nhớ rừng* trong bối cảnh rộng của các sáng tác lãng mạn chủ nghĩa để phân tích, đánh giá, theo một định hướng phù hợp với yêu cầu thực hành viết ở Phần 2 của CĐ.

Câu hỏi 3

Có nhiều đoạn trong bài viết chú ý phân tích nét độc đáo của tác phẩm *Nhớ rừng* so với phong cách sáng tác chung của trường phái lãng mạn (có giọng thống thiết, bi phẫn gần gũi với giọng điệu nhiều sáng tác thuộc dòng văn thơ yêu nước cùng thời; hiện thực hoá tứ thơ phổ quát của trường phái lãng mạn bằng những trải nghiệm riêng biệt;...). Sự nhấn mạnh nét độc đáo này vừa có tác dụng chứng minh sức hút từ phong cách sáng tác đặc thù của trường phái lãng mạn, vừa cho thấy phong cách sáng tác chung của trường phái này không hề triệt tiêu sự sáng tạo ở mỗi cá nhân tác giả (ý sau cùng của mục *Phong cách sáng tác của một trường phái văn học* thuộc phần *Tri thức tổng quát* có thể giúp HS hiểu rõ vấn đề này).

Hoạt động 2 Xác định những đòi hỏi về nội dung và cách tổ chức của kiểu bài viết

– GV cần cho HS phân tích kĩ ý 2, ý 3 của mục *Yêu cầu* trong SGK (tr. 70). Một số câu hỏi gợi dẫn cần được nêu ra:

+ *Thế nào là kết hợp nhuần nhuyễn việc khái quát đặc điểm phong cách sáng tác của một trường phái văn học với việc phân tích tác phẩm cụ thể?*

+ *Mục tiêu chính của kiểu bài viết mà CĐ đòi hỏi là "giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái" hay "đánh giá giá trị của tác phẩm được đề cập"?*

+ *Bài viết tham khảo đặt mục tiêu nghiêng về phía nào? Nếu cần chỉnh sửa lại bài viết, hướng chỉnh sửa của em là gì?*

– Qua việc trao đổi xoay quanh các câu hỏi nêu trên, GV cần hướng HS đến các ý khái quát sau về nội dung và cách tổ chức bài viết giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học được thể hiện qua những tác phẩm cụ thể:

+ Bài viết phải nêu được những ý khái quát về các đặc điểm nổi bật trong phong cách sáng tác của trường phái (chủ yếu là các đặc điểm có thể nhận thấy ở tác phẩm được phân tích).

+ Bài viết phải nêu được lí do chọn tác phẩm làm mẫu phân tích. (*Tác phẩm có thực sự thuộc về trường phái đang được nói đến không? Liệu có thể xem tác phẩm là đại diện tiêu biểu cho phong cách sáng tác của trường phái?*)

+ Bài viết phải chứng minh được sự cụ thể hoá các đặc điểm của phong cách trường phái trong tác phẩm được chọn phân tích.

+ Bài viết cần chọn được một cách triển khai phù hợp trong hai cách phổ biến sau (HS cần thực hiện tuần tự các bước):

Cách 1	Cách 2
– Giới thiệu khái quát về trường phái.	– Giới thiệu tác phẩm được chọn phân tích.
– Giới thiệu chung về phong cách sáng tác của trường phái.	– Nêu mục tiêu hướng đến của bài viết qua phân tích tác phẩm đã xác định ở trên.
– Giới thiệu tác phẩm được xem là mẫu cần phân tích.	– Phân tích các phương diện của tác phẩm thể hiện rõ phong cách sáng tác của trường phái.
– Phân tích từng phương diện hay giá trị cụ thể của tác phẩm.	– Nêu ý khái quát về từng đặc điểm của phong cách trường phái sau các đoạn phân tích tác phẩm.
– Khái quát từng đặc điểm trong phong cách sáng tác của trường phái gắn với các đoạn phân tích tác phẩm.	– Phân tích dấu ấn cá nhân độc đáo của tác giả khi sử dụng những thủ pháp nghệ thuật quen thuộc của trường phái.
– Khái quát về các biểu hiện sinh động của phong cách sáng tác thuộc trường phái trong thực tiễn sáng tác.	– Khái quát về giá trị của tác phẩm và đóng góp của nó trong việc làm phong phú thêm phong cách sáng tác của trường phái.

Lưu ý: Đặt trong tương quan với toàn bộ nội dung dạy học được quy định trong CT giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, kiểu bài viết mà CĐ 3 yêu cầu thực hiện có phần khó với HS. Nội dung và cách triển khai bài viết nêu ở trên có khả năng ít được vận dụng vào thực tế. Vì vậy, GV nhắc HS cần đặc biệt chú ý đoạn văn đầu tiên của mục *Chuẩn bị* (tr. 76) cũng như những đề tài được gợi ý sau đó để có thể hình dung sáng rõ hơn về hướng thực hiện bài viết theo kiểu bài đã định.

2. Thực hành viết

Hoạt động 1 Chuẩn bị

– GV nhắc HS suy nghĩ thêm về kết quả các hoạt động đã thực hiện xoay quanh vấn đề *Tìm hiểu yêu cầu, đặc điểm của kiểu bài viết* (đã trình bày ở trên), đọc kĩ mục *Chuẩn bị* thuộc phần *Thực hành viết* trong SGK, xác định đề tài dự kiến sẽ viết (trên cơ sở tìm đọc tác phẩm sẽ phân tích và tài liệu về trường phái có liên quan). Nếu bài viết được các thành viên của nhóm làm chung (thường là với các đề tài bao quát số lượng tác phẩm khá lớn) thì phải có sự phân công cụ thể phần việc cho từng người.

– Từ phần gợi ý đề tài của SGK, GV có thể nêu những đề tài khác phù hợp hơn với trình độ và điều kiện học tập của HS, miễn sao tạo được điều kiện thuận lợi nhất cho các em thực hiện bài viết theo yêu cầu của chuyên đề. HS (từng cá nhân hay nhóm học tập) sẽ chọn một trong số các đề tài được SGK hoặc GV gợi ý để thực hiện.

Hoạt động 2 Tìm ý, lập dàn ý

– GV nhắc HS đọc kĩ phần *Tìm ý, lập dàn ý* trong SGK (tr. 77 – 78). Những gợi ý trong phần này chủ yếu hướng đến một cái nhìn chung về cách triển khai bài viết theo kiểu bài đã định. Trong khi đó, đề tài mà HS chọn lại rất cụ thể, vì vậy, câu hỏi tìm ý được đặt ra với mỗi đề tài là rất khác nhau.

– GV cần thiết kế hệ thống câu hỏi tìm ý phù hợp với từng đề tài mà HS đã chọn để trao đổi với các em. Hệ thống câu hỏi mới cần đảm bảo được sự thống nhất về định hướng với hệ thống câu hỏi gợi ý đã nêu trong SGK.

Hoạt động 3 Viết bài

– Tuỳ điều kiện học tập cụ thể và kế hoạch dạy học đã được thông qua, GV sẽ quyết định việc cho HS viết bài tại lớp hay ở nhà.

– GV cần nhắc HS thực hiện việc tra cứu tài liệu một cách khoa học và chú ý đến yêu cầu minh bạch, chính xác khi trích dẫn các ý kiến đánh giá hay các câu, đoạn trong tác phẩm được phân tích.

Hoạt động 4 Chỉnh sửa, hoàn thiện

GV nhắc HS phải đặc biệt chú ý đến cấu trúc của bài viết khi thực hiện việc chỉnh sửa, hoàn thiện, bởi với toàn bộ ý đã có, việc sắp xếp chúng theo các trật tự khác nhau sẽ dẫn đến việc làm thay đổi tính chất của kiểu bài.

PHẦN 3

THUYẾT TRÌNH VỀ PHONG CÁCH SÁNG TÁC CỦA MỘT TRƯỜNG PHÁI VĂN HỌC

Hoạt động 1 Chuẩn bị

– SGK đã đề cập hai loại nội dung thuyết trình, đồng thời trình bày rất chi tiết về cách thực hiện bài thuyết trình theo từng loại nội dung được chọn. GV cho HS đọc kĩ mục *Chuẩn bị* trong SGK (tr. 79 – 81), cùng các em trao đổi về những điểm được cho là khó hiểu.

– Ngoài những HS đăng kí hoặc được chỉ định thuyết trình, GV cần yêu cầu tất cả HS còn lại phải chuẩn bị bài thuyết trình theo các mức độ khác nhau. Nếu đề cương bài thuyết trình được nhóm học tập chuẩn bị chung thì mỗi người trong nhóm đều phải chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng chính mình được chọn làm người thuyết trình đại diện cho nhóm.

– GV lưu ý HS có thể tận dụng kết quả thực hiện bài tập 2 ở tr. 67 của SGK để xây dựng đề cương cho bài thuyết trình theo loại nội dung thứ nhất (Trình bày tổng quan về phong cách sáng tác của một trường phái nào đó). Với bài thuyết trình theo loại nội dung thứ hai (Nói về dấu ấn của phong cách sáng tác một trường phái văn học ở những tác phẩm cụ thể thuộc trường phái này), ngoài cách rút gọn bài viết mà bản thân đã thực hiện, còn có cách khác: chọn một bài viết phù hợp lấy từ nguồn tài liệu đã thu thập được và tổ chức lại hệ thống ý của nó để làm nên đề cương bài thuyết trình (nếu chọn cách này, cần phải nói minh bạch việc kế thừa của bản thân).

Hoạt động 2 Thuyết trình

– GV yêu cầu HS đọc kĩ những hướng dẫn của SGK về cách thuyết trình và tổ chức thuyết trình theo hai loại nội dung.

– Ngoài cách cho HS thuyết trình tại không gian của một lớp học cụ thể (như cách triển khai các hoạt động nói và nghe thông thường), GV có thể nêu ý tưởng tổ chức một buổi sinh hoạt học thuật theo quy mô lớn hơn với thành phần tham dự đa dạng, có kết hợp thuyết trình về các nội dung đã định của CĐ với biểu diễn nghệ thuật (cũng do HS đảm nhiệm). Để ý tưởng này có thể được hiện thực hoá, GV và HS phải làm việc năng động, tích cực hơn, biết huy động các nguồn lực của nhà trường, biết kết nối kế hoạch dạy học CĐ với kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm,...

Hoạt động 3 Trao đổi, rút kinh nghiệm

GV lưu ý HS về các vấn đề chính cần trao đổi, rút kinh nghiệm:

– Vấn đề thứ nhất liên quan đến tính chuyên môn, học thuật của nội dung các bài thuyết trình. Cần dựa vào gợi ý của SGK (tr. 82) để việc trao đổi tập trung vào những điểm cốt yếu.

– Vấn đề thứ hai liên quan đến kĩ năng, nghệ thuật thuyết trình của người nói (diễn giả). Việc trao đổi nên tập trung vào các điểm: sự ý thức về nội dung trọng tâm của bài thuyết trình; kĩ năng truyền cảm hứng bằng giọng nói, ngữ điệu nói kết hợp với sử dụng các động tác hình thể; cách tương tác với người nghe; cách sử dụng tranh, ảnh, video clip và các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ; việc làm chủ thời gian; việc tiếp nhận và phản hồi các ý kiến đóng góp;...

– Vấn đề thứ ba liên quan đến kĩ năng tổ chức sự kiện. Những trao đổi, rút kinh nghiệm về vấn đề này hướng đến tất cả thành viên trong lớp. Cần giúp mọi người thấy được ai cũng phải có trách nhiệm với công việc hay các hoạt động chung.

Bài viết tham khảo

Phong cách hiện thực của tiểu thuyết Ban-dắc qua đoạn trích *Đám tang lão Gô-ri-ô*[1]

(Đào Duy Hiệp)

Đoạn trích là một cuộc đưa tang lão Gô-ri-ô, "cái ông vua Lia (Lear) tăm tối đó" cho đến lúc chết vẫn lầm lẫn về một tình yêu thương mù quáng với hai đứa con gái "quý tộc". Lão tâm sự: "Cuộc đời tôi là hai đứa con gái (...). Nếu chúng ấm thì tôi chẳng thấy rét, nếu chúng cười thì không bao giờ tôi buồn. Tôi chỉ phiền muộn những phiền muộn của chúng thôi". Kể ra đó cũng là tâm sự bình thường của một người cha. Tuy nhiên, như cách làm thường thấy ở Ban-dắc là bao giờ ông cũng cấp cho nhân vật của mình một tầm vóc *khổng lồ* của tham vọng hay ham muốn. Tất cả phải *mãnh liệt*, sục sôi, hướng tới một mục tiêu duy nhất với một ý chí không hề lay chuyển. Cái mà chúng ta vẫn biết là nhân vật lãng mạn chống lại thực tại, bất chấp thực tại trong niềm cô độc để vươn tới lí tưởng bởi giữa thực tại và lí tưởng là một hố sâu mâu thuẫn ngăn cách (con đường đi từ bóng tối ra ánh sáng của Giăng Van-giăng, chẳng hạn); thì ở Ban-dắc, nhân vật chống lại số phận, đương đầu với xã hội để tiến lên *làm lành* với nó hoặc bị nó *nghiền nát*. Nhân vật của ông *nhất phiến*[2] ở chỗ nó tập trung toàn bộ sức lực, năng lượng sống vào một dục vọng duy nhất; tình yêu, sự keo kiệt, tham vọng địa vị, tiền bạc, nghệ thuật, chính trị, tình bạn,... Ở đây, với lão Gô-ri-ô, là tình phụ tử – "lực sĩ của một tình cảm độc nhất" cũng như biết bao *lực sĩ* khác trên khắp mọi nẻo đường, hang hốc trong khu rừng bạt ngàn nhân vật của Ban-dắc. "Ở nơi mà cuộc đời sản sinh ra hàng ngàn sự khác biệt, ông chỉ biết mỗi một chủ đề. Ông không biết đến những điển hình hỗn hợp. Vũ trụ của ông nghèo hơn hiện thực, nhưng nó mãnh liệt hơn. Bởi vì những nhân vật của ông là những mẫu trích, những đam mê của ông là những nguyên tố thuần khiết, những bi kịch của ông là những sự cô đặc".

Sự cô đặc về tình cha con của lão Gô-ri-ô cuối cùng cũng phải tan ra trước hạn định của Chúa: hai bài *Kinh Siêu độ* và *Kinh Cầu hồn* giá bảy mươi quan và hai mươi xu tiền công cho những xẻng đất hất xuống quan tài ông cụ đều do Ra-xti-nhắc (Rastignac) trả đã khép lại một số phận suốt đời chỉ có lòng yêu thương và đã "phá sản", thua trắng trong cuộc kinh doanh mù loà về tình thương yêu với con cái đồng thời với sự phá sản trong cuộc đời. "Đồng tiền ban cho mọi thứ, kể cả những đứa con". Cuộc đấu tranh đã được yên nghỉ.

---

[1] Tên bài viết do người biên soạn sách giáo viên đặt. *Đám tang lão Gô-ri-ô* (*Goriot*) là một đoạn trích trong tác phẩm *Lão Gô-ri-ô* của Hô-nô-rê đờ Ban-dắc (Honoré de Balzac). Đoạn trích này từng được đưa vào SGK *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015, tr. 132 – 134.

[2] *Nhất phiến*: khối thống nhất; không có những nét mâu thuẫn hay đột biến trong sự phát triển của tính cách, bất chấp sự thay đổi của ngoại cảnh, hoàn cảnh (khái niệm này thường được dùng để chỉ loại tính cách nhân vật đặc thù trong các tác phẩm văn học thuộc trường phái lãng mạn).

Đoạn văn ngắn, khách quan, rất ít Ban-dắc[1] này biểu lộ một niềm xót xa, hết sức cay đắng, mai mỉa và cả tàn nhẫn, hài hước nữa về một kiếp người được biểu đạt qua những yếu tố: thời gian, con người, đồng tiền, những suy tư trước cái đã chấm dứt và cái đang bước tới, những giọt nước mắt – cái cô đơn khủng khiếp của con người.

Thời gian trong sáng tác của Ban-dắc là một "hiện thực đang bước đi" theo cái dòng chảy tuần tự của nó. Nhìn trên nét lớn, tiểu thuyết của ông là lịch sử nước Pháp thế kỉ XIX và ông là người kể về nó một cách không mệt mỏi theo năm tháng, niên đại cụ thể, tỉ mỉ. Là người con "lắm lời" của cả hai bà mẹ giai cấp: "dân đen" và "quý tộc", ông tìm cách lí giải một cách tỉnh táo và mạch lạc các *chủng loại xã hội* trong thời đại *văn xuôi* của thế kỉ mình. Có lẽ, bên cạnh thi pháp khách quan của thời đại, sự tỉnh táo và mạch lạc đó có được, phải chăng, *người thư kí* trung thành của lịch sử nước Pháp đã phải nhờ cậy ở yếu tố *thời gian lịch biểu*?

Trong trích đoạn *Đám tang lão Gô-ri-ô* của sách giáo khoa, các cảnh đưa tang được phân bố theo thời gian tự nhiên: đoạn đầu, quan tài được đặt ở giáo đường "nhỏ, thấp và tối"; đoạn hai là việc đọc kinh "mất hai mươi phút" cho đến lúc vị linh mục giục: "đã năm giờ rưỡi rồi"; đoạn ba là việc hạ huyệt, "ngày tàn, một buổi hoàng hôn ẩm ướt" cho đến lúc "Cri-xtô-phơ (Christophe) bèn bỏ đi" và đoạn cuối là: "Ra-xti-nhắc còn lại một mình..." cho đến hết. Pa-ri đã lên đèn... Mở đầu tiểu thuyết là mụ Vô-ke (Vauquer) với quán trọ tối tàn của mụ; cuối tác phẩm là bữa tối sang trọng tại nhà phu nhân Đơ Nuy-xin-ghen (De Nucingen) của Ra-xti-nhắc: môi trường biến đổi, con người biến đổi – từ xó bếp ra chiến trường!

Đám tang vẫn đủ nghi lễ nhưng tiến hành thật ngắn ngủi, sơ sài, chóng vánh. "Hai mươi phút" cầu kinh xong là "đã năm giờ rưỡi rồi" và "Đến sáu giờ, xác ông cụ Gô-ri-ô được hạ huyệt...". Tính ra chỉ có trên dưới một tiếng cho một đám tang của kẻ khó vào lúc thời khắc của ngày tàn. Tất cả mọi người (trừ chàng trai trẻ) đều làm vì nghĩa vụ, vì tiền, không một chút xót thương,... chỉ mong cho chóng xong việc, như là để trốn chạy khỏi sự bần hàn. Lão Gô-ri-ô đã chết khốn khổ trong nghèo nàn trên một tầng gác trọ; sau đó chừng một thế kỉ, lão Hạc của Nam Cao cũng chết thê thảm trong nghèo đói trên chính mảnh vườn của mình. Cả hai nhà hiện thực đều xây dựng nên những tượng đài lận đận về tình phụ tử, song lại khác nhau biết bao. Lão Gô-ri-ô yêu thương con trong sự cứu rỗi của Chúa, trong một niềm sùng kính khắc khoải với Chúa trộn lẫn với bản năng của người cha vừa tự hào vừa tội nghiệp cùng với niềm tin thiết thực về tương lai giàu sang của chúng. Cái hơi thở "hoan hỉ" cuối cùng của người cha sau tiếng gọi tên các con đã lưu giữ lại trên nét mặt lão cái "ẩn tích đau đớn" của sự vật lộn giữa cái sống và cái chết với hi vọng là có thể còn kịp gặp lại "các thiên thần của tôi". Có lẽ không có lời điếu văn nào, *cái quan luận định* nào giản dị mà lại sâu sắc, tốt đẹp như lời của Cri-xtô-phơ khi nói với Ra-xti-nhắc về ông cụ trong lúc chờ những vị chức việc của nhà thờ đến: "Đúng thế đấy, cậu Ơ-gien (Eugène) ạ, ông cụ là người tử tế và đứng đắn, chưa bao giờ to tiếng,

[1] Có thể hiểu là ít chất Ban-dắc, không giống với phong cách viết tiểu thuyết quen thuộc của nhà văn.

không hề làm hại ai và chưa từng làm điều gì nên tội". Lão Hạc khác, lão yêu con thiết thực hơn, "ngoan cố" hơn trong ý thức hệ về cội rễ. Phải bán nơi sống hình như là một điều lén lút, sỉ nhục với lão Hạc. Lão Gô-ri-ô không "ngoan cố" bởi lão chẳng còn gì để bán nữa.

Đám tang vốn đã lạnh lẽo vào "ngày tàn", số người lại ít ỏi dần: Ra-xti-nhắc, Cri-xtô-phơ, hai vị linh mục, người bõ và "bọn gia nhân của hai người con gái ông cụ". Bọn chúng cùng với đám người nhà đạo "biến ngay" sau "bài kinh ngắn ngủi". Còn lại một mình Ra-xti-nhắc: "Chàng nhìn ngôi mộ và vùi xuống đất giọt nước mắt cuối cùng của người trai trẻ, giọt nước mắt trào ra vì những mối xúc động thiêng liêng của một trái tim trong trắng..." bởi những đồng tiền vòi vĩnh, bởi "hai chiếc xe có huy hiệu nhưng không có người ngồi" của hai người con gái ông cụ: "tội giết cha một cách phong nhã",... Hai sự chuyển động trống rỗng, "tráng lệ", đầy mai mỉa cho công cuộc "kinh doanh" để hai con gái len chân vào thế giới phù hoa của người cha tội nghiệp.

Chỉ còn lại Pa-ri, ánh đèn lấp lánh, dòng sông Xen (Seine), những biểu tượng, chói loà của những nơi sinh hoạt xã hội thượng lưu – "cái tổ ong rào rào ấy" – "trong nỗi cô đơn nhìn ngắm phiền muộn, Ra-xti-nhắc đi đến quyết định táo tợn dường như đã được nghiền ngẫm: "Nào, bây giờ chỉ còn tao với mày!". Một hiện thực đang bước đi để lại đằng sau những kẻ thất bại! Y bỏ lại chút thơ ngây còn sót lại, vướng víu,...

"Và, để mở màn cho cuộc thách thức của chàng đối với xã hội, Ra-xti-nhắc đi ăn bữa tối ở nhà phu nhân Đơ Nuy-xin-ghen".

Chỉ bằng một câu ngắn, câu cuối cùng của tiểu thuyết, Ban-dắc đã thông báo cả sự đối kháng và chấp nhận đi liền theo nhau hàm nghĩa mỉa mai cay đắng về luật sinh tồn và thích nghi chóng vánh. Món ăn đạo lí khó nuốt của Vô-tơ-ranh (Vautrin), tên tù khổ sai vượt ngục tạm trú cùng quán trọ, đang được Ra-xti-nhắc nhấm nháp theo kiểu của mình để tiêu hoá một cách thuận tiện.

Tiểu thuyết *Lão Gô-ri-ô* là sự khủng hoảng của những lầm lạc mà không người nào "vỡ mộng"... kể cả tác giả.

(Đào Duy Hiệp, *Cấu trúc bên trong – bi kịch môi trường và nhân vật trong "Lão Gô-ri-ô" của Ban-dắc*, in trong *Thơ và truyện và cuộc đời*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2001, tr. 257 – 261)

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ SÁNG – PHẠM THỊ TRANG – NGUYỄN THỊ KIM HẰNG
Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: TRẦN THU HÀ – NGUYỄN DUY LONG
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tranh bìa: Trần Văn Cẩn, *Đan len*, tranh sơn mài, 1959, 74,8 x 100,2 cm.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 12 – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

In ..... cuốn (QĐ .....), khổ 19 x 26,5cm.

In tại Công ty cổ phần in .....

Số ĐKXB: ..... – 2025/CXBIPH/..... – ...../GD

Số QĐXB: .....

In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....

Mã số ISBN: .....



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 12 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 12, tập một – SGV
2. Ngữ văn 12, tập hai – SGV
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 – SGV
4. Toán 12 – SGV
5. Chuyên đề học tập Toán 12 – SGV
6. Lịch sử 12 – SGV
7. Chuyên đề học tập Lịch sử 12 – SGV
8. Địa lí 12 – SGV
9. Chuyên đề học tập Địa lí 12 – SGV
10. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 – SGV
11. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 – SGV
12. Vật lí 12 – SGV
13. Chuyên đề học tập Vật lí 12 – SGV
14. Hoá học 12 – SGV
15. Chuyên đề học tập Hoá học 12 – SGV
16. Sinh học 12 – SGV
17. Chuyên đề học tập Sinh học 12 – SGV
18. Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử – SGV
19. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử – SGV
20. Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản – SGV
21. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản – SGV
22. Tin học 12 – SGV
23. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng – SGV
24. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính – SGV
25. Mĩ thuật 12 – SGV
26. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 12 – SGV
27. Âm nhạc 12 – SGV
28. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12 – SGV
29. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 – SGV
30. Giáo dục thể chất 12 – Bóng chuyền – SGV
31. Giáo dục thể chất 12 – Bóng đá – SGV
32. Giáo dục thể chất 12 – Cầu lông – SGV
33. Giáo dục thể chất 12 – Bóng rổ – SGV
34. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12 – SGV
35. Tiếng Anh 12 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG